



CÔNG NGHỆ
TIỀN PHONG
PHÁT TRIỂN VỮNG BỀN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018





DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Công ty: Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn

BSR: Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn

ĐHĐCĐ: Đại hội đồng Cổ đông

HDQT: Hội đồng quản trị

Ban TGD: Ban Tổng Giám đốc

TGD: Tổng Giám đốc

BKS: Ban Kiểm soát

CBCNV: Cán bộ công nhân viên

NLĐ: Người lao động

SXKD: Sản xuất kinh doanh

PCCC: Phòng cháy chữa cháy

CHCN: Cứu hộ cứu nạn

ATSKMT: An toàn sức khỏe môi trường

NLSH: Nhiên liệu sinh học

Ban KTKH: Ban Kinh tế Kế hoạch

Ban TCKT: Ban Tài chính Kế toán

Ban QTNL: Ban Quản trị nhân lực

VP: Văn phòng

Ban PCRR: Ban Pháp chế và rủi ro

Ban ATMT: Ban An toàn môi trường

Ban NCPT: Ban Nghiên cứu phát triển

Ban KD: Ban Kinh doanh

Ban TMDV: Ban Thương mại dịch vụ

Ban VHSX: Ban Vận hành sản xuất

Ban BDSC: Ban Bảo dưỡng sửa chữa

Ban ĐĐSX: Ban Điều độ sản xuất

Ban QLCL: Ban Quản lý chất lượng

Ban KTTB: Ban Kiểm tra thiết bị

Ban QLVT: Ban Quản lý vật tư

NSNN: Ngân sách Nhà nước

VĐL: Vốn điều lệ

NỘI DUNG

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	6
Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi	8
Thông điệp của Ban lãnh đạo	10

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin tổng quát	15
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	15
Quá trình hình thành và phát triển	16
Các công ty con, công ty liên kết	18
Cơ cấu cổ đông	22
Các sự kiện nổi bật	24
Danh hiệu và các giải thưởng tiêu biểu	24
Định hướng phát triển	26
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	28
Sơ đồ tổ chức	29
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	30
Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc	32
Giới thiệu Ban Kiểm soát	35
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	36



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	40
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	66
Báo cáo của Ban Kiểm soát	70
Tổ chức nhân sự	76

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thành viên, cơ cấu và hoạt động của HĐQT	80
Quản trị rủi ro	82

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

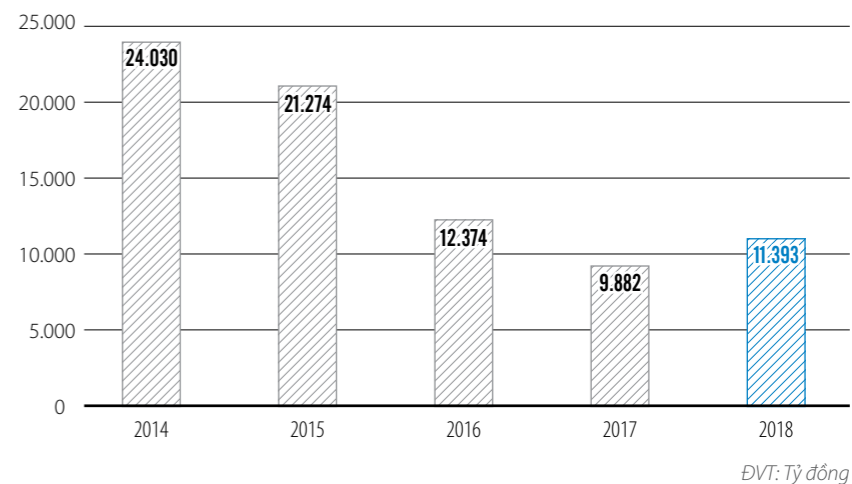
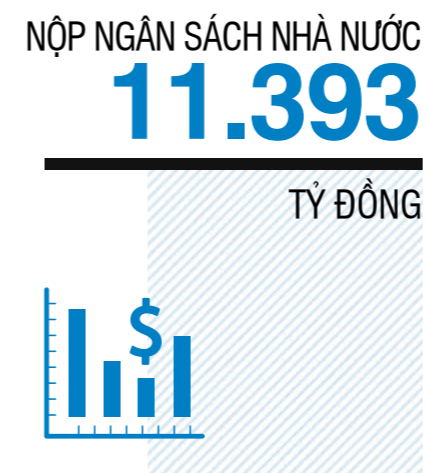
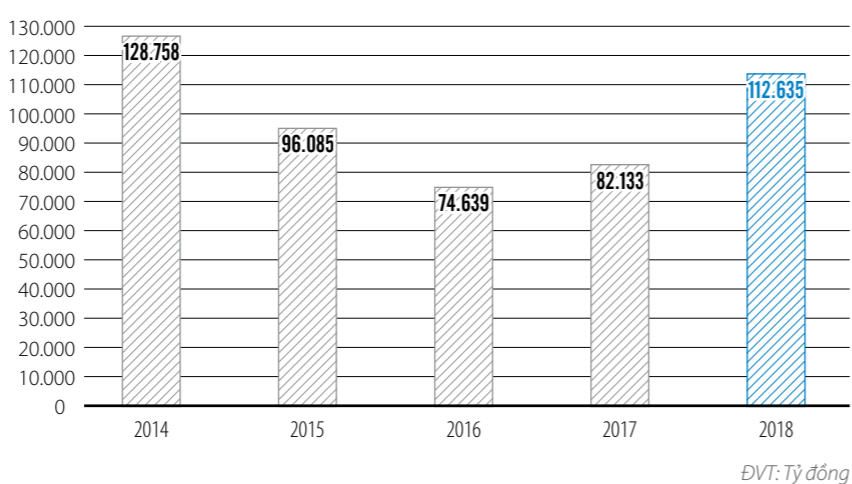
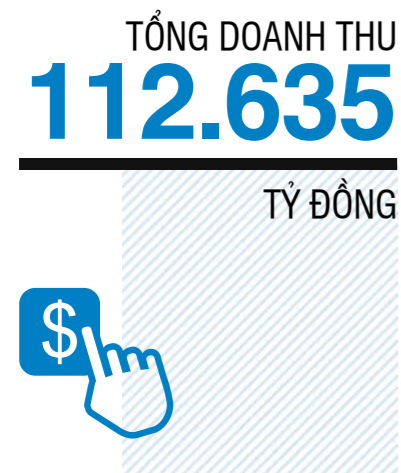
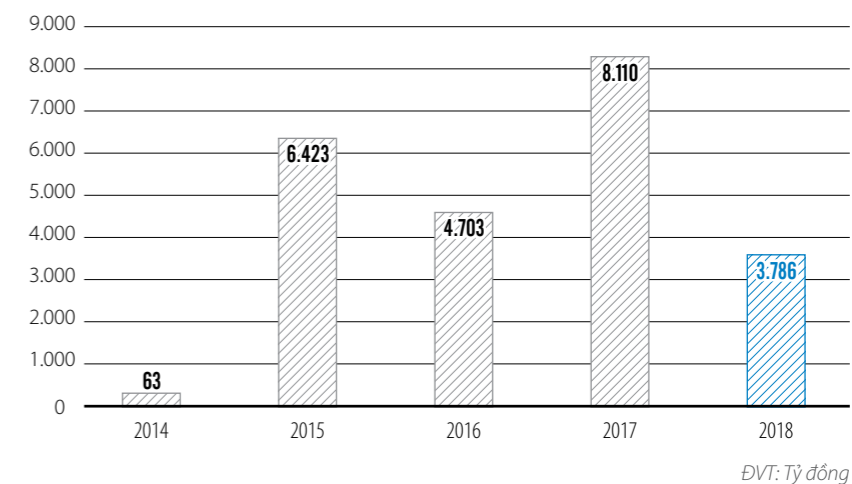
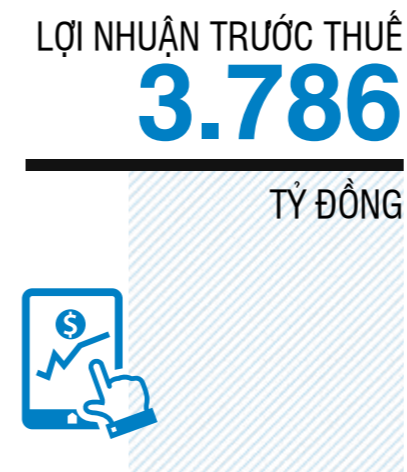
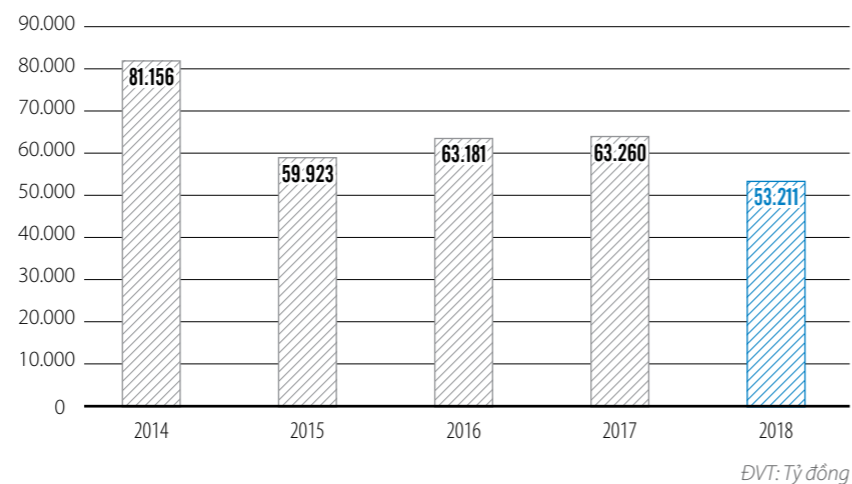
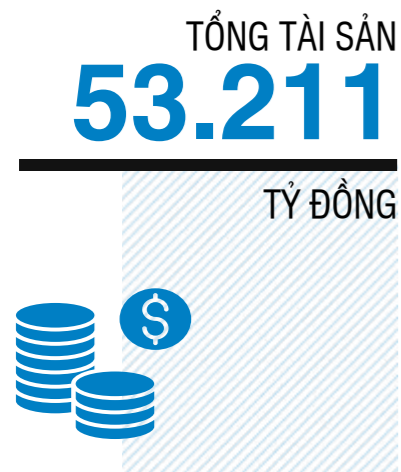
Thông điệp phát triển bền vững	88
Tổng quan báo cáo	90
Các vấn đề môi trường	92
Công tác đảm bảo An toàn - Sức khỏe - Môi trường	96
Các vấn đề xã hội	108



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	117
Báo cáo kiểm toán độc lập	119
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	121
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	123
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	124
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	126

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN



SẢN LƯỢNG DẦU DIESEL
2.850,29
NGHÌN TẤN



SẢN LƯỢNG XĂNG A95
1.697,81
NGHÌN TẤN



SẢN LƯỢNG XĂNG A92
1.039,43
NGHÌN TẤN



SẢN LƯỢNG JET A1
443,86
NGHÌN TẤN



SẢN LƯỢNG LPG
554,54
NGHÌN TẤN



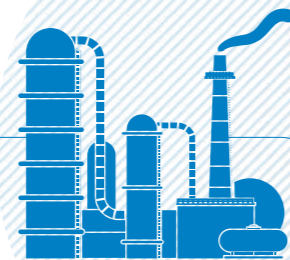
SẢN LƯỢNG POLYPROPYLENE
176,05
NGHÌN TẤN



TẦM NHÌN, SỨ MỆNH VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

Phần đầu trở thành một doanh nghiệp dẫn đầu Đông Nam Á và mang tầm vóc quốc tế, thể hiện vị thế, trí tuệ và niềm tự hào Việt Nam trong lĩnh vực lọc - hóa dầu thế giới.



SỨ MỆNH

- » Đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia.
- » Là động lực cho sự phát triển kinh tế miền Trung và cả nước.
- » Cung cấp các sản phẩm/dịch vụ chất lượng, mang lại sự hài lòng cho khách hàng và phù hợp với thị trường.
- » Nâng cao giá trị doanh nghiệp, gia tăng lợi nhuận, sự hài lòng và đóng góp vào sự thịnh vượng của các Cổ đông và các bên liên quan.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chính trực

Trung thực với bản thân và mọi người, tôn trọng mọi cam kết và ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức cao nhất.



Công hiến

Tận tâm, tận tụy trong mọi công việc.



Đoàn kết

Đoàn kết tạo ra sức mạnh để thực hiện thành công tầm nhìn và sứ mệnh của Công ty, đồng thời đem lại lợi ích cao nhất cho các bên liên quan.



Quyết liệt

Đam mê mãnh liệt, tự tin cao độ, tự nguyện và hết lòng thực hiện tầm nhìn, sứ mệnh của BSR cho dù khó khăn đến đâu.



Khát khao học hỏi

Khát khao học hỏi là chìa khóa mang lại sự thành công cho doanh nghiệp và chính mình.



THÔNGIỆP CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Kính gửi: Quý Cổ đông và Nhà đầu tư

Năm 2018, ngành dầu khí nói chung và Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn nói riêng đã gặp nhiều khó khăn và thách thức như giá dầu thô và sản phẩm biến động bất thường theo xu hướng giảm lợi nhuận đối với doanh nghiệp chế biến dầu mỏ, nguồn dầu thô cung cấp không ổn định, chính sách thuế nhập khẩu dầu thô bất lợi... Bên cạnh đó, việc Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn đi vào vận hành đã làm ảnh hưởng lớn đến thị trường tiêu thụ và lợi thế của Công ty. Tuy nhiên với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, sự hỗ trợ tích cực của Quý Cổ đông, Nhà đầu tư; sự nỗ lực, cố gắng không ngừng của tập thể người lao động, BSR đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018 với tất cả các chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra, trong đó chỉ tiêu về sản lượng đã về đích trước 38 ngày so với kế hoạch.

Năm 2018, BSR vận hành Nhà máy Lọc dầu Dung Quất an toàn, liên tục, ổn định ở 107% công suất thiết kế. Sản xuất và xuất bán trên 7 triệu tấn sản phẩm, tổng doanh thu đạt trên 112 nghìn tỷ đồng, nộp ngân sách trên 11 nghìn tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt gần 3,8 nghìn tỷ đồng. BSR trở thành một trong những đơn vị thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có doanh thu và nộp ngân sách Nhà nước nhiều nhất.

Năm 2018 là năm đánh dấu nhiều sự kiện quan trọng, BSR là đơn vị đầu tiên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam IPO thành công vào ngày 17/01/2018 tại Sàn giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh với hơn 242 triệu cổ phiếu tương đương 8% số cổ phần của BSR đã được bán hết cho các Nhà đầu tư, thu về cho Nhà nước 5,42 nghìn tỷ đồng, cao hơn 53,5% so với dự kiến. Ngày 01/3/2018, cổ phiếu BSR được niêm yết trên sàn UPCOM và là tâm điểm của các Nhà

đầu tư. Ngày 21/6/2018, BSR đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu thành công và chính thức chuyển sang mô hình công ty cổ phần vào ngày 01/7/2018. BSR đứng thứ 11 trong bảng xếp hạng các Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, đứng thứ 14/500 trong bảng xếp hạng các Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam; được công nhận là Doanh nghiệp có năng lực Quản trị tài chính tốt nhất ngành Dịch vụ Dầu khí. Ngày 25/02/2019, BSR đã cán mốc 20 triệu giờ công an toàn không xảy ra tai nạn mất ngày công.

Năm 2018, BSR tiếp tục hoàn thiện và áp dụng các hệ thống quản lý nhằm tăng cường hơn nữa công tác vận hành an toàn Nhà máy như: Triển khai các giải pháp năng lượng và công nghệ; rà soát danh mục công việc và lộ trình cắt giảm chi phí để tối ưu vận hành (OPEX); tối ưu hóa năng lượng; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Rất nhiều sáng kiến đã mang lại hiệu quả tiết kiệm lên tới 200 tỷ đồng.

BSR vui mừng vì những thành quả đạt được trong muôn vàn khó khăn, càng tự hào hơn khi thương hiệu Lọc hóa dầu Bình Sơn tiếp tục được khách hàng lựa chọn, Quý Cổ đông, Nhà đầu tư tin nhiệm. BSR ngày một khẳng định vị thế của mình là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực lọc hóa dầu của Việt Nam, góp phần ổn định an ninh năng lượng Quốc gia.

Năm 2019, chúng tôi đặt ra nhiều nhiệm vụ trọng tâm để phấn đấu hoàn thành các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đó là: Vận hành Nhà máy Lọc dầu Dung Quất đảm bảo an toàn, ổn định, hiệu quả ở 105 - 107 % công suất thiết kế; tối ưu năng lực hiện có, nâng cao năng lực cạnh tranh; chủ động thực hiện tái cơ cấu Doanh nghiệp theo đề án được phê duyệt; đẩy mạnh triển khai Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học; công tác an sinh xã hội, chăm lo hơn nữa đời sống cho người lao động; xây dựng văn hóa BSR;...

Năm 2019 được dự báo là năm có nhiều khó khăn và thách thức khi giá dầu thô thế giới tiếp tục biến động, chênh lệch giữa giá bán sản phẩm và giá dầu thô đầu vào (crack spread) thấp, chất lượng nguồn dầu thô trong nước bị giảm sút... Tuy nhiên, với sự quyết tâm, đồng thuận cao của tập thể người lao động BSR và sự tin nhiệm, ủng hộ của Quý Cổ đông, Nhà đầu tư chúng tôi tin tưởng rằng BSR sẽ giữ vững tâm thế chủ động, sẵn sàng ứng phó, tiếp tục vượt qua khó khăn, biến thách thức thành thời cơ, mang trong mình khát vọng tiên phong, chinh phục những đỉnh cao mới, khẳng định giá trị doanh nghiệp, đi đầu vững mạnh của lĩnh vực khâu sâu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Thay mặt tập thể Ban lãnh đạo và người lao động BSR, chúng tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc và cam kết nỗ lực tối đa, chung sức vươn xa để đáp lại ân tình mà quý vị đã dành cho BSR.

Trân trọng!

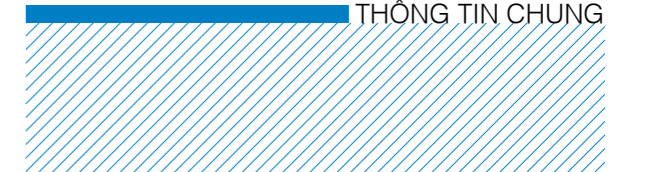
Ông **Lê Xuân Huyền**
Chủ tịch HĐQT

Ông **Bùi Minh Tiến**
Tổng Giám đốc



Khẳng định **VỊ THẾ**
PHÁT HUY SỨC MẠNH

THÔNG TIN CHUNG





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4300378569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 05/6/2008

Vốn điều lệ: 31.004.996.160.000 đồng

Địa chỉ trụ sở chính: 208 Đại lộ Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Điện thoại: 0255 3825825

Số fax: 0255 3825826

Website: www.bsr.com.vn

Mã cổ phiếu: BSR

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- » Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế.
- » Sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, lưu trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hóa dầu.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Trong nước: Các sản phẩm xăng dầu, nhiên liệu phân lực JetA1, hạt nhựa Polypropylene và khí hóa lỏng LPG của NMLD Dung Quất được bán cho hầu hết các khách hàng đầu mối, thương nhân phân phối có địa bàn tiêu thụ trải khắp 63/63 tỉnh thành trên cả nước.

Nước ngoài: Sản phẩm FO được bán cho khách hàng quốc tế để xuất khẩu sang thị trường Singapore và Malaysia.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



2008

Ngày 09/5/2008: Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn được thành lập theo Quyết định số 1018/QĐ-DKVN của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Ngày 05/6/2008: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300378569.



2009

Ngày 22/02/2009: BSR tổ chức đón dòng sản phẩm đầu tiên của NMLD Dung Quất. Đây là sự kiện đánh dấu một mốc lịch sử của ngành Dầu khí Việt Nam chính thức ghi tên trên bản đồ các nước chế biến dầu mỏ của thế giới và dòng năng lượng của Việt Nam đã được khơi thông từ thăm dò, tìm kiếm đến khai thác và chế biến trong nước.



2011

Ngày 06/01/2011: Khánh thành và chính thức đưa NMLD Dung Quất đi vào vận hành thương mại, chấm dứt quá trình xây dựng, vận hành chạy thử.



2014

Ngày 15/4/2014: NMLD Dung Quất vận hành 600 ngày đêm liên tục an toàn, ổn định và hiệu quả.

Ngày 24/12/2014: BSR vinh dự được đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch Nước trao tặng.



2017

Ngày 08/12/2017: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1978/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.



2018

Ngày 17/01/2018: Đã tổ chức thành công đợt bán cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM.

Ngày 01/3/2018: Cổ phiếu BSR bắt đầu giao dịch trên hệ thống UPCoM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngày 21/6/2018: BSR đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ lần thứ nhất của Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn.

Ngày 01/7/2018: Thực hiện thành công công tác cổ phần hóa theo quy định hiện hành và đã chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

CÔNG TY CP LỌC HÓA DẦU BÌNH SON, TIỀN THÂN LÀ CÔNG TY TNHH MTV LỌC HÓA DẦU BÌNH SON.



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON

CÔNG TY CP NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PV BUILDING)

Thông tin chung

- » Tên công ty: Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí
- » Trụ sở chính: Khu đô thị mới Vạn Tường, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

- » Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 4300429492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 02/04/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 08/09/2017
- » Ngành nghề kinh doanh chính: Thương mại dịch vụ bao bì hạt nhựa, cung cấp dịch vụ hậu cần,...

- » Vốn điều lệ đăng ký: **175.222.840.000** đồng
- » Vốn điều lệ thực góp: **175.222.845.365** đồng
- » Cổ phiếu của PV Building (mã chứng khoán: PBT) đã giao dịch trên UPCOM từ ngày 18/01/2019 theo Thông báo số 43/TB-SGDHN ngày 14/01/2019 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Cơ cấu cổ đông

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị VNĐ	Tỉ trọng (%)
1	Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn	14.589.284	145.892.840.000	83,26
2	Ông Nguyễn Anh Triển	1.275.000	12.750.000.000	7,27
3	Nhà khách Cẩm Thành - Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi	550.000	5.500.000.000	3,14
4	Cổ đông khác	1.108.000	11.080.000.000	6,33
Tổng cộng		17.522.284	175.222.840.000	100,00

Kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu thuần	632.352	605.957	556.906
2	Lợi nhuận sau thuế	12.581	13.580	16.745

Định hướng cho năm 2019

Tiếp tục phát triển lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, phát triển hoạt động dịch vụ, thương mại ngày càng chuyên nghiệp, vận hành phân xưởng bao bì an toàn, ổn định. Tiếp tục phối hợp triển khai lộ trình thoái vốn của BSR tại PV Building xuống còn 51% theo chỉ đạo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

CÔNG TY CP NHIÊN LIỆU SINH HỌC DẦU KHÍ MIỀN TRUNG (BSR-BF)

Thông tin chung

- » Tên Công ty: Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung
- » Tên tiếng Anh: Vietnam Central Biofuels Joint Stock Company
- » Tên giao dịch viết tắt: BSR - BF

- » Trụ sở chính: KCN phía Đông - Khu Kinh tế Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
- » ĐT: 0255.3614666
Fax: 0255.3614555
- » Website: <http://bsr-bf.com.vn>

- » Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3403000191 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 29/08/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/01/2018.
- » Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, bán buôn nhiên liệu sinh học và các sản phẩm liên quan.

Cơ cấu cổ đông

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị VNĐ	Tỉ trọng (%)
1	Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	59.902.000	599.020.000.000	61,00
2	Tổng Công ty Dầu Việt Nam Công ty CP (PVOIL)	38.052.500	380.525.000.000	38,75
3	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco)	245.500	2.455.000.000	0,25
Tổng cộng		98.200.000	982.000.000.000	100,00

Kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm

Theo số liệu Báo cáo tài chính đã được kiểm toán các năm từ 2008 đến năm 2017 và năm 2018 trước kiểm toán, lỗ lũy kế của BSR-BF tính đến 31/12/2018 là 893,83 tỷ đồng.

Định hướng cho năm 2019

BSR-BF đã tái khởi động Nhà máy Nhiên liệu sinh học Dung Quất trong tháng 10/2018. BSR-BF đang làm việc với các đối tác/bên liên quan để thống nhất kế hoạch chạy máy tiếp theo và tiếp tục xử lý các

tồn tại, vướng mắc của Dự án Nhà máy NLSH Dung Quất theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 29/9/2017.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CP BẢO DƯỠNG VÀ SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ (PMS)

Thông tin chung

- » Tên công ty: Công ty CP Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí
- » Trụ sở chính: Đường Võ Văn Kiệt, thôn Đò Lỗ, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
- » Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 4300468798
- do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 29/06/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 10/08/2017
- » Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng, bảo dưỡng, sửa chữa công trình,...
- » Vốn điều lệ đăng ký: **100.000.000.000** đồng
- » Vốn điều lệ thực góp: **80.000.000.000** đồng

Cơ cấu cổ đông

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị VNĐ	Tỉ trọng (%)
1	Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí (PVMR)	4.300.000	43.000.000.000	53,75
2	Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	700.000	7.000.000.000	8,75
3	Hiap Seng Engineering Company Limited	2.000.000	20.000.000.000	25,00
4	Công ty TNHH Phát triển Công nghệ (CFTD)	500.000	5.000.000.000	6,25
5	Công ty TNHH JGC Việt Nam	500.000	5.000.000.000	6,25
Tổng cộng		8.000.000	80.000.000.000	100

Kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu thuần	175.044	226.756	304.757
2	Lợi nhuận sau thuế	1.657	2.083	8.049

CÔNG TY TNHH KHO NGẦM XĂNG DẦU DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVOS)

Thông tin chung

- » Tên công ty: Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam
- » Trụ sở chính: KCN Dầu khí Long Sơn, xã Long Sơn, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- » Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500889978 ngày 22/07/2008, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 09/06/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp
- » Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư xây dựng và vận hành kho ngầm chứa xăng dầu để tồn
- chứa dầu thô và các sản phẩm dầu chủ yếu phục vụ Nhà máy lọc dầu
- » Vốn điều lệ đăng ký: **79.920.170.000** đồng
- » Vốn điều lệ thực góp: **79.920.170.000** đồng

Cơ cấu cổ đông

STT	Tên thành viên	Vốn điều lệ		
		USD	VNĐ	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Dầu Việt Nam Công ty TNHH MTV (PVOIL)	950.000	17.530.489.290	21,935%
2	Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	250.000	4.612.992.212	5,772%
3	Công ty TNHH Shinsojae Energy Korea (SEK)	2.000.000	36.906.335.304	46,179%
4	Công ty TNHH KNOG Việt Nam O&M Consortium (KVOG)	1.131.000	20.870.353.194	26,114%
Tổng cộng		4.331.000	79.920.170.000	100%

Kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm

Ngành nghề kinh doanh chính của PVOS là đầu tư xây dựng và vận hành kho ngầm chứa xăng dầu để tồn chứa dầu thô và các sản phẩm dầu chủ yếu phục vụ nhà máy lọc dầu. Hoạt động của PVOS đến nay vẫn nằm trong giai đoạn nghiên cứu đầu tư xây dựng các dự án nên chưa phát sinh doanh thu và có lỗ lũy kế. Đến 31/12/2018, lỗ lũy kế của PVOS là 23,09 tỷ đồng.

Định hướng cho năm 2019 của Công ty PMS và PVOS

BSR đang có phần vốn góp 07 tỷ đồng tại Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa công trình Dầu khí (PMS) và 4,2 tỷ đồng tại Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS).

BSR đang tiến hành các thủ tục để thoái vốn tại PMS, PVOS theo phê duyệt của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Nghị quyết số 240/NQ-DKVN ngày 09/01/2018. Tuy nhiên

công tác thoái vốn tại các đơn vị này đang gặp vướng mắc về hành lang pháp lý (PMS và PVOS không đủ điều kiện để thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng (đấu giá) do không phải là công ty cổ phần đại chúng).

BSR đã báo cáo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về tình hình thoái vốn tại các đơn vị tại công văn số 1115/BSR-HĐQT ngày 21/8/2018. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có công văn số

7346/DKVN-KTĐT ngày 29/11/2018 báo cáo Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn các khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác thoái vốn của các đơn vị thành viên PVN. Theo đó, PVN đã báo cáo, kiến nghị Bộ Tài chính xem xét, hướng dẫn PVN/các đơn vị về các khó khăn vướng mắc và có ý kiến với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để các đơn vị thành viên Tập đoàn thực hiện công tác thoái vốn phù hợp với các quy định hiện hành.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



THÔNG TIN CỔ PHẦN

TỔNG SỐ CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY
3.100.499.616

CỔ PHẦN
trong đó có
1.258.100
cổ phần
hạn chế
chuyển nhượng

SỐ CỔ PHẦN ĐANG LƯU HÀNH: ĐẾN THỜI ĐIỂM 28/12/2018,
TỔNG SỐ CỔ PHẦN ĐANG LƯU HÀNH

3.100.499.616

CỔ PHẦN

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Theo danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập ngày 25/12/2018, tổng số cổ phần đang lưu hành là 3.100.499.616 được sở hữu bởi 8.894 cổ đông.

Cơ cấu Cổ đông

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần lưu hành
Tổ chức	75	2.949.069.235	95,12 %
Cá nhân	8.819	151.430.381	4,88 %
Tổng cộng	8.894	3.100.499.616	100 %

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn trong nước

Tên Cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %/ tổng số cổ phần lưu hành
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	18 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> » Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, lưu trữ và vận chuyển dầu khí, làm dịch vụ dầu khí trong và ngoài nước » Kinh doanh vật tư, trang thiết bị trong ngành dầu khí, kinh doanh và phân phối sản phẩm dầu khí và hóa dầu » Đầu tư sản xuất, kinh doanh điện, nhiên liệu sinh học, năng lượng tái tạo » Các ngành nghề kinh doanh phụ trợ liên quan đến lĩnh vực dầu khí, năng lượng. 	2.856.380.247	92,12%

Cơ cấu Cổ đông nước ngoài

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần lưu hành
Tổ chức	49	73.667.488	2,38%
Cá nhân	74	690.259	0,02%
Tổng cộng	123	74.357.747	2,40%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Năm 2018, Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn không có thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong niên độ 2018.

Các chứng khoán khác: Không có

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT



Ngày 17/01/2018

BSR IPO thành công, gần 242 triệu cổ phiếu BSR đã bán cho các nhà đầu tư.



Ngày 21/6/2018

BSR tổ chức thành công ĐHĐCĐ lần thứ nhất.



Ngày 01/7/2018

Chuyển đổi thành công mô hình hoạt động từ công ty TNHH MTV sang công ty cổ phần.



Ngày 23/11/2018

Hoàn thành sản lượng sản xuất, về đích trước 38 ngày so với kế hoạch đề ra.

CÁC DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

XẾP HẠNG **11**

DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM



XẾP HẠNG **14**

DOANH NGHIỆP LỢI NHUẬN TỐT NHẤT VIỆT NAM



TOP **20**

SẢN PHẨM THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG



NMLD DUNG QUẤT

TOP **10**

NHÀ MÁY THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG



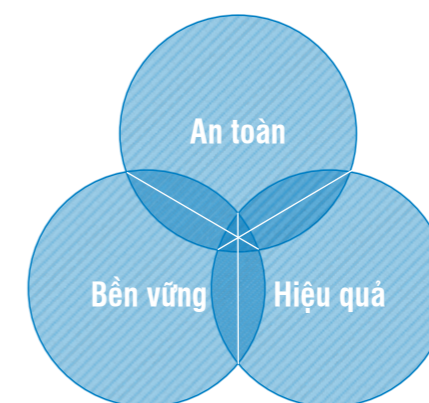
GIẢI THƯỞNG **SAO VÀNG ĐẤT VIỆT** TOP **100**

ĐỨNG THỨ 33 VỀ NỘP THUẾ TNDN

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Với phương châm “An toàn - Hiệu quả - Bền vững”, Công ty đã xây dựng cho mình các nguyên tắc phát triển cơ bản để không chỉ thực hiện được các mục tiêu kinh tế mà còn đảm bảo được các mục tiêu về xã hội và môi trường, hướng đến sự phát triển bền vững.



- » Tiếp tục vận hành Nhà máy ổn định và hiệu quả và ở công suất 105% trong năm 2019 và 110% trong các năm tiếp theo. Đồng thời đẩy mạnh việc triển khai các giải pháp tối ưu hóa công nghệ, năng lượng, hóa phẩm xúc tác nhằm nâng cao hiệu quả của Công ty.
- » Ngoài ra, BSR tiến hành công tác tìm kiếm, đánh giá các loại dầu thô khác của nước ngoài nhằm đa dạng và thay thế một phần dầu thô trong nước.
- » Với phương châm “An toàn - Hiệu quả - Bền vững”, Công ty đã xây dựng cho mình các nguyên tắc phát triển cơ bản để không chỉ thực hiện được các mục tiêu kinh tế mà còn đảm bảo được các mục tiêu về xã hội và môi trường, hướng đến sự phát triển bền vững:



Sản xuất kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu là chủ đạo



Sản phẩm luôn đáp ứng tiêu chuẩn quy định và thân thiện với môi trường



Tối ưu năng lực hiện có, đẩy mạnh NCMR NMLD Dung Quất để nâng cao tính hiệu quả và đảm bảo phát triển bền vững



Phát huy nội lực và hợp tác, liên kết đầu tư với các đối tác có uy tín và tiềm lực nhằm khai thác các lợi thế, cơ hội và chia sẻ rủi ro

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

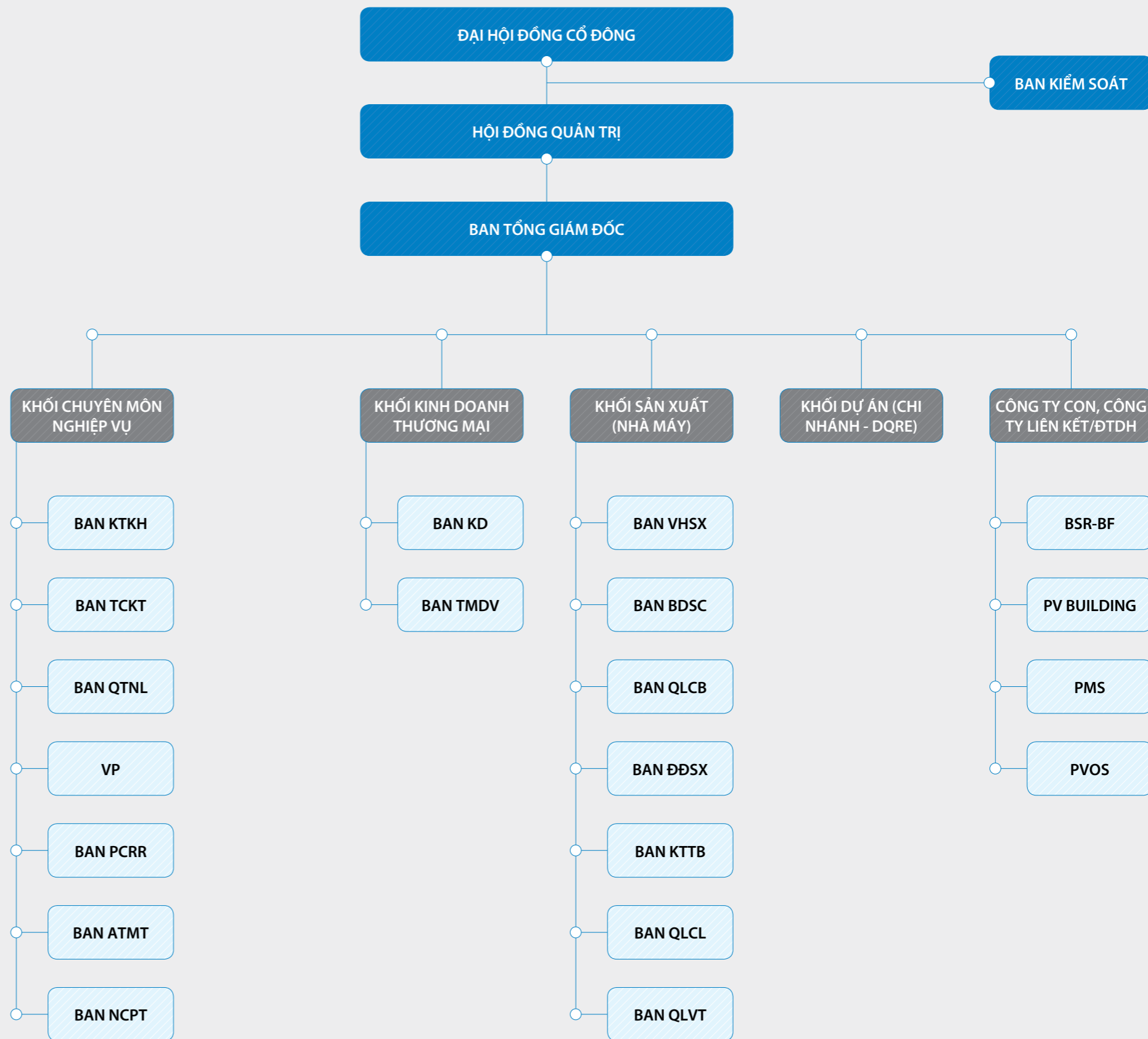


BSR chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH MTV thành Công ty cổ phần kể từ ngày 01/7/2018. BSR tổ chức bộ máy quản lý tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Mô hình quản trị doanh nghiệp của BSR hoạt động theo chức năng chuyên môn với cơ cấu bộ máy quản lý như sau:



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **LÊ XUÂN HUYÊN**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Ngày sinh: 05/01/1966

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ quá trình và thiết bị công nghệ hóa học

Quá trình công tác

8/2008 - 6/2011: Đồng Giám đốc dự án, Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Công ty Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP).

7/2011 - 02/2014: Phó trưởng ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Từ 13/08/2013, kiêm Ủy viên HĐQT Công ty NSRP.

02/2014 - 5/2018: Trưởng ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam kiêm Ủy viên HĐQT Công ty NSRP.

5/2018 - 6/2018: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.

7/2018 - Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông **BÙI MINH TIẾN**

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm TGD

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Ngày sinh: 10/02/1969

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

5/2007 - 12/2010: Phó TGD Tổng Công ty Khí Việt Nam.

01/2011 - 12/2013: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.

12/2013 - 01/2015: Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.

01/2015 - 6/2018: Thành viên HĐQT, TGD Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau.

6/2018 - 12/2018: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau

12/2018 - nay: Thành viên HĐQT, TGD Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông **NGUYỄN QUANG HÒA**

Chức vụ: Thành viên HĐQT (không điều hành)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Ngày sinh: 24/10/1959

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đo lường điều khiển

Quá trình công tác

4/2007 - 12/2010: Phó Trưởng Phòng Lọc dầu, Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

01/2011 - 6/2011: Phó Trưởng Ban Chế biến Dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

7/2011 - 6/2018: Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.

7/2018 - đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông **HÀ ĐỒNG**

Chức vụ: Thành viên HĐQT (không điều hành)

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Ngày sinh: 30/10/1965

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ máy và thiết bị công nghiệp dầu khí

Quá trình công tác

3/2010 - 3/2014: Phó Giám đốc Công ty CP Bảo Dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí.

3/2014 - 8/2017: Giám đốc Công ty CP Bảo Dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí.

8/2017 - 6/2018: Chủ tịch HĐQT chuyên trách Công ty CP Bảo Dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí.

7/2018 - đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông **NGUYỄN BÁ PHƯỚC**

Chức vụ: Thành viên độc lập HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Ngày sinh: 01/7/1978

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kết cấu, kỹ sư công trình biển dầu khí

Quá trình công tác

7/2006 - 6/2009: Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty TNHH Hội tụ Quốc tế (AFFLUX).

7/2009 - 5/2018: Trưởng phòng, Phó Trưởng ban Ban Xây dựng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

7/2018 - đến nay: Thành viên độc lập HĐQT, Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn.

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông **BUI MINH TIẾN**
Chức vụ: TGD kiêm thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Ngày sinh: 10/02/1969

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

5/2007 - 12/2010: Phó TGD Tổng Công ty Khí Việt Nam.

01/2011 - 12/2013: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.

12/2013 - 01/2015: Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau.

01/2015 - 6/2018: Thành viên HĐQT, TGD Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau.

6/2018 - 12/2018: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau

12/2018 - nay: Thành viên HĐQT, TGD Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông **NGUYỄN VĂN HỘI**
Chức vụ: Phó TGD

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Ngày sinh: 27/4/1968

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết kế và quản lý dự án

Quá trình công tác

01/2008 - 7/2010: Phó Trưởng ban phụ trách xây dựng tại Ban quản lý Dự án NMLD Dung Quất.

7/2010 - 4/2013: Chủ tịch Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất.

4/2013 - 7/2018: Phó TGD Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.

7/2018 - đến nay: Phó TGD Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông **NGUYỄN NGỌC ANH**
Chức vụ: Phó TGD

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Ngày sinh: 02/9/1962

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ quản lý kinh tế; Kỹ sư Tàu biển, Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp, Thạc sĩ Kỹ thuật, Thạc sĩ Quản lý Kinh tế

Quá trình công tác

01/2008 - 6/2014: Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT Công ty CP Vận tải sản phẩm khí Quốc tế.

7/2014 - 10/2015: Phó TGD Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí.

10/2015 - 7/2018: Phó TGD Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.

7/2018 - đến nay: Phó TGD Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông **NGUYỄN DUYÊN CƯỜNG**
Chức vụ: Phó TGD

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Ngày sinh: 22/12/1971

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kinh tế

Quá trình công tác

7/2008 - 5/2009: Giám đốc Công ty Xăng dầu Dầu khí Miền Bắc, Tổng công ty Dầu Việt Nam.

6/2009 - 3/2011: Phó TGD Tổng Công ty Dầu Việt Nam kiêm Giám đốc Công ty Xăng dầu Dầu khí Miền Bắc.

04/2011 - 12/2012: TGD Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư

01/2013-7/2018: Phó Trưởng Ban Thương mại và Thị trường Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

7/2018 - nay: Phó TGD Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông **NGHIÊM ĐỨC DƯƠNG**
Chức vụ: Phó TGD

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Ngày sinh: 07/01/1976

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý dự án; Kỹ sư công trình thủy

Quá trình công tác

01/2008 - 02/2010: Trưởng phòng GSXL tại Ban QLDA NMLD Dung Quất.

02/2010 - 02/2012: Phó Trưởng ban QLDA Khí Điện Đạm Cà Mau.

02/2012 - 12/2014: Phó Trưởng ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu.

12/2014 - 8/2016: Phó Trưởng ban QLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1.

5/2018 - 7/2018: Phó TGD Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.

7/2018 - nay: Phó TGD Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông **ĐINH THÁI HÀ**
Chức vụ: Phó TGD

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Ngày sinh: 02/9/1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính kế toán

Quá trình công tác

4/2008 - 4/2009: Chủ tịch HĐQT Công ty Chứng khoán Dầu khí.

5/2009 - 3/2018: Phó Trưởng ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

3/2018 - 7/2018: Phó Trưởng ban, BKS nội bộ, HĐTV Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

7/2018 - nay: Phó TGD Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn.

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông **KHƯƠNG LÊ THÀNH**
Chức vụ: Phó TGD

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Ngày sinh: 08/9/1977
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý kinh tế, Kỹ sư Lọc hóa dầu

Quá trình công tác

12/2008 - 7/2009: Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng An toàn Sức khỏe Môi trường và PCCC Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.
7/2009 - 9/2016: Trưởng phòng Phòng An toàn Sức khỏe Môi trường và PCCC, Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.
9/2016 - 7/2018: Phó TGD Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.
7/2018 - đến nay: Phó TGD Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông **TRẦN ĐOÀN THỊNH**
Chức vụ: Phó TGD

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Ngày sinh: 18/02/1980
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý kinh tế, Kỹ sư Lọc hóa dầu, Cử nhân kinh tế đối ngoại.

Quá trình công tác

4/2009 - 6/2009: Phó Trưởng phòng Tổ chức hành chính Ban QLDA NMLD Dung Quất.
6/2009 - 8/2010: Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty CP Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí.
8/2010 - 5/2011: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí).
5/2011 - 02/2019: Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP Nhà và Thương mại Dầu khí.
3/2019 - nay: Phó TGD Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Bà **NGUYỄN THỊ MINH HẢI**
Chức vụ: Phụ trách kế toán

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Ngày sinh: 08/02/1976
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

6/2008 - 7/2010: Kiểm soát viên BSR.
7/2010 - 8/2013: Kế toán trưởng Công ty Công nghiệp tàu thủy Dung Quất.
8/2013 - 5/2018: Chuyên viên phòng TMDV, Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán, Ban QLDA NCMR NMLD Dung Quất Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.
5/2018-7/2018: Phụ trách kế toán Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.
7/2018 - nay: Phụ trách kế toán Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông **PHẠM NGỌC QUÝ**
Chức vụ: Trưởng BKS

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Ngày sinh: 09/02/1973
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân ngoại ngữ (Anh văn)

Quá trình công tác

10/2007 - 9/2010: Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán Ban QLDA NMLD Dung Quất.
9/2010 - 6/2018: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn.
7/2018 - đến nay: Trưởng BKS Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông **HOÀNG NGỌC XUÂN**
Chức vụ: Thành viên BKS

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Ngày sinh: 27/12/1982
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Quá trình công tác

12/2009 - 12/2010: Trưởng Phòng Giao dịch Chi nhánh Đà Nẵng Công ty CP Chứng khoán Dầu khí.
12/2010 - 3/2012: Phó Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Thanh Hóa Công ty CP Chứng khoán Dầu khí.
4/2012 - 4/2013: Trưởng Phòng Giao dịch Phòng Giao dịch 02 Công ty CP Chứng khoán Dầu khí.
5/2013 - 12/2013: Thư ký Phó TGD Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
01/2014 - 6/2018: Chuyên viên tại Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
7/2018 - đến nay: Kiểm soát viên Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Ông **VŨ LÊ HUY**
Chức vụ: Thành viên BKS

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kiểm soát viên Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất.
Ngày sinh: 27/12/1978
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngân hàng Tài chính

Quá trình công tác

7/2010 - 01/2014: Kiểm soát viên chính Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất.
01/2014 - 5/2015: Kiểm soát viên chuyên trách Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam, từ tháng 5/2014 Hàm Phó Vụ trưởng Bộ Công Thương.
6/2015 - 7/2015: Hàm Phó Vụ trưởng, Kiểm soát viên phụ trách chung tại Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam.
8/2015 - đến nay: Kiểm soát viên Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất.
7/2018 - đến nay: Kiểm soát viên (kiêm nhiệm) Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN NCMR
NMLD DUNG QUẤT

1.813.470.000

USD

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Theo kế hoạch năm 2018, BSR triển khai đầu tư 01 dự án nhóm A, triển khai công tác chuẩn bị đầu tư 04 dự án nhóm B và triển khai đầu tư 20 dự án nhóm C (bao gồm 05 dự án đầu tư và 15 dự án chuẩn bị đầu tư) và các hạng mục mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị với tổng mức đầu tư là 830,42 tỷ đồng. Trong đó: Dự án NCMR NMLD Dung Quất là 230,20 tỷ đồng; các dự án đầu tư khác là 124,39 tỷ đồng và mua sắm tài sản cố định là 475,83 tỷ đồng.

Nhận thức được tầm quan trọng của dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất đối với sự tồn tại và phát triển của Công ty trong tương lai nên BSR đã nỗ lực giải quyết các khó khăn vướng mắc của dự án. Đến nay Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được Bộ TN & MT phê duyệt, hoàn thành phê duyệt Thiết kế FEED và Dự toán công trình để phát hành hồ sơ mời thầu EPC giai đoạn 1.



Theo kế hoạch năm 2018, Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn triển khai đầu tư 01 dự án nhóm A, triển khai công tác chuẩn bị đầu tư 04 dự án nhóm B và triển khai đầu tư 20 dự án nhóm C (bao gồm 05 dự án đầu tư và 15 dự án chuẩn bị đầu tư)

DỰ ÁN TIÊU BIỂU ĐANG TRIỂN KHAI

Dự án NCMR NMLD Dung Quất do Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư 1.813.470.000 USD, chi tiết như sau:

» **Tên công trình:** Dự án NCMR NMLD Dung Quất;

» **Thuộc dự án đầu tư:** NCMR NMLD Dung Quất, được Thủ Tướng Chính phủ chấp thuận tại văn bản số 2579/TTg-KTN ngày 16/12/2014 và được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

phê duyệt dự án đầu tư tại quyết định số 9016/QĐ-DKVN ngày 22/12/2014.

» **Chủ đầu tư:** Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn.

» **Tổng mức đầu tư:** 1.813.470.000 USD.

» **Nguồn vốn đầu tư:** Áp dụng cơ cấu vốn chủ sở hữu/ Vốn vay tối thiểu là 30%/70%.

» **Địa điểm xây dựng:** Khu kinh tế Dung Quất, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

» **Mục tiêu dự án**

› Đảm bảo chất lượng sản phẩm tương đương Euro V.

› Đáp ứng tiêu chuẩn môi trường hiện hành.

› Nâng công suất nhà máy từ 148.000 thùng dầu thô/ngày lên 192.000 thùng dầu thô/ngày;

› Nâng cao độ linh động lựa chọn dầu thô.

» **Quy mô công suất**

Công suất hoạt động của Nhà máy sau NCMR là 192.000 thùng dầu thô/ngày.

» **Công nghệ công trình**

Đây chuyển công nghệ của Nhà máy sau NCMR bao gồm:

› Các phân xưởng công nghệ lắp mới: VDU, SDA, NHT2, ALK, GHDT, DHDT, HGU, SWS2, ARU2, SRU3/4.

› Các phân xưởng công nghệ hiện hữu được cải hoán: CDU (bao gồm cả phần bổ sung cụm pre-flasher), CCR, KTU, RFCC, LTU, SWS, ARU, CNU, PRU và ISOM.

› Các phân xưởng hiện hữu không sử dụng trong quá trình vận hành bình thường: SRU1, SRU2 và NTU.

Các phân xưởng phụ trợ và ngoại vi.

» **Các thông số kỹ thuật chính**

Dầu thô thiết kế

› Hỗn hợp dầu thô thiết kế cơ sở (base case): 70% ESPO346 và 30% Murban (Total) 2013.

› Hỗn hợp dầu thô kiểm tra cận trên (Light checking case): 50% ESPO360 và 50% Ả Rập nhẹ.

› Hỗn hợp dầu thô kiểm tra cận dưới (Heavy checking case): 70% ESPO346 và 30% Ả Rập nhẹ.



Nội lực **VỮNG VÀNG**
SẴN SÀNG TIẾN BƯỚC

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



BSR đã áp dụng triệt để các công cụ quản trị hiện có, tận dụng tối đa những thuận lợi và chủ động đưa ra các giải pháp hiệu quả, kịp thời để ứng phó với những khó khăn ở từng thời điểm.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

P hát huy kết quả đạt được của năm 2017, BSR đã áp dụng triệt để các công cụ quản trị hiện có, tận dụng tối đa những thuận lợi và chủ động đưa ra các giải pháp hiệu quả, kịp thời để ứng phó với những khó khăn ở từng thời điểm. Kết hợp với những nỗ lực không ngừng của toàn thể CBCNV, đã

hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch cả năm 2018 và cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 06 tháng cuối năm 2018 - giai đoạn Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động qua hình thức công ty cổ phần trong bối cảnh có tác động bất lợi như giai đoạn Quý III/2018 khi NMLD Nghi Sơn bắt đầu cung

cấp sản phẩm thương mại ra thị trường, đặc biệt là giai đoạn Quý IV/2018 khi giá dầu thô và khoảng chênh lệch giữa giá dầu thô và sản phẩm (crack margin) sụt giảm sâu và mạnh bất thường.

Một số yếu tố, điều kiện ảnh hưởng cụ thể như sau:

THUẬN LỢI

- » Luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao, kịp thời từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, sự ủng hộ của các Bộ/Ngành/Chính phủ trong việc tháo gỡ các khó, vướng mắc của Công ty.
- » NMLD Dung Quất hoạt động an toàn ổn định liên tục ở công suất tối ưu.
- » Đội ngũ lao động lành nghề, được đào tạo bài bản và nhiều kinh nghiệm thực tiễn.
- » Tập thể BSR đoàn kết thống nhất.



KHÓ KHĂN

Diễn biến giá dầu thô và sản phẩm theo hướng bất lợi: Từ Quý III/2018 với việc NMLD Nghi Sơn (NSRP) cung cấp sản phẩm ra thị trường nội địa đúng vào thời điểm nhu cầu thị trường khá thấp, trong khi nguồn cung từ nhập khẩu và xăng dầu từ NMLD Dung Quất lại khá dồi dào khiến cho thị trường dư thừa nguồn cung dẫn đến việc tiêu thụ cũng như giá bán các sản phẩm xăng dầu bị ảnh hưởng lớn. Việc xăng dầu của NSRP được bán ra thị trường với giá thấp dẫn đến mặt bằng giá của BSR giảm sâu trong Quý III/2018 và tác động trực tiếp vào hiệu quả SXKD của BSR theo hướng bất lợi. Từ tháng 10/2018 giá dầu thô giảm sâu và nhanh, từ 86,16 USD/thùng (ngày 04/10/2018) xuống còn 50,21 USD/thùng (dầu Dtd Brent) tại ngày 28/12/2018, tương ứng giảm

71,6%, tương đương 35,95 USD/thùng. Điều này đã dẫn đến tốc độ suy giảm doanh thu lớn hơn nhiều so với tốc độ giảm chi phí nguyên vật liệu chính là dầu thô do ảnh hưởng của tồn kho dầu thô và sản phẩm có giá cao. Đặc biệt, BSR còn chịu tác động kép bởi từ tháng 10/2018 khoảng chênh lệch giữa dầu thô và các sản phẩm chính suy giảm nghiêm trọng, có những thời điểm giá xăng Mogas 92 thấp hơn cả giá dầu thô Dtd Brent khiến cho hiệu quả SXKD của 02 tháng cuối năm bị giảm sút mạnh mẽ dù các chỉ tiêu chính của 4/6 tháng giai đoạn công ty cổ phần trước đó đã chạm và vượt chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch đề ra.

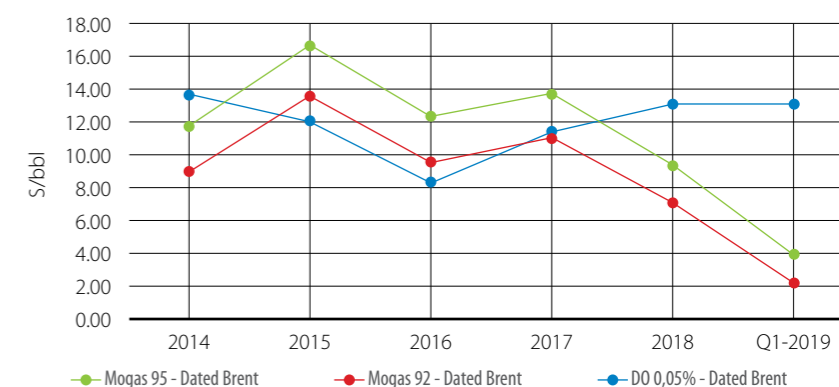
Khảo sát và ghi nhận thực tế cho thấy đây cũng là bức tranh chung tác động bất lợi đến hoạt động

SXKD ngành chế biến, lọc dầu trên thế giới, cụ thể:

- » Lợi nhuận biên sản phẩm Xăng thị trường Tây Bắc Âu: Tháng 6/2018 là 17,7 USD/thùng; cuối 2018/đầu 2019 giảm còn 0,1 USD/thùng (cập nhật hiện nay xuống còn - 2,1 USD/thùng).
- » Lợi nhuận biên sản phẩm Xăng thị trường Singapore: Tháng 6/2018 là 4,3 USD/thùng; cuối 2018/đầu 2019 giảm còn 1,7 USD/thùng (cập nhật hiện nay xuống còn - 2,1 USD/thùng).
- » Lợi nhuận biên sản phẩm Xăng thị trường Mỹ: Tháng 6/2018 là 10 USD/thùng; cuối 2018/đầu 2019 giảm còn 8,7 USD/thùng (cập nhật hiện nay xuống còn 5,7 USD/thùng).

- » Khối lượng dầu thô Bạch Hổ ngày càng giảm, chất lượng không ổn định.
- » Dầu thô Azeri (xuất xứ từ Azerbaijan) là loại dầu thô chiến lược của NMLD Dung Quất đang chịu mức thuế suất 5% làm giảm hiệu quả chế biến của Nhà máy.
- » Nhà máy đã có thời gian vận hành gần 10 năm nên cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và bảo dưỡng thường xuyên.
- » Các quan điểm và dự kiến thay đổi chính sách thu điều tiết cũng như điều chỉnh lại công thức xác định giá bán lẻ của Chính phủ và

Biểu đồ lợi nhuận biên sản phẩm Xăng



các Bộ ngành sẽ tác động trực tiếp và gián tiếp đến giá bán sản phẩm xăng dầu của BSR dẫn đến ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm xăng dầu của BSR.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH

Stt	Nội dung	ĐVT	Năm 2018			6 tháng cuối năm 2018 (CTCP)		
			Kế hoạch	Thực hiện	So sánh	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh
			(1)	(2)	(3)=(2)/(1)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)
A	CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG							
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	6.302.381	7.013.406	111,3%	3.177.091	3.478.019	109,5%
2	Sản lượng tiêu thụ		6.302.381	6.997.933	111,0%	3.177.091	3.473.201	109,3%
B	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)							
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	78.365	112.635	143,7%	39.505	56.405	142,8%
2	Nộp NSNN		8.345	11.393	136,5%	4.207	5.574	132,5%
3	Lợi nhuận trước thuế		3.706	3.786	102,2%	1.868	253	13,6%
4	Lợi nhuận sau thuế		3.506	3.557	101,4%	1.768	226	12,8%
C	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ							
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	78.108	112.623	144,2%	39.375	56.404	143,2%
2	Nộp NSNN		8.336	11.388	136,6%	4.202	5.570	132,6%
3	Lợi nhuận trước thuế		3.663	3.836	104,7%	1.847	275	14,9%
4	Lợi nhuận sau thuế		3.480	3.611	103,8%	1.754	251	14,3%



So với Kế hoạch SXKD năm 2018, các chỉ tiêu về sản lượng và tài chính đều vượt kế hoạch đề ra, đặc biệt chỉ tiêu sản lượng đã về đích trước 38 ngày. Tuy nhiên, từ tháng 10/2018 do tình hình thị trường dầu mỏ bất lợi cho ngành công nghiệp lọc dầu nói chung và BSR nói riêng như đề cập ở trên khiến cho hiệu quả SXKD của 02 tháng cuối năm của Công ty bị giảm sút mạnh dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận của 06 tháng cuối năm (giai đoạn công ty cổ phần) không đạt kế hoạch.

SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT

7,013

TRIỆU TẤN

SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ

6,998

TRIỆU TẤN

TỔNG DOANH THU

112.635

TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

3.786

TỶ ĐỒNG

NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

11.393

TỶ ĐỒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TÁC AN NINH, AN TOÀN, MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

Công tác an ninh, an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ (ATSKMT) của BSR được đảm bảo: Không có sự cố về mất an ninh, cháy nổ, sự cố môi trường và mất ngày công lao động. Ước tính hết năm 2018, Nhà máy đạt hơn 19,4 triệu giờ công an toàn, không có tai nạn lao động. Công việc được triển

khai một cách chủ động tích cực và bám sát kế hoạch, chương trình đã đề ra. Các công việc được triển khai trên công trường đều được giám sát và yêu cầu tuân thủ đầy đủ các quy định về ATSKMT của Công ty. Công tác kiểm tra, giám sát, huấn luyện an toàn, PCCC được thực hiện thường xuyên, sức khỏe NLD được

chăm lo chu đáo. Quan trắc môi trường và quản lý chất thải được thực hiện đúng theo quy định pháp luật: Nước thải, khí thải được xử lý đạt tiêu chuẩn về môi trường hiện hành trước khi xả thải; thực hiện thu gom, phân loại, lưu chứa và bàn giao chất thải cần xử lý đáp ứng các quy chuẩn về môi trường.



CÔNG TÁC VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA

Công tác vận hành

Năm 2018, Nhà máy vận hành liên tục, ổn định ở công suất trung bình 107% công suất thiết kế. BSR tiếp tục hoàn thiện và áp dụng các hệ thống quản lý nhằm tăng cường hơn nữa công tác vận hành an toàn Nhà máy. Điển hình như:

- » Triển khai các giải pháp nâng lượng và công nghệ, rà soát danh mục công việc và lộ trình cắt giảm chi phí để tối ưu vận hành. Công tác tối ưu hóa năng lượng tiếp tục được chú trọng và triển khai sâu rộng. Thực hiện các đề xuất cải thiện hiệu quả tiết kiệm năng lượng của Shell Global, phân tích và lên phương án ngăn ngừa tương ứng các vấn đề tuổi thọ và hư hỏng của thiết bị, các vấn đề công nghệ... có thể xảy ra trong 5 - 10 năm tới theo kinh nghiệm của các chuyên gia O&M.

- » Nghiên cứu tìm giải pháp giảm chỉ số EII trong toàn nhà máy để đạt mục tiêu, triển khai và áp dụng hệ thống quản trị an toàn công nghệ PSM theo tiêu chuẩn OSHA và CCPS vào kiểm soát an toàn trong hoạt động sản xuất, góp phần đảm bảo NMLD Dung Quất vận hành an toàn, tin cậy và giảm thiểu sự cố/ tai nạn.

- » Tiếp tục nghiên cứu đưa ra các giải pháp phòng ngừa để tránh xảy ra sự cố, cập nhật danh sách công việc kiểm tra trong mùa mưa bão, triển khai đưa vào áp dụng chương trình quản lý mối đe dọa để nhận diện, xử lý các vấn đề kỹ thuật phát sinh trong quá trình vận hành, ngăn chặn và giảm thiểu nguy cơ phát triển thành sự cố công nghệ. Thực hiện viết bộ tài liệu chuẩn "Operation trouble-shooting" hướng dẫn xử lý nhanh các sự cố cho nhân viên vận hành.

- » Triển khai chương trình giấy phép làm việc điện tử (E-PTW) trong công việc.

- » Thực hiện tốt công tác tầm soát rò rỉ toàn Nhà máy định kỳ bằng máy dò khí rò rỉ chuyên dụng, qua đó phát hiện nhiều điểm rò rỉ nhỏ và kịp thời khắc phục, loại trừ nguy cơ phát sinh cháy nổ, đảm bảo vận hành Nhà máy an toàn.

Công tác bảo dưỡng sửa chữa

Công tác bảo dưỡng thường xuyên được tổ chức và thực hiện với nhiều cải tiến và tối ưu, đảm bảo chất lượng, giữ ổn định Nhà máy, đảm bảo không sự cố ảnh hưởng đến vận hành. Các chỉ số về MA, OA của Nhà máy đều đạt và vượt mục tiêu đề ra. Năm 2018, công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy đáp ứng được tất cả các KPI về an toàn, chất lượng và hiệu quả chi phí. Tổng số hạng mục công việc

bảo dưỡng và sửa chữa đã thực hiện trong năm 2018 là 39.477 lượt bảo dưỡng phòng ngừa (PM), tối ưu giảm 1.633 lượt so với năm 2017, 3.856 lượt sửa chữa khắc phục (CM) cho khoảng 24.131 thiết bị được quản lý trên hệ thống CMMS. Tỷ lệ PM/CM hiện tại rất tốt 91/9 so với các Nhà máy khác trên thế giới, góp phần đảm bảo vận hành ổn định. Các hạng mục công việc bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, quan trọng của các thiết bị quay, tự động, thiết bị điện, thiết bị tĩnh và tại xưởng sơn đều được thực hiện thành công.

Chuẩn hóa công tác bảo dưỡng sửa chữa bằng các nghiệp vụ chuẩn như lập kế hoạch, lập tiến độ, mua sắm hàng hóa dịch vụ, nghiệm thu..., tối ưu nguồn lực bằng việc áp dụng phê duyệt đơn hàng nội bộ PR/PO bằng điện tử trên CMMS, áp dụng KPI dashboard realtime trên CMMS để kiểm soát hoạt động bảo dưỡng sửa chữa.

Tiếp tục tăng cường các kỹ thuật quản lý, giám sát, chẩn đoán mới nhằm chủ động phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường của thiết bị và thực hiện các biện pháp bảo dưỡng chủ động trước khi hỏng hóc xảy ra đối với thiết bị.

Xây dựng quy trình quản lý độ tin cậy và toàn vẹn thiết bị. Tiếp tục xây dựng chiến lược thay thế phụ kiện định kỳ (PCR - Planned Component Replacement) đối với các thiết bị điện, điện tử.

Tham gia thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy Nhiên liệu sinh học Dung Quất để đưa vào vận hành lại thành công. Cung cấp nguồn nhân lực hỗ trợ PVN/NSRP và các đơn vị khác, bước đầu tổ chức triển khai thành công việc cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho các Nhà máy theo yêu cầu.

Khắc phục các điểm không phù hợp trong báo cáo đánh giá và công

nhận Hệ thống quản lý chất lượng của Trung tâm hiệu chuẩn/thử nghiệm thiết bị của Ban bảo dưỡng sửa chữa phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 (VILAS 754).

Công tác kiểm tra, kiểm định thiết bị được triển khai và thực hiện tuân thủ nghiêm các quy định của Nhà nước và các hệ thống tiêu chuẩn quốc tế liên quan thông qua hệ thống RBI. Đảm bảo kiểm tra, đo đạc và giám sát liên tục tình trạng kỹ thuật thiết bị. Thu thập số liệu, phân tích và đưa ra các biện pháp ngăn ngừa trong suốt quá trình vận hành Nhà máy.

Trong năm 2018, BSR tập trung tối đa hóa việc tự chủ trong quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa bằng chính năng lực/nội lực của BSR, giúp chi phí bảo dưỡng sửa chữa luôn nằm trong định mức cho phép.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ TỐI ƯU HÓA SẢN XUẤT, TIẾT GIẢM CHI PHÍ SXKD

Tối ưu hóa công nghệ và đa dạng hóa sản phẩm

Năm 2018, BSR tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác tối ưu hóa vận hành nhằm tối đa hóa lợi nhuận và đa dạng hóa chủng loại dầu thô chế biến, cụ thể như sau:

- » Vận hành Nhà máy và các phân xưởng nội tại ở mức công suất cao nhất có thể nhằm sản xuất tối đa sản phẩm, tăng lợi nhuận cho Công ty (nhà máy 108%, một số phân xưởng là 120% - 130%).

- » Vận hành thử nghiệm nhiều loại dầu thô như Kimanis, Rạng Đông ở mức cao nhằm đa dạng hóa nguồn dầu thô chế biến.

- » Đã và đang thực hiện giải pháp giảm độ tinh khiết của nguyên liệu propylene trong giới hạn cho phép nhằm tăng thêm khoảng 1% wt nguyên liệu cho phân xưởng Polypropylene.

- » Thực hiện triển khai thử nghiệm hóa chất tách loại Fe/Ca tại phân xưởng CDU giúp loại bỏ kim loại trong nguyên liệu của phân

xưởng RFCC nhằm đảm bảo ổn định vận hành phân xưởng RFCC và tối ưu hóa xúc tác sử dụng.

Công tác sử dụng và tối ưu hóa năng lượng

Tối ưu hóa năng lượng là hoạt động chiến lược nhằm tiết giảm chi phí vận hành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Năm 2018, chỉ số đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng EII tích lũy là 103,6% (giảm 2,7% so với năm 2017), tiêu thụ năng lượng nội bộ giảm xuống còn 7,05%wt (giảm 2,1% so với năm 2017).



Tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh

BSR đã ban hành chương trình hành động tiết kiệm, chống lãng phí, triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch tiết giảm chi phí hoạt động SXKD tại Quyết định số 1415/QĐ - BSR. Kết quả số liệu tiết kiệm chi phí ước thực hiện năm 2018 ước đạt giá trị 856,55 tỷ đồng (vượt 77,47% so với kế hoạch tiết kiệm cả năm) với các yếu tố đóng góp chính như sau:

- » Nâng cao hiệu suất chế biến, duy trì công suất vận hành tối ưu (110% công suất thiết kế) dẫn đến giảm thiểu hệ số tiêu hao còn 1,080 tấn dầu thô/tấn sản phẩm thấp hơn 0,9% so với định mức (1,090 tấn dầu thô/ tấn sản phẩm).
- » Tối ưu hóa vận hành sản xuất giúp giảm thiểu tiêu hao, tiết kiệm chi phí hóa phẩm xúc tác tiêu thụ.
- » Thực hiện tối đa công tác bảo dưỡng sửa chữa các công trình/

vật tư thiết bị bằng năng lực hiện có, chỉ thuê bên ngoài thực hiện dịch vụ khi Công ty không tự thực hiện được.

- » BSR đã rà soát phân kỳ, giãn dùng các hạng mục đầu tư, mua sắm phù hợp với tình hình SXKD hiện tại để tiết kiệm chi phí.

- » Trong năm, Công ty đã áp dụng tất cả các biện pháp kiểm soát chi phí và tối ưu hóa vận hành, dẫn đến ngoại trừ chi phí nguyên liệu chính dầu thô là tăng còn các chi phí khác đều giảm so với kế hoạch.

CUNG ỨNG DẦU THÔ VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Cung cấp dầu thô

Công tác cung cấp dầu thô được thực hiện theo các hợp đồng dài hạn và theo chuyển như kế hoạch đề ra. Năm 2018, Nhà máy nhập kho 94 lô dầu thô trong nước và nhập khẩu, tương đương 7,6 triệu tấn.

Tình hình tiêu thụ sản phẩm

Nhìn chung, tình hình tiêu thụ sản phẩm năm 2018 của BSR bị

ảnh hưởng rất lớn khi NSRP bắt đầu xuất bán sản phẩm ra thị trường. Bên cạnh việc điều chỉnh giá theo Quý, BSR đã tiến hành điều chỉnh khối lượng của hợp đồng term theo các đợt điều chỉnh giá để phù hợp với nhu cầu tiêu thụ thực tế của từng khách hàng. Tổng khối lượng xuất bán sản phẩm trong năm 2018 là 6.998 nghìn tấn đạt 111% so với kế hoạch năm 2018, giai đoạn 06 tháng cuối năm (giai đoạn Công

ty cổ phần) là 3.473 nghìn tấn đạt 109,3% so với kế hoạch.

Vật tư thiết bị dự phòng, hóa phẩm xúc tác

Tình hình lưu kho được kiểm soát theo hướng tối ưu, công tác lưu kho dầu thô, sản phẩm, vật tư phụ tùng thay thế, hóa chất phục vụ công tác thí nghiệm và HPXT phục vụ sản xuất được kiểm soát tốt.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Công tác giải phóng mặt bằng đã cơ bản hoàn thành với việc chi trả tiền bồi thường đạt 99,8%.

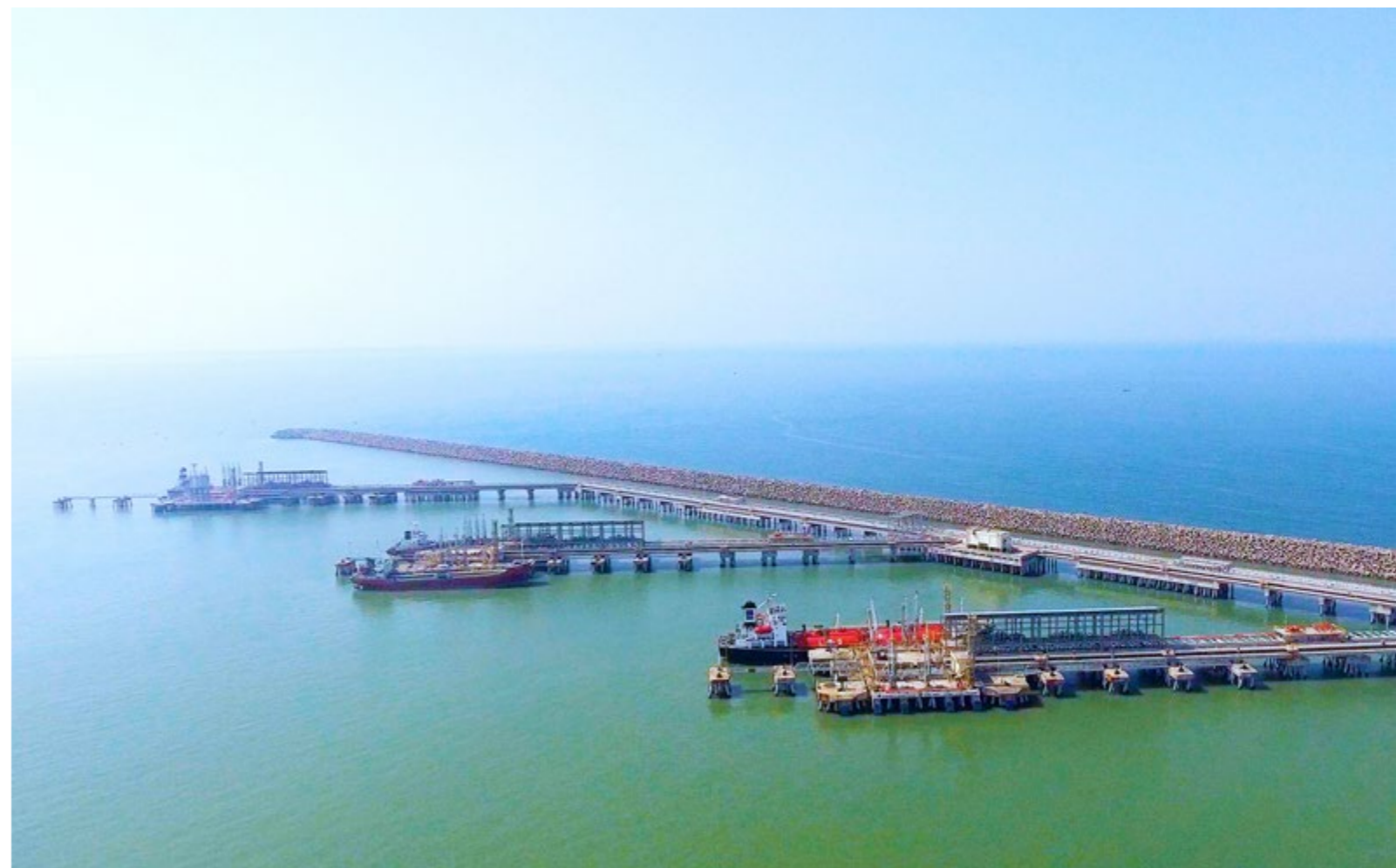
TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ



Dự án NCMR NMLD Dung Quất có khó khăn dẫn đến chậm tiến độ thực hiện các công việc như: Phê duyệt thiết kế FEED, gói thầu san lấp mặt bằng, gói thầu tư vấn thu xếp tài chính... Đến tháng 03/2019, Dự án NCMR NMLD Dung Quất đã triển khai được 47 tháng/78 tháng

kể từ thời điểm phát hành Hồ sơ mời thầu FEED (27/4/2015). Một số mốc chính đã đạt được như sau:

- » Thiết kế tổng thể FEED và Tổng dự toán đã hoàn thành vào ngày 24/3/2017 và được Tập đoàn báo cáo kết quả thẩm định ngày 13/2/2018, Bộ Công thương thông báo kết quả thẩm định ngày 26/3/2018. Trên cơ sở ủy quyền của Tập đoàn, BSR đã hoàn thành công tác thẩm định để sẵn sàng phê duyệt Thiết kế FEED. Ngày 28/3/2019, BSR có Tờ trình số 923/TTr-HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông để phê duyệt Thiết kế FEED và dự toán xây dựng công trình Dự án. Hiện nay, BSR/DQRE đang hoàn thiện các bước tiếp theo để phê duyệt thiết kế FEED và dự toán xây dựng công trình Dự án dự kiến trong tháng 4/2019.
- » Đánh giá tác động môi trường (ĐTM): Ngày 27/02/2019, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án tại Quyết định số 439/QĐ-BTNMT.
- » Gói thầu EPC đã hoàn thành sơ tuyển danh sách ngân nhà thầu, công tác đấu thầu đang được tổ chức và thời điểm đóng thầu giai



đoạn 1 tiếp tục gia hạn lần thứ sáu đến ngày 02/5/2019 và đang xem xét sẽ tiếp tục gia hạn tương ứng với thời gian phê duyệt thiết kế FEED và dự toán dự án.

- » Công tác giải phóng mặt bằng đã cơ bản hoàn thành với việc chi trả tiền bồi thường đạt 99,8%. Diện tích đã giải phóng là 105,4 ha/108,2 ha, đạt 97%, số hộ dân còn lại chưa bàn giao mặt bằng là 43 hộ. Tuy nhiên đối với phần diện tích cần san lấp của Dự án theo thiết kế FEED (80,2ha) đã cơ bản hoàn thành công tác bồi thường, GPMB từ tháng 3/2017.

- » Công tác thu xếp vốn: Ngày 27/02/2019, BSR đã hủy thầu gói thầu tư vấn thu xếp tài chính do quá trình thương thảo hợp đồng không thành công tại Quyết định số 584/QĐ-BSR để đấu thầu lại. BSR/DQRE đang triển khai các bước tiếp theo để tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn thu xếp tài chính. Song song đó, BSR/DQRE tiếp tục làm việc với các Tổ chức tín dụng trong và ngoài nước về khả năng thu xếp vốn trong bối cảnh Chính phủ không cấp bảo lãnh vốn vay cho Dự án và xây dựng phương án thu xếp vốn cùng với các kiến nghị nhằm

nâng cao khả năng trả nợ, tiếp cận được vốn vay. Qua đánh giá, bên cạnh việc chậm trễ triển khai công tác thu xếp vốn vì nhiều lý do thì có thể thấy mức độ khó khăn và phức tạp trong việc thu xếp, bố trí vốn chủ sở hữu, thu xếp vốn vay đã tăng lên rất lớn so với dự tính ban đầu. Việc thay đổi chính sách bảo lãnh vốn của Chính phủ đã làm thay đổi hoàn toàn phương án vay vốn và cơ cấu vốn đầu tư dự kiến của Dự án.

Các dự án đầu tư khác về cơ bản đã được BSR triển khai thực hiện theo kế hoạch đề ra.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Đối với tài sản cố định, Công ty xây dựng và triển khai quy trình quản lý chặt chẽ, thực hiện bảo dưỡng định kỳ, luôn duy trì và nâng cao năng lực sử dụng tài sản.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN

Công ty đã lập và thường xuyên cập nhật kế hoạch dòng tiền chi tiết cho từng tháng nhằm đảm bảo vốn cho hoạt động SXKD. Công ty đã cân đối dòng tiền và cuối năm 2018 không có số dư vay vốn ngắn hạn. Trong năm Công ty đã vay vốn ngắn hạn với kỳ hạn ngắn (thường dưới 1 tháng).

Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: BSR hiện nắm giữ 83,26% VĐL của Công ty CP Nhà và Thương mại Dầu khí (PVBuilding) tương đương 145,89 tỷ đồng, nắm giữ 65,54% VĐL của Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung tương đương 742,16 tỷ đồng, nắm giữ 8,78% VĐL của Công ty CP Bảo dưỡng và sửa chữa Công trình Dầu khí tương đương 7 tỷ đồng, nắm giữ 5,77% VĐL của Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam tương đương 4,24 tỷ đồng.

Quản lý tài sản: BSR thực hiện việc mua sắm tài sản theo nhu cầu sử dụng và đúng định mức được Công ty quy định. Đối với tài sản cố định, Công ty xây dựng và triển khai quy trình quản lý chặt chẽ, thực hiện bảo dưỡng định kỳ, luôn duy trì và nâng cao năng lực sử dụng tài sản. Chỉ số ROA năm 2018 là 6,68% > 0 cho thấy Công ty đang hoạt động hiệu quả.

Nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản phải trả người bán, các khoản thu trước của khách hàng, vay dài hạn đến hạn trả, các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác.

Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn hiện thời là 2,05 lần và hệ số thanh toán nhanh là 1,3 lần, chứng tỏ Công ty đảm bảo đủ khả năng trả nợ đúng hạn.



KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC

Công tác lao động, đào tạo

» Số lao động đầu kỳ là 1.542 người, lao động đến thời điểm hiện nay của Công ty là 1.536 người (trong đó BSR là 1.447 người, biệt phái Nghi Sơn là 33 người, Ban QLDA NCMR NMLD Dung Quất 57 người). Số lao động tăng là 2 người, số lao động giảm là 8 người.

Khoa học công nghệ

Trong năm 2018, BSR đã triển khai thực hiện và áp dụng nhiều giải pháp hữu ích, mang lại hiệu quả kinh tế, quản lý, an toàn cho Nhà máy. Tính đến tháng 31/12/2018, BSR đã đánh giá, công nhận 31 sáng kiến cấp cơ sở trên tổng số 34 đơn đăng ký. Hiệu quả kinh tế mang lại từ các sáng kiến ước tính tổng giá trị làm lợi hơn 10 triệu USD/năm. Đăng ký sáng kiến cấp Tập đoàn là 09 giải pháp và tham dự giải thưởng sáng tạo KHCN Việt Nam là 04 giải pháp.

An sinh xã hội

Việc tham gia tích cực vào các chương trình an sinh xã hội (ASXH) không chỉ thể hiện trách nhiệm của BSR đối với cộng đồng mà còn là nguyện vọng của toàn thể CBCNV của Công ty. Năm 2018, BSR thực hiện ASXH tại các địa

lo cải thiện điều kiện làm việc tốt hơn cho NLĐ, bảo đảm môi trường Xanh - Sạch - Đẹp thông qua Phong trào thi đua "Nơi làm việc xanh - sạch - đẹp" và đã tổ chức tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân với thành tích của cấp Công đoàn BSR và cấp Công đoàn Ngành.

Thực hiện tốt hơn nữa công tác chăm lo cho NLĐ, đặc biệt những CBCNV hoàn cảnh khó khăn, gặp biến cố trong cuộc sống, Công đoàn cơ sở đã chủ động vận động CBCNV tham gia thành lập Quỹ Thiện tâm BSR bằng việc mỗi CBCNV ủng hộ 01 ngày lương/năm, bắt đầu thực hiện từ năm 2018. Đã ban hành Quy chế quản lý sử dụng Quỹ đảm bảo tính công khai, minh bạch và các quy định về vận hành hoạt động Quỹ.

Năm 2018, Đoàn thanh niên BSR đã luôn phát huy tinh thần tiên phong, xung kích và quyết tâm trong lao động sản xuất, kinh doanh, đi đầu trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ hiện đại, có những đóng góp quan trọng trong việc đề xuất, áp dụng các ý tưởng, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào việc duy trì, vận hành NMLD Dung Quất tuyệt đối an toàn, ổn định và hiệu quả. Đoàn viên thanh niên BSR luôn tích cực tự học tập, nâng cao kỹ năng xử lý công việc và có ý thức, trách nhiệm tham gia các hoạt động an sinh xã hội, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng.

phương trong và ngoài tỉnh Quảng Ngãi và đã giải ngân khoảng 30,48 tỷ đồng.

BSR cam kết sẽ tiếp tục duy trì triển khai các chương trình ASXH theo đúng kế hoạch, chất lượng và tiến độ.

Hoạt động Đoàn thể

Năm 2018, Công đoàn BSR luôn chú trọng đến các hoạt động chăm lo NLĐ với quan điểm xuyên suốt "NLĐ tại BSR là trung tâm trong mỗi hoạt động được tổ chức". Các hoạt động luôn được tổ chức thiết thực, hiệu quả và tạo nên thương hiệu hoạt động Công đoàn BSR trong hệ thống Công đoàn Dầu khí Việt Nam. Công đoàn phát động phong trào thi đua "Lao động sáng tạo" ngay tại Hội nghị NLĐ từ đầu năm, thường xuyên chăm



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kết quả hoạt động của các Công ty con

Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PVBuilding): Năm 2018, doanh thu của PV Building đạt 549,40 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 16,745 tỷ đồng. Hoạt động SXKD của PV Building tương đối ổn định, lợi nhuận vượt so với kế hoạch. Doanh số ổn định nhờ hệ thống các đối tác tiêu thụ uy tín, dịch vụ hậu cần ngày càng chuyên nghiệp, đáp ứng tốt nhu cầu khách hàng, phân xưởng sản xuất bao bì được vận hành an toàn.

Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR - BF): Năm 2018, Nhà máy Nhiên liệu sinh học Dung Quất bắt đầu tái khởi động, sản xuất từ ngày 15/10/2018 - 31/10/2018, sản lượng sản xuất 1.438,83 m³ E100. Sau khi đánh giá, khắc phục các điểm lỗi kỹ thuật xảy ra trong đợt chạy vừa rồi, BSR-BF sẽ làm việc với các đối tác/bên liên quan để thống nhất kế hoạch chạy máy tiếp theo. Ước thực hiện năm 2018, BSR-BF có doanh thu 6,81 tỷ đồng, lỗ khoảng -157,83 tỷ đồng.

BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Từ những kết quả nêu trên, để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2019, BSR rút ra các bài học kinh nghiệm cụ thể như sau:



Chú trọng công tác dự báo, phân tích thị trường, kịp thời điều chỉnh công suất và các thông số vận hành, tỷ lệ sản phẩm đảm bảo hiệu quả.



Tiếp tục chủ động theo sát Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các Bộ ngành để có những đề xuất hợp lý, kiến nghị có tính thuyết phục kịp thời, đặc biệt các vấn đề liên quan đến chính sách thuế dầu thô và sản phẩm.



Không ngừng cải tiến nâng cao năng lực quản trị, điều hành sâu sát, linh hoạt, quyết liệt qua đó giúp BSR triển khai nhanh, bài bản và ứng dụng hiệu quả các công cụ hỗ trợ công tác quản trị.



Tổ chức giao kế hoạch chi phí SXKD cho các ban chức năng để kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm.



Tiếp tục xây dựng văn hóa, tập thể BSR đoàn kết, hướng tới mục tiêu chung của đơn vị, trong đó nêu cao vai trò gương mẫu của người đứng đầu.



Rà soát, sắp xếp lại nguồn lực hợp lý qua đó giúp phát huy tối đa ưu điểm, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, tránh lãng phí.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

GIẢI TRÌNH NGUYÊN NHÂN VỀ CHÊNH LỆCH SỐ LIỆU VÀ Ý KIẾN KIỂM TOÁN TẠI BCTC 2018 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và căn cứ Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 về việc ban hành

quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR - mã chứng khoán BSR) giải trình một số nội dung liên quan đến Báo cáo kiểm toán độc lập số 673/VN1A-HN-BC và số

674/VN1A-HN-BC ngày 21/3/2019 của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam cho kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn như sau:

Chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trước kiểm toán và sau kiểm toán

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Số trước kiểm toán	Số sau kiểm toán	Chênh lệch	
			Số tiền	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Báo cáo tài chính riêng				
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	200,76	274,87	74,11	36,91%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16,64	24,13	7,48	44,97%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	184,12	250,74	66,62	36,18%
Báo cáo tài chính hợp nhất				
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	170,67	253,42	82,76	48,49%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	17,33	24,81	7,48	43,19%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	150,04	226,14	76,10	50,72%

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 6 tháng cuối năm 2018 của BSR tại báo cáo tài chính (BCTC) riêng được kiểm toán và báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán có sự thay đổi tăng so với báo cáo trước kiểm toán chủ yếu do thay đổi các khoản trích lập dự phòng như sau:

- » Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại BCTC được kiểm toán giảm 56 tỷ đồng so với BCTC trước kiểm toán do giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho (dầu thô, sản phẩm) tại thời điểm lập

BCTC sau kiểm toán cao hơn so với thời điểm lập BCTC trước kiểm toán (giá dầu thô, sản phẩm bình quân cả tháng 01/2019 cao hơn giá dầu thô, sản phẩm ngày 14/01/2019).

- » Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn tại BCTC kiểm toán giảm 16 tỷ đồng so với báo cáo trước kiểm toán do lỗ trong 6 tháng cuối năm của Công ty Cổ phần nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF - Công ty con của Công ty) tại báo cáo sau kiểm toán thấp hơn số trước kiểm toán.

Vì vậy, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tại BCTC riêng được kiểm toán tăng 74,11 tỷ đồng so với BCTC trước kiểm toán (tương đương 36,91%); dẫn đến chi phí thuế TNDN hiện hành tăng 7,48 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 66,62 tỷ đồng (tương đương 36,18%).

Theo đó, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại BCTC hợp nhất được kiểm toán tăng 76,10 tỷ đồng so với trước kiểm toán (tương đương tăng 50,72%)

Giải trình các vấn đề liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ, nhấn mạnh trên BCTC riêng và BCTC hợp nhất được kiểm toán

Ý kiến ngoại trừ:

Công ty đã đánh giá, xác định giá trị tổn thất của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung ("BSR-BF" - Công ty con của Công ty) tương đương với giá trị dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào BSR-BF đã trích lập tại ngày 30/6/2018 và quyết định sử dụng toàn bộ giá trị khoản dự phòng đã trích lập để bù đắp tổn thất tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần với số tiền khoảng 536 tỷ đồng. Giá trị tổn thất của khoản đầu tư vào BSR-BF tại ngày 30/6/2018 có thể thay đổi tùy thuộc vào sự phê duyệt của các cơ quan có thẩm

quyền. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị tổn thất của khoản đầu tư vào BSR-BF. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Giải trình của Công ty về ý kiến ngoại trừ:

Căn cứ Mục a khoản 2 điều 21 Nghị định 126/2017/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần có quy định "Số dư các khoản dự phòng

giảm giá hàng tồn kho, các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi (nếu có) được sử dụng để bù đắp các tổn thất theo quy định hiện hành, số còn lại hoàn nhập vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa"; căn cứ khoản 1 Điều 18, khoản 3 Điều 32 Nghị định 126/2017/NĐ-CP về xác định giá trị vốn đầu tư của doanh nghiệp cổ phần hóa tại các doanh nghiệp khác, theo đó Công ty đã xác định khoản tổn thất đầu tư tài chính vào BSR-BF theo số lỗ lũy kế trên BCTC của BSR-BF tương ứng với tỷ lệ góp vốn của BSR (bằng số dư trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

chính vào BSR-BF đến thời điểm 30/6/2018) nên toàn bộ khoản dự phòng này được sử dụng để bù đắp tổn thất.

Tại ngày lập báo cáo tài chính năm 2018, các cơ quan có thẩm quyền chưa có quyết định, phê duyệt về việc quyết toán cổ phần hóa tại BSR, vì vậy theo ý kiến Kiểm toán, Kiểm toán không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị tổn thất của khoản đầu tư vào BSR-BF.

Ý kiến nhấn mạnh:

- » Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 (ngày Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2018. Số liệu trình bày ở cột so sánh của báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu tại ngày 30/6/2018 và kỳ hoạt động sáu (6) tháng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (đơn vị cổ phần hóa). Tại ngày lập báo cáo tài chính, các cơ quan có

thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

- » Như trình bày tại Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, BSR-BF đã tạm ghi tăng nguyên giá các tài sản cố định của dự án Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất ("Nhà máy") trong năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, BSR-BF đang

trong quá trình thực hiện các thủ tục quyết toán chi phí đầu tư xây dựng và tiếp tục thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo Thông báo số 3129/TB-TTCT ngày 24/11/2016. Tại ngày 31/12/2018, lỗ lũy kế và thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn của BSR-BF và các vấn đề khác nêu trên dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của BSR-BF. Kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 37.

Giải trình của Công ty về ý kiến nhấn mạnh:

- » Theo quy định tại Điều 104 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2018 (ngày Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2018. Số liệu trình bày ở cột so sánh của báo cáo tài chính là số liệu tại ngày 30/6/2018 và kỳ hoạt động sáu (6) tháng từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (đơn vị cổ phần hóa).

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

- » Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung đã tạm ghi tăng nguyên giá các tài sản cố định của dự án Nhà máy

Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất ("Nhà máy") với số tiền là 1.790 tỷ đồng trong năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR-BF đang trong quá trình thực hiện các thủ tục quyết toán chi phí đầu tư xây dựng và tiếp tục thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo Thông báo số 3129/TB-TTCT ngày 24/11/2016. Giá trị quyết toán Nhà máy sẽ được điều chỉnh (nếu có) khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền. HDQT và Ban TGD Công ty đánh giá các kế hoạch hoạt động và tài chính của BSR-BF bao gồm hợp đồng hợp tác với một đối tác để vận hành lại nhà máy và cho rằng cơ sở lập báo cáo tài chính của BSR-BF theo nguyên tắc hoạt động liên tục là phù hợp.

Trên đây là giải trình các vấn đề liên quan đến việc thay đổi lợi nhuận trước/sau thuế tại BCTC trước và sau kiểm toán, các ý kiến kiểm toán ngoại trừ, nhấn mạnh trên BCTC riêng và hợp nhất được kiểm toán năm 2018 của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.



Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá các kế hoạch hoạt động và tài chính của BSR-BF bao gồm hợp đồng hợp tác với một đối tác để vận hành lại nhà máy và cho rằng cơ sở lập báo cáo tài chính của BSR-BF theo nguyên tắc hoạt động liên tục là phù hợp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Năm 2019, BSR nhận thức rõ còn tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn thách thức lớn:

- » Giá dầu thô và sản phẩm tiếp tục diễn biến thất thường, khó dự báo và theo hướng bất lợi cho ngành công nghiệp lọc dầu nói chung và BSR nói riêng.
- » Mức thuế suất thuế nhập khẩu dầu thô Azeri (xuất xứ từ Azerbaijan) là loại dầu thô chiến lược của NMLD Dung Quất vẫn là 5%.

- » Chịu sự cạnh tranh khốc liệt ngay trong thị trường nội địa với nguồn xăng dầu nhập khẩu từ các nước Việt Nam tham gia hiệp định thương mại tự do và xăng dầu được sản xuất từ NMLD Nghi Sơn.
- » Nhà máy đã có thời gian vận hành gần 10 năm nên thiết bị, máy móc tiềm ẩn nhiều nguy cơ không đảm bảo nếu không được chú trọng kiểm tra, giám sát và chăm sóc, duy tu bảo dưỡng sửa chữa một cách thường xuyên, liên tục.

- » Khối lượng dầu thô Bạch Hổ ngày càng giảm, chất lượng không ổn định.
- » Khó khăn trong việc huy động vốn đầu tư cho Dự án NCMR NMLD Dung Quất.

Để vượt qua những khó khăn, thách thức, BSR đã đề ra những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện trong năm 2019 cụ thể như sau:

NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

- » Vận hành NMLD Dung Quất đảm bảo an toàn, ổn định, làm chủ công nghệ, tối ưu năng lực hiện có, đạt công suất tối ưu để nâng cao hiệu quả và phát triển bền vững.
- » Chủ động và quyết liệt thực hiện tái cơ cấu Doanh nghiệp theo định hướng chỉ đạo của Tập đoàn, tiếp tục hoàn thiện kiện toàn cơ cấu tổ chức BSR theo mô hình công ty cổ phần. Thực hiện cổ phần hóa thành công các đơn vị thành viên của BSR theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
- » Triển khai đầu tư dự án NCMR NMLD Dung Quất theo đúng kế hoạch, tiến độ đề ra, cụ thể:
 - » Tích cực phối hợp với các cấp có thẩm quyền hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư và nhận mặt bằng sạch cho Dự án.
 - » Hoàn thành công tác rà phá bom mìn, vật nổ.
 - » Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu gói thầu EPC và triển khai hợp đồng.
 - » Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu gói thầu san lấp mặt bằng, xây dựng hàng rào, các hạng mục xây dựng cơ bản khác và triển khai hợp đồng.
 - » Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu gói thầu PMC giai đoạn EPC và triển khai hợp đồng.
 - » Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu gói thầu Tư vấn thu xếp vốn và triển khai hợp đồng.

- » Hoàn thành công tác cập nhật hiệu quả kinh tế của Dự án.
- » Khẩn trương hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa trong năm 2019.
- » Cắt giảm tối đa chi phí để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.
- » Thực hiện triển khai công tác thoái vốn đầu tư của PVN theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.
- » Thực hiện rà soát và cân đối lại tất cả các hạng mục mua sắm TTB và TSCĐ trong năm để có giải pháp thực hiện với nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả, đáp ứng đúng nhu cầu sản xuất, đảm bảo không vượt quá phần vốn dự phòng cho mua sắm TSCĐ, TTB đã được phê duyệt, tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Điều lệ của BSR.
- » Tối đa hóa việc tự chủ trong công tác bảo dưỡng sửa chữa nhà máy bằng chính năng lực/nội lực của BSR, giảm thiểu việc sử dụng các dịch vụ kỹ thuật bên ngoài, nhất là trong việc sử dụng các dịch vụ có yêu cầu Vendor, chuyên gia O&M, các dịch vụ kỹ thuật dài hạn.
- » Quản lý hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật: Thường xuyên thực hiện rà soát, cập nhật và hoàn thiện để góp phần nâng cao hiệu quả vận hành, tiết giảm chi phí sản xuất.
- » Công tác NCKH, tối ưu hóa sản xuất: Áp dụng triệt để các giải pháp tiết giảm tiêu hao nguyên liệu, năng lượng, phụ trợ và vật tư thiết bị... sử dụng cho sản xuất để ngày càng tiết giảm và tiệm cận với chuẩn các NMLD tiên

- tiến trong khu vực và trên thế giới và theo ý kiến tư vấn, khuyến cáo của Solomon, SGS.
- » Công tác quản trị:
 - » Tập trung nâng cao hệ thống quản trị ở tất cả các khâu trong hoạt động SXKD.
 - » Hoàn thiện các hệ thống quản trị rủi ro, xây dựng và hoàn chỉnh các chiến lược, mục tiêu kinh doanh, bảo dưỡng sửa chữa, công nghệ thông tin.
 - » Rà soát tổng thể các quy trình quản lý/quản trị, tiếp tục thực hiện cải cách hành chính theo hướng xử lý công việc nhanh gọn, hiệu quả.
- » Công tác kinh doanh: Tập trung cao độ, nhạy bén nắm bắt thị trường và khách hàng để tiến tới đa dạng về phương thức thanh toán, công thức tính giá và chủng loại sản phẩm. Đặc biệt là các sản phẩm có chất lượng cao, xây dựng được các hợp tác dài hạn với khách hàng chủ chốt song song với mở rộng danh sách khách hàng, xây dựng phương án xuất khẩu sản phẩm.
- » Tiếp tục triển khai đề án Xây dựng đội ngũ chuyên gia và tiêu chuẩn chức danh cho từng vị trí cụ thể trong Công ty.
- » Hoàn thiện công tác xây dựng, nâng cấp và bảo trì hệ thống phòng cháy chữa cháy, đảm bảo an toàn cháy nổ giảm thiểu rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- » Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của ĐHQĐ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2019

Chỉ tiêu sản lượng sản xuất và tiêu thụ

Stt	Sản phẩm	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	
			Sản xuất	Tiêu thụ
1	Polypropylene	Tấn	168.428	168.428
2	LPG	Tấn	534.548	534.548
3	Xăng E5 RON 92	Tấn	43.645	43.645
4	Xăng RON 91/92	Tấn	991.698	991.698
5	Xăng RON 95	Tấn	1.486.092	1.486.092
6	Jet A1	Tấn	532.054	532.054
7	Diesel Oil	Tấn	2.547.539	2.547.539
8	Fuel Oil	Tấn	151.053	151.053
9	Lưu huỳnh	Tấn	1.912	1.912
	TỔNG	Tấn	6.456.968	6.456.968



Kế hoạch tài chính toàn Công ty

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019
I	Chỉ tiêu tài chính (Công ty hợp nhất)		
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	97.979,1
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.103,1
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.938,8
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	9.209,6
II	Chỉ tiêu tài chính (Công ty mẹ)		
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	97.783,1
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.263,2
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.100,0
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	9.202,3
5	Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ	%	7,0%
	» Chia cổ tức	Tỷ đồng	2.170,4
	Cổ tức chia Tập đoàn	Tỷ đồng	1.999,3
	Chia cổ tức cho cổ đông khác	Tỷ đồng	171,0

Ghi chú: Kết quả trên chưa tính đến ảnh hưởng của hàng tồn kho.

Kế hoạch vốn đầu tư

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư		Tỷ đồng
a	Đầu tư XD/CB	Tỷ đồng	614,9
+	» Dự án NCMR	Tỷ đồng	524,8
+	» Các dự án khác	Tỷ đồng	90,1
b	Mua sắm TTB/TSCĐ	Tỷ đồng	302,6
c	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	-
2	Nguồn vốn đầu tư		Tỷ đồng
a	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	917,5
b	Vốn vay khác	Tỷ đồng	-

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN

Như đã phân tích ở trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức rất lớn:

Chính sách xuất nhập khẩu nói chung trong đó có chính sách và các mức thuế suất thuế nhập khẩu dầu thô, xuất khẩu sản phẩm xăng dầu đang hạn chế, gây rất nhiều khó khăn cho BSR trong tiếp cận nguồn dầu thô phù hợp, khó có thể linh hoạt thực hiện công tác tiêu thụ sản phẩm nhằm đảm bảo hiệu quả chung.

Các quan điểm và dự kiến thay đổi chính sách thu điều tiết, điều chỉnh lại công thức xác định giá bán lẻ của Chính phủ và các bộ ngành sẽ tác động rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm xăng dầu của BSR, dự báo sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi nhuận của Công ty trong dài hạn và có thể bắt đầu ngay từ Quý II/2019.

Môi trường kinh doanh đã và đang có sự thay đổi lớn; thị trường cũng có sự biến động, thay đổi nhanh đòi hỏi BSR phải tăng cường chủ động, linh hoạt trong xử lý để ứng phó kịp thời. Các cơ chế, chính sách và các quy định hiện hành của các cấp quản lý không đảm bảo để BSR tổ chức thực hiện trong môi trường mới với những diễn biến như đã phân tích ở trên.

Trước tình hình trên, BSR đã nhận diện, lên các giải pháp cấp bách, tổng thể và đang được thực hiện như sau:

Đối với công tác mua dầu thô

- » Bổ sung phương án, giải pháp cung cấp nguồn dầu thô phối trộn, theo đó BSR sẽ tổ chức làm việc với các Nhà cung cấp như BP, Shell, Chevron,... Tuy nhiên, khi thực hiện giải pháp này cần phải được chấp thuận cơ chế để BSR có thể đàm phán trực tiếp với nhà cung cấp. Ngoài ra, BSR phải được chủ động đăng ký, chào mua dầu trực tiếp từ các chủ mỏ/nhà cung cấp để BSR tăng tính chủ động trong việc mua dầu.
- » BSR đang làm việc với các chủ dầu/chủ mỏ về chất lượng dầu cung cấp cho NMLD Dung Quất trong thời gian tới, đặc biệt các loại dầu có hàm lượng organic chloride cao và tỷ trọng thấp.
- » Về lâu dài, dầu thô Azeri sẽ vẫn là loại dầu chiến lược và có khả năng thương mại lớn do đó BSR đang tiếp tục xử lý vấn đề thuế nhập khẩu đối với dầu thô Azeri và các loại dầu thô có xuất xứ từ những nước chưa ký MFN với

Việt Nam để xử lý được nguồn dầu cung cấp cho Nhà máy.

- » BSR đã và đang tiếp tục kiến nghị miễn bảo lãnh thanh toán khi mua dầu thô Việt Nam cho phần tiền thanh toán cho PVN, hoặc làm việc với các chủ dầu để sử dụng Thư đảm bảo thanh toán (LPG) nhằm giảm thiểu chi phí phát sinh.

Đối với công tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

- » Tổ chức hợp lý công tác giao nhận theo hợp đồng đã ký đảm bảo phù hợp với sản xuất và thị trường.
- » Nghiên cứu tối ưu hóa công tác vận hành nhà máy với các chế độ vận hành hiệu quả về

cơ cấu sản phẩm và công suất vận hành.

- » Đối với các biện pháp phòng ngừa rủi ro: Để hạn chế rủi ro và có lợi nhuận đảm bảo thì việc áp dụng các công cụ tài chính phái sinh và các giải

pháp phòng ngừa rủi ro là cấp thiết. Do đó, BSR cần được chấp thuận các hành lang pháp lý để sử dụng các công cụ tài chính phái sinh nhằm hạn chế các rủi ro về biến động giá, đảm bảo lợi nhuận và hiệu quả sản xuất kinh doanh.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đối với công tác khác

Do đặc thù sản phẩm ngành xăng dầu, như đã phân tích ở trên giá mua bán dầu thô và sản phẩm được xác định trên cơ sở giá thị trường quốc tế, mục tiêu nguồn lực của các đơn vị sản xuất kinh doanh từng kỳ. Do vậy, trong giai đoạn thị trường diễn biến không thuận lợi, hiệu quả lọc dầu của các NMLD suy giảm do độ chênh lệch giữa giá sản phẩm và dầu thô bị thu hẹp như hiện nay, giải pháp song song cần tập trung đối với công tác quản trị chi phí nội bộ là đặc biệt quan trọng, theo đó BSR đã triển khai một số các giải pháp sau:

» Chủ động thực hiện các công tác truyền thông sau: (i) Trong nội bộ Công ty nhằm truyền đạt đến toàn bộ CBCNV, đặc biệt là những bộ phận liên quan trực tiếp hiểu rõ bản chất hoạt

động, thực tiễn khó khăn của thị trường để cùng hiểu, chia sẻ, hỗ trợ, cộng đồng trách nhiệm tìm tòi, đề xuất các giải pháp vượt qua giai đoạn khó khăn. (ii) Đối với bên ngoài để các cổ đông, đối tác, khách hàng, cơ quan Nhà nước đủ thông tin, đúng bản chất để chia sẻ hỗ trợ, ủng hộ các chính sách, giải quyết các kiến nghị của BSR.

» Tập trung thực hiện các giải pháp tối ưu hóa năng lượng, công nghệ tiết giảm tối đa chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, điển hình như:

» Triển khai các giải pháp năng lượng và công nghệ; Rà soát danh mục công việc và lộ trình cắt giảm chi phí để tối ưu chi phí sản xuất (OPEX). Công tác tối ưu hóa năng lượng tiếp tục

được chú trọng và triển khai sâu rộng. Thực hiện các đề xuất cải thiện hiệu quả tiết kiệm năng lượng của Shell Global; Phân tích và lên phương án ngăn ngừa tương ứng các vấn đề tuổi thọ và hư hỏng của thiết bị, các vấn đề công nghệ... có thể xảy ra trong 5-10 năm tới theo kinh nghiệm của các chuyên gia O&M.

» Nghiên cứu tìm giải pháp giảm chỉ số EII trong toàn nhà máy để đạt mục tiêu. Triển khai và áp dụng hệ thống quản trị an toàn công nghệ PSM theo tiêu chuẩn OSHA và CCPS vào kiểm soát an toàn trong hoạt động sản xuất, góp phần đảm bảo NMLD Dung Quất vận hành an toàn, tin cậy và giảm thiểu sự cố/ tai nạn.

» Tiếp tục rà soát, có các giải pháp nâng cao hơn hiệu quả công tác tài chính. Tiết giảm chi phí tối đa trong tình hình kinh doanh khó khăn như hiện nay, rà soát cắt giảm việc mua sắm hàng hóa và dịch vụ chưa cần thiết.

» Tăng cường công tác dự báo để đưa ra các kịch bản sản xuất kinh doanh theo cơ cấu sản phẩm tối ưu nhất, cũng như tính toán công suất tối ưu, trong đó sẽ tính đến phương án giảm công suất nhà máy để giảm thiểu thiệt hại.

» Chủ động thực hiện theo chỉ đạo về công tác tái cấu trúc BSR, trọng tâm là tìm kiếm, tiếp xúc và chào bán cổ phần cho các nhà đầu tư lớn tiềm năng. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức Công ty theo mô hình công ty cổ phần.

» Đẩy mạnh các giải pháp, công cụ hỗ trợ quản trị: Giải pháp hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ERP giai đoạn 1, quản trị rủi ro, xây dựng và hoàn chỉnh các chiến lược, mục tiêu kinh doanh, CNTT...

» Thực hiện các công tác mua sắm, thuê dịch vụ kỹ thuật phục vụ SXKD theo kế hoạch của Công ty trên cơ sở cạnh tranh có ưu tiên sử dụng dịch vụ trong ngành.

» Tăng cường kỷ luật, đẩy mạnh công tác giám sát tuân thủ các quy trình vận hành, bảo dưỡng, an toàn. Liên tục đánh giá, cải tiến và hoàn thiện các quy trình đáp ứng yêu cầu thực tế ngày càng tăng từ yêu cầu SXKD. Định kỳ hàng năm đánh giá lại thực trạng đối với từng vị trí trong bộ máy vận hành, bảo dưỡng để từ đó hoàn thiện chương trình đào tạo/

tự đào tạo nhằm nâng cao tính sẵn sàng và làm chủ công việc.

» Hoàn thiện hệ thống/chính sách trả lương 3P, trả thưởng hợp lý để thu hút nhân lực trình độ cao, đáp ứng nhu cầu của Công ty cũng như hỗ trợ các dự án khác của Tập đoàn Dầu khí.

» Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng mối quan hệ chiến lược về hỗ trợ công nghệ, vận hành và bảo dưỡng NMLD đối với các đối tác liên quan.

» Tiếp tục hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc văn hóa ngành Dầu khí, tiếp thu những giá trị tốt đẹp của môi trường hội nhập quốc tế.

» Thực hiện chính sách tiết kiệm chống lãng phí trong mọi hoạt động SXKD.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ngay từ khi thành lập HĐQT đã cùng với Ban TGD triển khai các hoạt động với tâm thế chủ động, mạnh dạn ứng dụng hiệu quả các công cụ quản trị hiện đại, tận dụng tối đa những thuận lợi và có các giải pháp hiệu quả, kịp thời đối phó với khó khăn, qua đó giúp Công ty cơ bản hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao.

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

BSR chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/07/2018. Ngay từ khi thành lập HĐQT đã cùng với Ban TGD triển khai các hoạt động với tâm thế chủ động, mạnh dạn ứng dụng hiệu quả các công cụ quản trị hiện

đại, tận dụng tối đa những thuận lợi và có các giải pháp hiệu quả, kịp thời đối phó với khó khăn, qua đó giúp Công ty cơ bản hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao. Tuy nhiên do diễn biến bất lợi của tình hình giá thị trường dầu thô

và sản phẩm, giai đoạn Quý IV/2018 giá dầu thô và khoảng chênh lệch giữa giá dầu thô và sản phẩm (crack margin) sụt giảm sâu và mạnh bất thường đã khiến cho hiệu quả sản xuất kinh doanh các tháng cuối năm 2018 của Công ty giảm mạnh.



VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ sau bảo dưỡng tổng thể lần thứ 3 (tháng 07/2017) đến cuối năm 2018, Nhà máy vận hành an toàn, liên tục hơn 524 ngày và ổn định ở công suất cao đạt trung bình khoảng 106% so với thiết kế (tính theo công suất phân xưởng CDU), góp phần quan trọng hoàn thành chỉ tiêu sản xuất năm 2018 sớm 38

ngày so với kế hoạch. Tính đến ngày 31/12/2018 BSR đạt được mốc 19,6 triệu giờ công an toàn.

Tổng doanh thu Công ty mẹ năm 2018 là 112.623 tỷ đồng đạt 143,7% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế 3.786 tỷ đồng đạt 102,2% kế hoạch năm 2018 (lợi nhuận trước thuế

giai đoạn 6 tháng cuối năm 2018 đạt 253 tỷ đồng, không đạt theo kế hoạch đã báo cáo ĐHĐCĐ là 1.847 tỷ đồng do tình hình biến động giá bất lợi trên thị trường). Sản phẩm được tiêu thụ kịp thời, hạn chế tối đa hàng tồn kho, sản lượng tiêu thụ quy đổi đạt 6.997.933 tấn đạt 111% kế hoạch.

VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐÃ ĐỀ RA

Công tác chiến lược, kế hoạch

- » Thực hiện theo chỉ đạo của Tập đoàn Dầu khí và Nghị quyết của ĐHĐCĐ lần thứ nhất số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/6/2018 về xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Công ty giai đoạn 2018 - 2022, trong năm 2018 BSR đã tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển phù hợp, trong đó chú trọng các giải pháp về nguồn nguyên liệu, công tác bán hàng và thị trường tiêu thụ cũng như giải pháp đầu tư NCMR NMLD trong bối cảnh thị trường dầu thô và sản phẩm hiện nay đang tiếp tục có những diễn biến phức tạp, đã tác động mạnh, gây khó khăn và tiêu cực đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR.
- » BSR đã thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch của cả năm 2018 ngoại trừ chỉ tiêu lợi nhuận giai đoạn Quý III và Quý IV/2018 của Công ty do biến động bất lợi của giá thị trường dầu thô và sản phẩm.

Công tác quản trị

- » Ngày 21/6/2018 tại ĐHĐCĐ lần thứ nhất đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế

quản trị của Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn.

- » Căn cứ Điều lệ/Quy chế quản trị, Công ty đã tiến hành xây dựng hệ thống văn bản quản lý nội bộ để phù hợp với Điều lệ/Quy chế quản trị và quy định pháp luật; và đến nay đã cơ bản hoàn thành, áp dụng thống nhất và tiếp tục rà soát, hoàn thiện toàn bộ hệ thống văn bản quản lý nội bộ.
- » Nâng cao hệ thống quản trị ở tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện các hệ thống quản trị nội bộ, xây dựng và hoàn chỉnh các chiến lược, mục tiêu kinh doanh. Tiếp tục hoàn thiện các quy trình quản lý/quản trị, cải cách hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- » Đánh giá, cập nhật chiến lược về dầu thô, tối ưu hóa rô dầu thô phục vụ nhà máy trong ngắn hạn và dài hạn cũng như cơ chế chính sách mua dầu thô theo hướng tăng tính chủ động và linh hoạt để tăng tính hiệu quả kinh tế của BSR. Rà soát và áp dụng các giải pháp về bán hàng phù hợp với môi trường

kinh doanh đã và đang có sự thay đổi lớn cũng như sự biến động của thị trường.

- » Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của BSR luôn được chú trọng. Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện 165 khóa đào tạo cho 16.481 lượt người. Công ty hiện đang trong quá trình triển khai xây dựng bộ chỉ số đo lường hiệu quả công việc KPIs giúp ghi nhận nỗ lực của mỗi cá nhân một cách chuẩn xác, tạo động lực phấn đấu, tăng niềm tin và sự gắn bó lâu dài của NLD.
- » Các bộ định mức kinh tế kỹ thuật vận hành và khai thác tại nhà máy phù hợp với các cải tiến công nghệ và kiểm soát chính xác tiêu hao. Tiêu hao năng lượng, hóa chất, vật tư đều thấp hơn so với định mức. Ước tính tiêu hao bình quân nguyên liệu chính 1,080 tấn dầu thô/tấn sản phẩm thấp hơn 0,9% so với định mức (1,090 tấn dầu thô/tấn sản phẩm).
- » Xây dựng được tập thể đoàn kết, đồng lòng hướng tới mục tiêu chung của đơn vị. BSR đang xây

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

dựng một bản sắc văn hóa riêng mà tại đó NLĐ được làm việc - cống hiến - tưởng thưởng và tỏa sáng thông qua các hoạt động thiết thực.

Công tác khác

Bên cạnh việc chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD thì trách nhiệm đối với môi trường và xã hội là một ưu tiên hàng đầu của BSR. Từ khi thành lập đến nay, BSR luôn thể hiện trách nhiệm cao trong việc tuân thủ, chấp hành tốt các quy định của pháp luật

về môi trường. BSR đã và đang triển khai công tác bảo vệ môi trường theo hệ thống quản lý An toàn - Chất lượng - Môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001, ISO 14001, OHSAS 18001. Các sản phẩm của BSR luôn đáp ứng tiêu chuẩn quy định và thân thiện với môi trường.

Thực hiện chủ trương lớn của Tập đoàn Dầu khí là phát triển sản xuất kinh doanh gắn liền với ASXH. Dù còn gặp nhiều khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm nhưng BSR vẫn chủ động thực hiện công tác ASXH tại

các địa phương trong và ngoài tỉnh Quảng Ngãi theo kế hoạch đã đề ra. Và cam kết sẽ tiếp tục triển khai các hoạt động này trong những năm tiếp theo, góp phần đảm bảo chương trình mục tiêu Quốc gia cho sự phát triển bền vững, xóa đói giảm nghèo. Theo đó, năm 2018, BSR đã triển khai nhiều hoạt động thiện nguyện có ý nghĩa. Kết quả giải ngân cả năm của hoạt động ASXH khoảng 30,48 tỷ đồng.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT VỚI BAN TGD

PHƯƠNG THỨC GIÁM SÁT

- » Giám sát quá trình lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- » Tham dự các cuộc họp thường kỳ của Ban TGD về hoạt động SXKD và giao ban định kỳ hàng tháng/quý nhằm kịp thời hỗ trợ, chỉ đạo và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban TGD, bộ máy giúp việc cho Ban TGD và người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.
- » Phối hợp chặt chẽ với BKS trong việc kiểm tra, nắm bắt tình hình hoạt động SXKD thực tế của Công ty, thực hiện thẩm định các báo cáo tài chính theo đúng quy định hiện hành.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT

Năm 2018, HĐQT đánh giá Ban TGD đã hoàn thành tốt vai trò điều hành SXKD, nỗ lực hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao, cụ thể:

- » Ban TGD đã nỗ lực quản lý, điều hành hoạt động SXKD với tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ các quy trình, quy định trong hoạt động điều hành Công ty theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị doanh nghiệp cũng như các quy định của Pháp luật có liên quan. Tuy nhiên trong quá trình hoạt động kinh doanh sản phẩm, Ban TGD cần xem xét, đánh giá những mặt còn hạn chế trong quá trình kinh doanh

sản phẩm hạt nhựa PP, rút kinh nghiệm để đảm bảo quá trình xử lý công việc tuân thủ hoàn toàn các quy định hiện hành và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- » BSR đạt được hầu hết các chỉ tiêu theo kế hoạch của năm. Nhà máy được vận hành hiệu quả, an toàn, ổn định.
- » Không ngừng cải tiến nâng cao năng lực quản trị, điều hành sâu sát, linh hoạt và quyết liệt qua đó giúp BSR triển khai bài bản và ứng dụng hiệu quả các công cụ hỗ trợ công tác quản trị.
- » Tuân thủ, chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty.



Tăng cường các giải pháp thực hành tiết kiệm, quản trị chặt chẽ chi phí trong hoạt động SXKD; tiếp tục chương trình tái tạo văn hóa và phát triển thương hiệu bền vững.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2019

Dự báo tình hình thị trường năm 2019 vẫn tiếp tục có nhiều khó khăn, thách thức. HĐQT đã đề ra một số nhiệm vụ chính như sau:

VỀ CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH

- » Hoàn thiện và triển khai chiến lược phát triển Công ty để đón đầu những cơ hội trong tương lai, hướng đến sự phát triển bền vững.
- » Giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và xây dựng kế hoạch 2020 đảm bảo hiệu quả.
- » Chỉ đạo, đôn đốc triển khai các dự án đầu tư trong năm 2019 đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ và tuân thủ quy định pháp luật, đặc biệt là dự án NCMR NMLD Dung Quất.
- » Thực hiện công tác tái cấu trúc theo phương án đã được phê duyệt.
- » Đẩy mạnh công tác nghiên cứu để tăng hiệu quả SXKD và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.
- » Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và vận hành nhà máy an toàn, ổn định; thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa an toàn, đảm bảo tiến độ, chất lượng và tiết kiệm chi phí.
- » Chỉ đạo công tác kinh doanh các sản phẩm sản xuất đảm bảo hiệu

quả kinh doanh, giữ vững và nâng cao thương hiệu, giá trị sản phẩm.

- » Tìm kiếm thị trường cung cấp các sản phẩm/dịch vụ ra bên ngoài.
- » Hỗ trợ các công ty con trong việc xây dựng chiến lược, công tác quản trị nhằm phát huy hết tiềm năng và nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- » Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện dự án văn hóa hiệu quả, tạo môi trường và động lực phát triển bền vững.

VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

- » Tiếp tục hoàn thiện và đưa vào sử dụng các công cụ quản trị tiên tiến và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty. Nghiên

cứu ứng dụng xu hướng cách mạng công nghiệp 4.0 trong hoạt động SXKD.

- » Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho vai trò quản lý và chuyên môn để tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- » Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro để giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực tới hiệu quả kinh doanh và mục tiêu phát triển bền vững.
- » Tăng cường các giải pháp thực hành tiết kiệm, quản trị chặt chẽ chi phí trong hoạt động SXKD; tiếp tục chương trình tái tạo văn hóa và phát triển thương hiệu bền vững.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



Trong 6 tháng cuối năm 2018, BKS đã tổ chức ba (03) cuộc họp lấy ý kiến của các thành viên thông qua các vấn đề sau: Họp lần đầu bầu trưởng BKS; Họp Quý III/2018 phân công nhiệm vụ các thành viên BKS và triển khai công tác trong Quý; họp Quý IV/2018 đánh giá công tác trong Quý III và triển khai nhiệm vụ Quý IV/2018.

KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT 06 THÁNG CUỐI NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS 06 THÁNG CUỐI NĂM 2018

Hoạt động của BKS

BKS đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tại đơn vị trong năm 2018 dựa trên kế hoạch xây dựng từ đầu năm 2018 và đã được thông qua bởi HĐQT Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, tập trung chủ yếu vào các vấn đề sau:

- » Việc chấp hành điều lệ Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn, các Nghị Quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định nội bộ Công ty;
- » Sử dụng và bảo tồn vốn; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018; thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, biện pháp tiết kiệm/tiết giảm chi phí; thực hiện các dự án đầu tư; thẩm định các báo cáo tài chính.
- » Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua việc xem xét, đánh giá các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, phòng



ban về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty; kiểm tra trực tiếp hoạt động tại các đơn vị/phòng ban; giám sát việc thực hiện kiến nghị các đoàn kiểm tra thanh tra, kiểm tra, của đơn vị cấp trên; tham gia các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của Công ty,... Qua đó, BKS đã có những đề xuất, kiến nghị kịp thời đến HĐQT, Ban TGD và định kỳ hàng quý đều báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát cho cơ quan quản lý cấp trên (PVN).

Trong 6 tháng cuối năm 2018, BKS đã tổ chức ba (03) cuộc họp lấy ý kiến của các thành viên thông qua các vấn đề sau: Họp lần đầu bầu trưởng BKS; Họp Quý III/2018 phân công nhiệm vụ các thành viên BKS và triển khai công tác trong Quý; họp Quý IV/2018 đánh giá công tác trong Quý III và triển khai nhiệm vụ Quý IV/2018.

Hoạt động của từng thành viên

BKS gồm có 03 thành viên, các Kiểm soát viên thực hiện chức trách, nhiệm vụ dựa trên sự phân công công việc cụ thể như sau:

Ông Phạm Ngọc Quý - Trưởng BKS

- Phụ trách chung trong việc điều hành hoạt động của BKS.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát trong năm và tổ chức triển khai thực hiện.
- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định Nhà nước, điều lệ Công ty, việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính.
- Kiểm tra, giám sát công tác đầu tư, mua sắm; định mức kinh tế - kỹ thuật; công tác nhân sự, đào tạo.
- Xem xét, đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC hàng năm trình ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Ông Hoàng Ngọc Xuân - Thành viên BKS

- Kiểm tra các hoạt động liên quan đến công tác tài chính, xem xét các hoạt động của Ban Tài chính Kế toán.
- Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính.
- Giám sát việc sử dụng, quản lý và bảo tồn vốn tại Công ty.
- Tham gia xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát trong năm.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Ông Vũ Lê Huy - Thành viên BKS không chuyên trách

- Giám sát công tác triển khai dự án NCMR NMLD Dung Quất.
- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Nhận xét: Các thành viên của BKS đã thực hiện tốt vai trò chức trách của mình và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tiền lương, thù lao chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát

Lương, thù lao và chi phí hoạt động của từng thành viên BKS được chi trả tuân thủ theo quy định của Công ty và đã được ĐHĐCĐ thông qua.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 06 THÁNG CUỐI NĂM 2018

Giám sát tình hình hoạt động SXKD

Tình hình sản xuất kinh doanh

Trong 06 tháng cuối năm 2018 Nhà máy chạy ổn định, công suất bình quân của Nhà máy đạt cao. Tổng sản lượng sản xuất đạt khoảng 3,48 triệu tấn. Sản lượng tiêu thụ khoảng 3,47 triệu tấn. Doanh thu đạt 56.404 tỷ đồng. Nộp ngân sách 5.570 tỷ đồng.

Về lợi nhuận: Trong 06 tháng cuối năm lợi nhuận chỉ đạt 251 tỷ đồng, thấp hơn rất nhiều so với số liệu 06 tháng đầu năm 2018 trong đó

trong Quý IV/2018 Công ty lỗ gần 1 ngàn tỷ đồng.

Phân tích các nguyên nhân: Các nguyên nhân chính ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng cuối năm 2018 của Công ty như sau:

Từ đầu tháng 10/2018 giá dầu giảm sâu và nhanh, từ 86,16 USD/thùng xuống còn 51,23 USD/thùng (dầu Dtd Brent) tại ngày 21/12/2018. Như vậy, chỉ trong quý IV/2018 đã giảm 40,54%, tương đương 35 USD/thùng. Đặc biệt còn tác

động kép bởi từ tháng 10/2018, trên thị trường dầu mỏ, khoảng chênh lệch giữa giá dầu thô và giá các sản phẩm chính suy giảm nghiêm trọng, có những thời điểm giá xăng Mogas 92 thấp hơn cả giá dầu Dtd Brent khiến cho Công ty bị lỗ khá nhiều.

Đồng thời tình hình tiêu thụ sản phẩm vẫn còn khó khăn hơn do phải cạnh tranh với NMLD Nghi Sơn nên phải giảm giá bán dẫn đến giảm lợi nhuận.

Số liệu cụ thể:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện cả năm 2018		Thực hiện 6 tháng cuối năm 2018 (công ty cổ phần)	
				Giá trị	Tỉ lệ%/KH năm	Giá trị	Tỉ lệ%/KH CTCP
1	Sản lượng sản xuất	Ngàn Tấn	6.302	7.013	111,3	3.478	109,5
2	Sản lượng tiêu thụ	Ngàn Tấn	6.302	6.998	111,0	3.473	109,3
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	78.108	112.623	144,2	56.404	143,2
4	Các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	8.336	11.386	136,6	5.570	132,6
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.480	3.611	103,8	251	14,3

Ghi chú: Kế hoạch 6 tháng cuối năm đối với Công ty cổ phần = 50% kế hoạch cả năm

Công tác triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản

Dự án NCMR NMLD Dung Quất: Đã triển khai được 44 tháng trên kế hoạch tổng thể 78 tháng. Về tổng thể, Dự án đã hoàn thành thiết kế tổng thể FEED. Tập đoàn DKVN đã có văn bản ủy quyền cho Công ty phê duyệt thiết kế FEED và dự toán xây dựng công trình (sau khi ĐTM được phê duyệt); Công ty/ban DQRE đang làm các thủ tục xin phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), phát hành Hồ sơ mời thầu EPC giai đoạn 1 (công việc này triển khai kéo dài do có nhiều thay đổi về danh sách các nhà thầu tham gia đấu thầu, chờ kết quả phê duyệt FEED chính thức...), thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư, công tác thu xếp vốn. Một số công việc chính:

- » Các hạng mục đền bù, giải phóng mặt bằng, hạng mục khảo sát địa hình, địa chất phục vụ thiết kế tổng thể FEED, các hợp đồng Bản quyền công nghệ, hạng mục ra phá bom mìn: đã cơ bản hoàn thành.
- » Công tác chuẩn bị giai đoạn đấu thầu EPC: HSMT giai đoạn 1 đã được phát hành từ ngày 13/11/2017. Tất cả nhà thầu thuộc danh sách ngắn đã nhận HSMT giai đoạn 1. BSR/DQRE đang tiến hành trả lời làm rõ về các vấn đề kỹ thuật - công nghệ, tình hình thu xếp tài chính cho dự án.
- » Về công tác thu xếp tài chính: Hiện nay BSR/DQRE đang yêu cầu Nhà thầu tư vấn cập nhật phương án thu xếp vốn cụ thể hơn với hình thức không có bảo lãnh Chính phủ để đánh giá khả năng thu xếp vốn cho Dự án. Ngoài ra Công ty cũng đang làm việc với các định chế tài chính, ngân hàng để triển khai công tác thu xếp vốn trong điều kiện không có bảo lãnh của Chính phủ.

Công tác tái cấu trúc

Công tác tái cơ cấu: Trên cơ sở các quyết định về tái cơ cấu BSR của Tập đoàn DKVN tại công văn số 2616/QĐ-DKVN ngày 31/12/2016 và công văn số 240/NQ-HĐTV ngày 09/01/2018 của HĐTV Tập đoàn DKVN đã chỉ đạo phương án tái cơ cấu Công ty. Các công việc đã thực hiện:

- » Về Cổ phần hóa BSR

Công ty đã tiến hành thành công ĐHĐCĐ lần thứ nhất vào ngày 21/6/2018 và chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/7/2018.

Đối với bán cổ phần cho cổ đông chiến lược: Chính phủ đã có văn bản cho phép Công ty chuyển đổi từ hình thức bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược sang hình thức bán vốn nhà nước sau khi Công ty chuyển sang hình thức Công ty cổ phần. Hiện Công ty đang triển khai các công việc tiếp theo.

Đối với các công ty con, liên kết

- » Chỉ đạo, nghiên cứu các phương án hỗ trợ công ty BSR-BF: Hỗ trợ vốn cho BSR-BF, chỉ đạo thực hiện bảo dưỡng hệ thống máy móc để có thể thực hiện chạy lại nhà máy trong thời gian tới; xử lý các tồn tại của hạng mục Hệ thống Xử lý nước thải; Quyết toán Hợp đồng EPC, dự án.
- » Triển khai thực hiện thoái vốn của BSR tại PV Building, PMS, PVOS theo phê duyệt của Tập đoàn, cụ thể:

- » Công ty đã có các Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả xác định giá trị phần vốn góp và phương án thoái vốn của BSR tại Công ty PMS, PVBuilding, PVOS: Đã hoàn thiện bộ hồ sơ đăng ký thoái vốn tại PV Building, PMS và gửi đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) vào tháng 5/2018. Tuy nhiên, tại thời điểm BSR gửi hồ sơ đến UBCKNN thì Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp bắt đầu có hiệu lực thi hành (từ 01/5/2018), các văn bản hướng dẫn theo

Nghị định sửa đổi vẫn chưa ban hành đã dẫn đến việc chậm trễ trong quá trình xử lý hồ sơ thoái vốn của BSR tại PV Building, PMS.

Công tác quản trị doanh nghiệp

Công tác quản trị được BSR chú trọng, đưa vào ứng dụng và triển khai hiệu quả các hệ thống quản trị hiện đại, đơn vị cũng hoàn thiện chiến lược phát triển Công ty, xây dựng văn hóa doanh nghiệp tạo môi trường và động lực phát triển bền vững. Cụ thể:

- » Đang triển khai các bước đối với chương trình quản trị ERP;
- » Thường xuyên thực hiện công tác giám sát hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, tăng cường hệ thống báo cáo quản trị, ...;
- » Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ KHCN và thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động, tối ưu hóa sản xuất, chi phí trong hoạt SXKD;
- » Từng bước ứng dụng quản trị hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ thông tin; Tăng cường trách nhiệm, quyền hạn và chỉ đạo của người đứng đầu BSR đối với người đại diện vốn của BSR tại doanh nghiệp khác; Chỉ thực hiện đầu tư mới vào lĩnh vực kinh doanh chính và có hiệu quả sau khi được Tập đoàn phê duyệt.
- » Đang triển khai việc ban hành các quy chế, quy định về quản trị đối với công ty cổ phần.

Công tác đầu tư tài chính

Tính đến thời điểm báo cáo Công ty đã đầu tư vốn vào 4 Công ty trong đó có 2 Công ty con với số vốn là 899 tỷ đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



Giám sát tình hình tài chính

Trên cơ sở kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động thực tế tại đơn vị và báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Deloitte Việt Nam), kết thúc ngày 31/12/2018, BKS đánh giá tình hình tài chính của Công ty năm

2018 lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ, bảo toàn và phát triển vốn. Cụ thể như sau:

- » Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018.

- » Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình SXKD, tình hình tài chính của Công ty và được trình bày các mẫu biểu theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.
- » Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế đáp ứng đúng chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- » Đã tuân thủ các quy định về quản lý vốn, quản lý tài chính trong năm 2018.

Các chỉ số tài chính cơ bản đều đạt trên mức cho phép, cụ thể: Tỷ số thanh toán hiện hành (1,83 lần); Tỷ số thanh toán nhanh (1,13 lần); Hệ số nợ/Tổng tài sản (0,41 lần); Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (0,7 lần); Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: cả năm 2018 – ROE = 11,3%, giai đoạn công ty cổ phần là: ROE = 0,72%; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản: cả năm 2018 – ROA = 6,68%, giai đoạn công ty cổ phần ROA = 0,42%.

GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

06 tháng cuối năm 2018 HĐQT đã tổ chức các cuộc họp chính để đưa ra những quyết định, chỉ đạo kịp thời trong việc thực hiện nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ thông qua. Báo cáo của HĐQT và Ban TGD đã phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình hoạt động năm 2018 của Công ty.

- » HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền, phù

hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. Ban TGD đã chỉ đạo các ban chức năng nghiêm túc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của HĐQT và ĐHĐCĐ.

- » Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; đã thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban TGD thực hiện công

tác điều hành hoạt động SXKD.

- » Ban TGD đã nỗ lực và điều hành hoạt động của Công ty linh hoạt, tuân thủ các quy định của pháp luật, nâng cao công tác quản trị, điều hành, thực hiện tốt tối đa hóa sản xuất, tiết kiệm, tiết giảm chi phí, chủ động trong công tác tiêu thụ sản phẩm và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD 2018.

ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, tuân thủ các quy định pháp luật nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông.

HĐQT và Ban TGD đã phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong công tác kiểm tra, giám sát. Cung cấp đầy đủ thông tin, mời tham gia các cuộc họp và thực hiện các khuyến nghị của BKS đưa ra.

NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ

Năm 2019, bên cạnh những thuận lợi nhất định, đơn vị vẫn còn rất nhiều khó khăn và thách thức, nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả SXKD năm 2019, BKS có các kiến nghị sau:

- » Tiếp tục nâng cao công tác quản trị, kiểm soát chặt chẽ chi

phí, hàng tồn kho, hạ giá thành sản phẩm, quản lý hiệu quả dòng tiền;

- » Tăng cường công tác quản lý rủi ro trong hoạt động SXKD;
- » Đẩy mạnh công tác nghiên cứu sản phẩm mới, đa dạng hóa sản

phẩm có giá trị gia tăng cao;

- » Kiểm soát chặt chẽ tiến độ, chi phí các dự án đầu tư, đặc biệt là dự án NCMR NMLD Dung Quất;
- » Đẩy mạnh công tác thị trường cho công tác bán sản phẩm.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2019

Tiếp tục tập trung giám sát, kiểm tra định kỳ hoạt động của Công ty, tăng cường công tác phối hợp giữa BKS với HĐQT, Ban TGD và các phòng/ban liên quan sao cho việc tiếp nhận và xử lý thông tin giữa các bên hiệu quả nhất.

Kế hoạch hoạt động trong năm 2019 của BKS chủ yếu tập trung vào các vấn đề sau:

- » Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ: Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, pháp luật Nhà nước...;
- » Kiểm tra/giám sát, đánh giá:
 - › Tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019;
 - › Tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn;
 - › Bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu.
- » Kiểm tra công tác thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý.

- » Kiểm tra giám sát tình hình triển khai, tiến độ và hiệu quả các dự án đầu tư

- » Kiểm tra giám sát việc xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật và các biện pháp tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm (nếu có).

- » Kiểm tra giám sát hoạt động của các công ty con, công ty liên kết và việc bảo toàn vốn đầu tư của Công ty, công tác đầu tư vốn của Công ty tại các công ty này

- » Kiểm tra giám sát việc thực hiện công tác tái cấu trúc theo các chỉ thị, nghị quyết được phê duyệt.

- » Kiểm tra, xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, công tác đấu thầu, quản lý tài chính.

- » Kiểm tra giám sát công tác triển khai nâng cấp và mở rộng NMLD Dung Quất.

- » Đề xuất ĐHĐCĐ lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.

- » Kiểm tra công tác thực hiện các Quy chế, Quy định của Công ty.

- » Thẩm định báo cáo tài chính theo quy định.

- » Thực hiện các công việc khác của BKS do ĐHĐCĐ quyết định.

ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Trên cơ sở xem xét, đánh giá các công ty kiểm toán được UBCK NN chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, BKS BSR kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT, BKS lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ



BSR có nhiều chế độ phúc lợi cho NLD như chế độ nhà ở, xe đưa đón CBCNV đi làm việc hàng ngày, chế độ bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm hưu trí tự nguyện...

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kể từ ngày 01/7/2018 BSR hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn ghi nhận sự thay đổi về nhân sự trong Ban TGD cụ thể như sau:

» Ông Bùi Minh Tiến được bổ nhiệm chức vụ TGD kể từ ngày 18/12/2018 thay thế cho ông Trần Ngọc Nguyên.

» Ông Đinh Thái Hà được bổ nhiệm chức vụ Phó TGD kể từ ngày 19/7/2018.

» Ông Nguyễn Duyên Cường được bổ nhiệm chức vụ Phó TGD đốc kể từ ngày 19/7/2018.

» Ông Trần Đoàn Thịnh được bổ nhiệm chức vụ Phó TGD kể từ ngày 07/3/2019.

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TẠI
THỜI ĐIỂM 31/12/2018

1.502

NGƯỜI

trong đó:

» Không bao gồm Người quản lý của Công ty: HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát



NHỮNG CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

BSR luôn đảm bảo chế độ tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi tập thể và tuân thủ các quy định của Nhà nước về chế độ chính sách cho NLD.

Kể từ ngày 01/7/2018, BSR xây dựng Quỹ tiền lương, Quỹ thưởng cho NLD và người quản lý căn cứ

vào Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

BSR có nhiều chế độ phúc lợi cho NLD như chế độ nhà ở, xe đưa đón CBCNV đi làm việc hàng ngày, chế độ bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm hưu trí tự nguyện...

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

BSR rất chú trọng đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2018, Công ty đã tổ chức thực hiện 165 khóa đào tạo cho 16.481 lượt người với nhiều chương trình đào tạo như: Chương trình đào tạo kỹ năng cho cấp quản lý, đào tạo kỹ năng cho người lao động, chương trình đào tạo về ATSKMT&PCCC, chương trình đào tạo chuyên sâu về vận hành Nhà máy lọc dầu.

Một số vấn đề liên quan khác như mức lương trung bình của NLD; các chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho NLD cũng như nội dung các khóa học của công tác đào tạo,... vui lòng xem thêm ở trang 108 - 113 của Báo cáo, Mục các vấn đề xã hội.



Mở rộng **THỊ TRƯỜNG**
DẪN ĐẦU THƯƠNG HIỆU

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



THÀNH VIÊN, CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HĐQT

HĐQT trị nhiệm kỳ 2018 - 2022 có 05 thành viên, bao gồm Chủ tịch HĐQT, 01 Thành viên kiêm TGD, 02 Thành viên chuyên trách và 01 Thành viên độc lập.

Stt	HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần đại diện	Số cổ phần sở hữu	Ghi chú
1	Lê Xuân Huyền	Chủ tịch	1.151.105.459	0	37,12% VĐL
2	Bùi Minh Tiến	Thành viên	775.124.904	0	25% VĐL
3	Nguyễn Quang Hòa	Thành viên	465.074.942	3.700	15% VĐL
4	Hà Đồng	Thành viên	465.074.942	2.000	15% VĐL
5	Nguyễn Bá Phước	Thành viên	0	0	Thành viên độc lập

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Hoạt động của HĐQT được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT trước khi HĐQT ra quyết định. Đồng thời theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc chỉ đạo, giám sát và đôn đốc Ban TGD triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, đảm bảo hiệu quả trong công tác quản trị.

Năm 2018, HĐQT đã thực hiện 07 cuộc họp. Các cuộc họp đã tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng trong việc xây dựng và thực thi kế hoạch SXKD, các dự án đầu tư trọng điểm...; rà soát xem xét tầm nhìn, sứ mệnh Công ty phù hợp với định hướng chiến

lược. Ngoài các cuộc họp trực tiếp, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. Và đã

ban hành hơn 150 quyết định, nghị quyết, trong đó có các nghị quyết/ quyết định quan trọng.



Thành viên HĐQT của BSR có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, có năng lực chuyên môn phù hợp với các yêu cầu của Công ty cũng như trong lĩnh vực được phân công.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT

Căn cứ kế hoạch hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT trong năm 2018, tất cả các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ theo đúng lĩnh vực được phân công, rà soát các vấn đề trọng yếu (về hoạt động, tài chính, tuân thủ và quản lý rủi ro...) với tinh thần trách nhiệm cao, chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty được thông suốt và hoàn thành tốt các nhiệm vụ.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Thành viên độc lập HĐQT của BSR có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, có năng lực chuyên môn phù hợp với các yêu cầu của Công ty cũng như trong lĩnh vực được phân công. Các ý kiến đóng góp của thành viên độc lập HĐQT trong lĩnh vực được phân công trong năm 2018 đã thể hiện được vai trò, trách nhiệm cao, đảm bảo sự khách quan và độc lập. HĐQT chưa thành lập các tiểu ban giúp việc.

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tất cả các thành viên HĐQT trị BSR đều đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ BSR và được đào tạo về Quản trị Công ty.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN

Trong giai đoạn từ ngày thành lập công ty cổ phần (01/7/2018) đến 31/12/2018 người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ không có giao dịch cổ phiếu BSR.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2018 không phát sinh các giao dịch giữa Công ty với các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD và cán bộ quản lý.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết.

BỔ NHIỆM CÁN BỘ

Trong năm, HĐQT đã ra quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm Ông Bùi Minh Tiến làm TGD Công ty; quyết định bổ nhiệm các Phó TGD đối với các Ông Nguyễn Văn Hội, Ông Nguyễn Ngọc Anh, Ông Khương Lê Thành, Ông Nghiêm Đức Dương, Ông Đinh Thái Hà, Ông Nguyễn Duyên Cường; quyết định miễn nhiệm chức vụ TGD đối với Ông Trần Ngọc Nguyễn.

VỀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Các thành viên HĐQT làm việc thường xuyên tại Công ty sử dụng phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo... theo các Quy chế của Công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, Quy chế về chế độ công tác phí, Chính sách nhân viên... và được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Công ty.

QUẢN TRỊ RỦI RO



RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

- » Rủi ro cung vượt cầu và rủi ro cạnh tranh với sản phẩm từ Nghi Sơn/ hàng nhập khẩu: BSR có chiến lược bán hàng phù hợp: Tập trung vào các khách hàng lớn, chú trọng và giữ vững thị trường chủ lực (miền Trung/ miền Nam), phát triển thị trường tiềm năng, xuất khẩu sang các nước có nhu cầu, có chính sách giá cạnh tranh, áp dụng chiết khấu thương mại, ký hợp đồng dài hạn.
- » Rủi ro sản phẩm xăng dầu chưa đáp ứng được tiêu chuẩn khí theo lộ trình quy định tại Quyết định 49/2011/QĐ-TTg: BSR nghiên cứu xuất khẩu sang các nước có khả năng tiêu thụ xăng dầu theo tiêu chuẩn Euro II. BSR tự xuất khẩu hoặc phối hợp với các đơn vị đầu mối để xuất khẩu khi thị trường nội địa không tiêu thụ được hoặc đánh giá thấy thị trường xuất khẩu có cơ hội và hiệu quả.
- » Rủi ro phát triển sản phẩm mới: Xu hướng thế giới đang dần dịch chuyển nhu cầu sử dụng nguồn năng lượng truyền thống (dầu mỏ/ khí đốt, than,...) sang năng lượng tái tạo, năng lượng sạch (điện, gió, khí...) vì các ưu điểm như giảm thiểu khí thải, tiếng ồn, tiết kiệm nhiên liệu,... Tuy nhiên với cơ sở hạ tầng hiện nay ở Việt Nam còn hạn chế thì việc phát triển các nguồn năng lượng sạch cần lộ trình khá dài, kinh phí đầu tư lớn. Vì vậy, trong ngắn hạn, BSR có thể chủ động trong việc tiêu thụ các loại sản phẩm lọc hóa dầu tại thị trường Việt Nam và trong khu vực trước các rủi ro phát triển sản phẩm mới.

RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- » Tại BSR, công tác quản lý rủi ro được xây dựng từ những ngày đầu thành lập. Nhà máy luôn hoạt động an toàn và ổn định, tính đến tháng 2/2019 Nhà máy đã đạt mốc 20 triệu giờ công an toàn, không có tai nạn lao động, mất ngày công (LTI). Các chỉ số môi trường luôn đạt quy chuẩn/ tiêu chuẩn về môi trường hiện hành và được các đoàn thanh, kiểm tra đánh giá cao trong công tác bảo vệ môi trường.
- » Công ty đã xây dựng, duy trì áp dụng, cải tiến liên tục hệ thống quản lý an toàn sức khỏe và môi trường theo tiêu chuẩn OHSAS 18001 và ISO 14001, các thành phần của Hệ thống quản lý An toàn công nghệ. Xây dựng các phương án ứng phó sự cố khẩn cấp, trang bị đầy đủ các thiết bị và thường xuyên diễn tập định kỳ, sẵn sàng ứng phó với các sự cố khẩn cấp, góp phần giảm thiểu các rủi ro gây ra đối với con người, tài sản, môi trường.
- » Chủ động trong công tác đào tạo nâng cao tay nghề cho CBCNV qua các chương trình đào tạo nội bộ, trong và ngoài nước. Phối hợp với chính quyền, cơ quan quản lý Nhà nước (Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an PCCC...) tổ chức các khóa đào tạo bắt buộc theo luật định nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác đảm bảo ATSKMT và PCCN.
- » Nhiều sáng kiến, cải tiến của CBCNV đã góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường trong hoạt động sản xuất được áp dụng thành công mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.



RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH

- » Rủi ro về lãi suất: BSR lập kế hoạch, cân đối dòng tiền hàng tháng, phân tích, đánh giá để quyết định gửi tiền, vay vốn hiệu quả.
- » Rủi ro về tỷ giá: Thông báo chào tỷ giá ngoại tệ đến các ngân hàng, lựa chọn mua với tỷ giá thấp nhất, trích lập dự phòng rủi ro tỷ giá.

QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Hiện BSR đang tham gia góp vốn vào 04 Công ty với tổng giá trị vốn góp theo mệnh giá là: 899,3 tỷ đồng. Trong đó, có 02 công ty con (PV Building, BSR-BF) và 02 công ty liên kết (PMS, PVOS).

Hoạt động của các PV Building và PMS tương đối ổn định, có triển vọng phát triển và sinh lời qua các

năm. BSR tham gia góp vốn khoảng 4,4 tỷ đồng vào PVOS, chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong cơ cấu tài sản của BSR. PVOS đang trong giai đoạn dự án, chưa phát sinh doanh thu.

Hoạt động của BSR-BF gặp nhiều khó khăn, chưa đem lại hiệu quả. BSR-BF đã tái khởi động Nhà máy NLSH Dung Quất vào tháng

10/2018, đang tiếp tục làm việc với đối tác để gia công sản phẩm Ethanol nhằm xử lý các vướng mắc, tồn tại của Dự án theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 29/9/2017.



RỦI RO VỀ HOẠT ĐỘNG, TUÂN THỦ

Công ty đã xây dựng và cập nhật liên tục hệ thống các văn bản quản lý nội bộ các quy chế, quy định, quy trình tuân thủ theo quy định của Pháp luật về công ty cổ phần, tuân thủ yêu cầu của các tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14001, ISO 50001 và OHSAS 18001. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên triển khai các đợt đánh giá sự tuân thủ các Quy

chế, quy định và Quy trình trong toàn Công ty để đảm bảo tính hiệu lực của các văn bản quản lý nội bộ cũng như sự tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ảnh hưởng từ sự thay đổi của luật pháp

» Việc thay đổi chính sách áp thuế nhập khẩu 5% (trước đây là 0%) đối với dầu thô có nguồn gốc xuất xứ từ một số nước không có thỏa thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu trong quan hệ thương mại với Việt nam trong đó có dầu Azeri của Azerbaijan đã ảnh hưởng rất lớn đến nguồn cung nguyên liệu và tình hình sản xuất kinh doanh của BSR. Cụ thể nguồn dầu thô nguyên liệu bị thu hẹp khiến BSR phải tập trung mua và chế biến các loại dầu thô khác phù hợp và không phải đồng thuế. Trong đó tập trung chủ yếu vào dầu thô Việt Nam là loại dầu phù hợp nhất về mặt kỹ thuật, tuy nhiên phải đối mặt với cạnh tranh khốc liệt từ khách hàng khác và phải mua với giá cao để có đủ dầu nguyên

liệu phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Để đáp ứng đủ nguồn cung, BSR cũng đã chủ động nghiên cứu tìm và chọn các loại dầu thô nhập khẩu có tính chất tương tự, tuy nhiên việc chế biến thử nghiệm dầu thô mới còn gặp nhiều khó khăn do chưa có cơ chế để chủ động trong công tác mua, nhập khẩu dầu thô (việc mua dầu thô hiện nay vẫn thông qua PVOIL).

» Bên cạnh đó BSR đã làm báo cáo, kiến nghị lên Bộ Công thương, Bộ Tài chính và Chính phủ áp dụng mức thuế 0% cho mặt hàng dầu thô Azeri và/hoặc dầu thô từ các nước không thực hiện đối xử tối huệ quốc, không có thỏa thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu trong quan hệ thương mại với Việt nam. Việc giảm thuế suất thuế nhập khẩu dầu thô từ 5% về 0% góp phần tăng thu ngân sách thông qua hiệu quả hoạt động của BSR, giúp BSR bổ sung nguồn cung dầu nhập khẩu đảm bảo đủ nguồn dầu cho an toàn vận hành nhà máy và an ninh năng lượng Quốc gia, góp phần ổn định thị trường xăng dầu.



Sẻ chia **GIÁ TRỊ**
PHÁT TRIỂN VỮNG BỀN

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



THÔNGIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



“

BSR kỳ vọng với chiến lược dài hạn, hướng tới sự phát triển bền vững sẽ hợp tác được nhiều hơn với các đối tác lớn, có được sự gắn bó, cống hiến của người lao động và sự ủng hộ của cộng đồng trên cơ sở thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội doanh nghiệp.

Với phương châm “An toàn - Hiệu quả - Bền vững”, BSR đã xây dựng các nguyên tắc phát triển cơ bản để thực hiện được các mục tiêu kinh tế, đảm bảo các mục tiêu về xã hội và môi trường, hướng đến sự phát triển bền vững. Chiến lược này được thể hiện ở nhiều chương trình hành động nhưng tập trung trong 3 nội dung: Sản phẩm, Con người và Cộng đồng.

Với sản phẩm, BSR coi trọng và đang đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển nâng cao chất lượng, thân thiện với môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng; Tối ưu năng lực hiện có, đẩy mạnh NCMR NMLD Dung Quất để nâng cao tính hiệu quả, chất lượng sản phẩm và đảm bảo phát triển bền vững; Phát huy nội lực và hợp tác, liên kết đầu tư với các đối tác có uy tín, tiềm lực nhằm khai thác các lợi thế, cơ hội và chia sẻ rủi ro.

Với yếu tố con người, BSR xác định đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển. Vì vậy luôn có chiến lược chăm lo, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực bền vững, bao gồm kiến tạo nên môi trường văn

hóa doanh nghiệp vừa có nền tảng vững chắc vừa có bản sắc riêng. Đó là môi trường rèn luyện, tôn trọng sự khác biệt để phát huy sáng tạo, đổi mới tư duy để nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng.

Với cộng đồng, BSR xác định để đi được xa và bền vững Công ty luôn phải gắn bó với cộng đồng. Đó cũng chính là sứ mệnh của BSR trong việc đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan và thực thi tốt trách nhiệm với xã hội - cộng đồng - môi trường.

BSR kỳ vọng với chiến lược dài hạn, hướng tới sự phát triển bền vững sẽ hợp tác được nhiều hơn với các đối tác lớn, có được sự gắn bó, cống hiến của người lao động và sự ủng hộ của cộng đồng trên cơ sở thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội doanh nghiệp. BSR mong muốn có được sự đồng hành, hỗ trợ của các quý Cổ đông, khách hàng, các đối tác cũng như toàn thể CBCNV... trên những chặng đường tiếp theo, và cam kết sẽ hướng tới sự minh bạch, sản xuất kinh doanh hiệu quả, có trách nhiệm để đáp lại sự kỳ vọng của cộng đồng.

TỔNG QUAN BÁO CÁO



Năm 2018 là năm đầu tiên BSR đề cập đến nội dung Báo cáo phát triển bền vững và được tích hợp trong Báo cáo thường niên.

NỘI DUNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Năm 2018, BSR chủ trương áp dụng Hướng dẫn thực hiện Báo cáo phát triển bền vững theo các tài liệu sau:



Hướng dẫn doanh nghiệp lập Báo cáo thường niên năm 2016 của Vietnam Annual Report Awards (ARA)



Hướng dẫn công bố thông tin về môi trường và xã hội của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước IFC và Thông tư 155/2015/TTBTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Bộ Tài chính



Bộ tiêu chuẩn GRI

Năm 2018, mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn thách thức, BSR vẫn chủ động thực hiện phân tích danh mục, các yếu tố đã, đang và có khả năng tác động tích cực, tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh được tốt nhất và đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan.



KỶ BÁO CÁO

Tông tin và dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2018 của BSR, bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc ngày 31/12/2018. Các báo cáo về hoạt động an toàn lao động, xã hội, môi trường được tổng hợp từ các

hoạt động chính được thực hiện tại Công ty mẹ và Công ty con. Báo cáo phản ánh kết quả hoạt động trong năm 2018, đồng thời đề cập đến định hướng và mục tiêu trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững của Công ty.

CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO

Cách tiếp cận các vấn đề về phát triển bền vững tại BSR xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững trong dài hạn của Công ty kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

trong Báo cáo thường niên. Những vấn đề liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững được Công ty đánh giá và xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, xác định rõ các vấn đề trọng yếu để từ đó thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện đầy đủ hơn trong nội dung Báo cáo phát triển bền vững năm 2019.

Năm 2018 là năm đầu tiên BSR đề cập đến nội dung Báo cáo phát triển bền vững và được tích hợp

LIÊN HỆ

Chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến chân thành của Quý vị để nội dung báo cáo được thực hiện minh bạch và đầy đủ hơn. Mọi ý kiến đóng góp liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, vui lòng gửi về địa chỉ: <http://www.bsr.com.vn/> (Mục Liên hệ).

CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG



Năm 2018, BSR đã thực hiện thành công 06/23 giải pháp tối ưu hóa năng lượng mang lại hiệu quả kinh tế khoảng 1,9 triệu USD/năm.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG, ĐIỆN VÀ NƯỚC

Nguồn năng lượng được sử dụng trong NMLD Dung Quất từ các nguồn nhiên liệu như khí fuel gas, sản phẩm phụ Cốc (được sinh ra quá trình công nghệ phân xưởng Cracking xúc tác/RFCC) và dầu fuel oil, (trong đó khí nhiên liệu và cốc là sản phẩm phụ

được sinh ra trong quá trình sản xuất của Nhà máy, chỉ có thể sử dụng làm nhiên liệu cho nhà máy mà không xuất bán được, còn sản phẩm dầu Fuel oil là sản phẩm có thể xuất bán) để sản xuất điện, hơi nước, và gia nhiệt cho các dòng nguyên liệu, chiếu sáng...

Trong năm 2018, khoảng 534.876 tấn hydrocacbon gồm khí nhiên liệu, dầu nhiên liệu và coke được sử dụng, chiếm 7,05% lượng dầu thô đem xử lý. Chi tiết như sau:

SÁNG KIẾN TIẾT KIEM NĂNG LƯỢNG

Năm 2018, BSR đã lập kế hoạch triển khai nghiên cứu và thực hiện 23 giải pháp và đã triển khai thành công của 06/23 giải pháp tối ưu hóa năng lượng. BSR đang tiếp tục triển

khai 10 giải pháp, các giải pháp còn lại đã ngừng thực hiện sau khi đánh giá cho thấy chưa khả thi về mặt kỹ thuật, độ tin cậy vận hành và/hoặc chưa hiệu quả về mặt kinh tế.

06/23 giải pháp tối ưu hóa năng lượng đã thực hiện thành công trong năm 2018 mang lại hiệu quả kinh tế khoảng 1,9 triệu USD/năm. Chi tiết như sau:

STT	Tên giải pháp	Hiệu quả kinh tế (USD/năm)
1	Giảm lưu lượng hơi nước sử dụng tại tháp T1901 và tăng nồng độ H2S trong Lean amine	413.910
2	Giảm khối lượng phân tử của dòng khí tuần hoàn tại phân xưởng LCO HDT để tiết kiệm năng lượng tại máy nén C2401	115.443
3	Ổn định nhiệt độ đầu ra của E2403 nhằm tối ưu FG	152.784
4	C-1202, thay đổi công suất máy nén 94%/50%	825.811
5	Tối đa công suất COB	290.163
6	Tối ưu áp suất vận hành mạng hơi thấp áp Nhà máy phù hợp với áp suất hơi thấp áp cho phép của PP	128.462
	Tổng	1.926.573

NĂNG LƯỢNG TIẾT KIEM ĐƯỢC THÔNG QUA CÁC SÁNG KIẾN SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ

Năm 2018, với việc thực hiện đồng bộ việc theo dõi/kiểm soát chặt chẽ sử dụng năng lượng của Nhà máy theo tiêu chuẩn ISO-50001 về quản lý năng lượng, đồng thời triển khai các giải pháp tối ưu như nêu trên, BSR đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu đề ra, cụ thể:



Tiêu thụ năng lượng nội bộ (tỉ lệ nhiên liệu/trên lượng dầu thô chế biến, tính theo % khối lượng) đã giảm từ 7,20 % khối lượng (năm 2017) xuống còn 7,05% khối lượng (năm 2018), vượt so với mục tiêu đề ra 2018 là 7,1%+/-0,1% khối lượng;

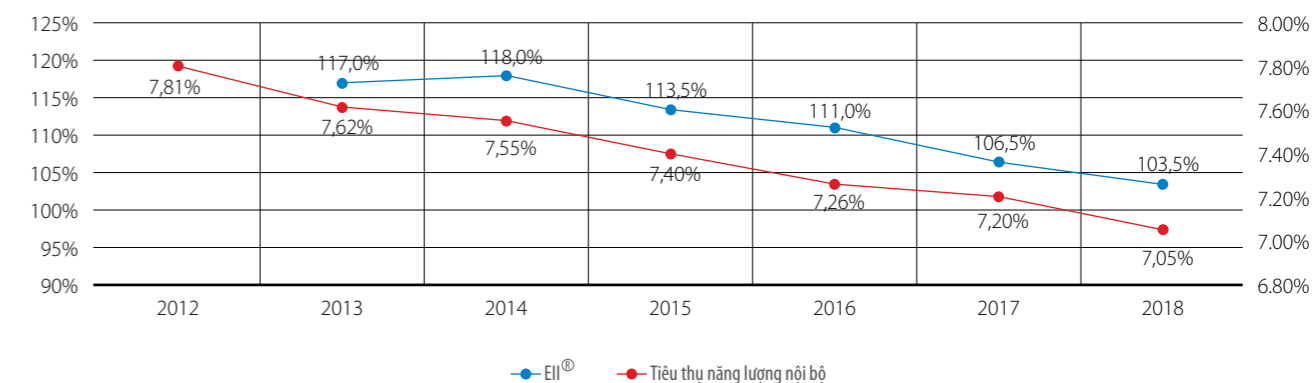


Chỉ số EII (chỉ số sử dụng hiệu quả sử dụng năng lượng do theo tính toán của Tổ chức SOLOMON, áp dụng trong công nghệ lọc - hóa dầu) giảm khoảng 3% từ 106,5% năm 2017 xuống còn 103,6% năm 2018 (mục tiêu 105+/-1%).

Với kết quả nêu trên, BSR đã giảm được lượng dầu FO sử dụng làm nhiên liệu cho Nhà máy khoảng 1.670 tấn FO/tháng (tương đương giảm khoảng 20.000 tấn FO/năm), tiết giảm chi phí sản xuất khoảng 5,0 triệu USD/năm, đồng thời cũng đã tiết giảm được khoảng 21 tỷ đồng tiền thuế môi trường đối với nhiên liệu đốt FO theo luật định.

TIẾT KIEM NĂNG LƯỢNG QUA CÁC NĂM

Các chỉ số năng lượng



NGUYÊN LIỆU NƯỚC

Nguồn nước được sử dụng cho Nhà máy là nước thủy cục được cung cấp bởi Công ty cổ phần Nước sạch VINACONEX (VIWASUPCO). Nước được sử dụng làm nước sinh hoạt, nước sản xuất. Năm 2018, Nhà máy tiêu thụ khoảng 2.328.000 m³.

VẬT LIỆU

NMLD Dung Quất sử dụng nguyên liệu dầu thô trong nước và nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm, LPG thương phẩm, xăng, dầu DO, nhiên liệu phản lực, dầu FO và hạt nhựa Polypropylene..., không sử dụng vật liệu tái chế để sản xuất ra sản phẩm chính của công ty.

CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG

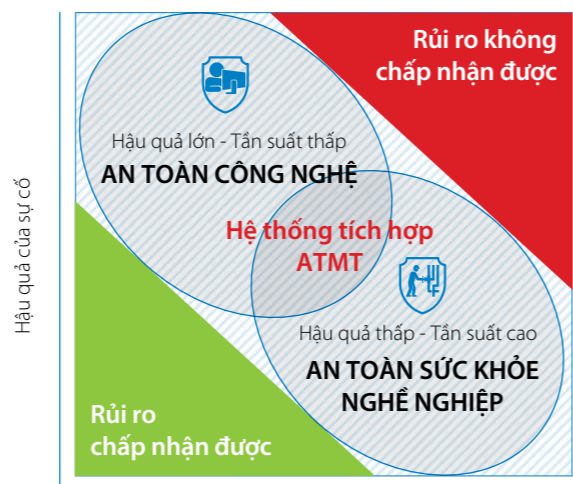
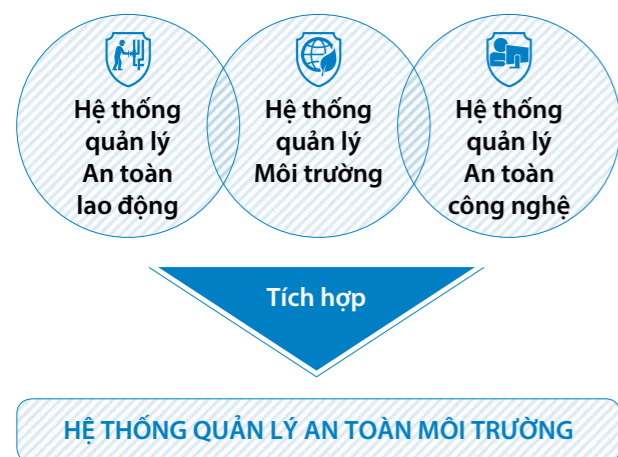
Hoạt động của BSR có phát sinh các mối nguy cho con người, môi trường và tài sản. Và được chia thành hai loại chính: Mối nguy an toàn công nghệ (thường có tần suất ít khi xảy ra nhưng hậu quả lớn) và mối nguy an toàn lao động (thường có tần suất xảy ra lớn nhưng hậu quả mang tính chất đơn lẻ). Để kiểm soát

các mối nguy này, cần có một hệ thống ATSKMT tích hợp để quản lý hệ thống này.

» Thỏa mãn các yêu cầu của Tiêu chuẩn về Quản lý An toàn và sức khỏe nghề nghiệp ISO 45001, An toàn công nghệ (theo CCPS) và Quản lý môi

trường ISO 14001, .

» Tất cả các thành phần của Hệ thống quản lý an toàn công nghệ được tích hợp vào các thành phần của Hệ thống quản lý ATSKMT.



Tần suất của sự cố

Hệ thống quản lý ATSKMT của BSR

Cho đến nay, Công ty đã đạt được các kết quả về ATSKMT như sau:

STT	Các thông số về ATSKMT	Đơn vị tính	Kết quả
1	Số giờ công an toàn không xảy ra tai nạn lao động mất ngày công (LTI)	Triệu	20 (đến ngày 25/2/2019)
2	Sự cố cháy nổ ảnh hưởng hoạt động SXKD	Vụ	0
3	Sự cố an ninh ảnh hưởng hoạt động SXKD	Vụ	0
4	Sự cố môi trường hay các vi phạm quy định môi trường	Vụ	0
5	Số giờ công đào tạo an toàn	Giờ/năm/người	30
6	Số lần diễn tập tình huống khẩn cấp	Lần/năm	80

CHÍNH SÁCH AN TOÀN - CHẤT LƯỢNG - SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

BSR đã xây dựng và ban hành Chính sách An toàn - Chất lượng - Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường: "Ngăn ngừa các nguy cơ thiệt hại về con người, môi trường, tài sản và thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong các hoạt động sản xuất, vận chuyển và phân phối các sản phẩm lọc - hóa dầu."

CAM KẾT CỦA BSR

Để thực hiện Chính sách trên, Công ty cam kết thiết lập và duy trì hệ thống quản lý An toàn - Chất lượng - Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường (IMS) bảo đảm:

- » Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành và các nghĩa vụ tuân thủ;
- » Đáp ứng các yêu cầu quản lý An toàn - Chất lượng - Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường theo tiêu chuẩn Quốc tế hiện hành và cải tiến thường xuyên hệ thống nhằm nâng cao kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- » Sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, tài nguyên, bảo vệ môi trường và cộng đồng;
- » Kiểm soát các mối nguy, rủi ro có thể gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, cháy nổ, hư hỏng tài sản, tác hại môi trường và chất lượng sản phẩm dịch vụ;
- » Bảo đảm kế hoạch ứng cứu khẩn cấp được xây dựng, đội ứng cứu đủ năng lực và được huấn luyện, duy trì thường xuyên để xử lý kịp thời, có hiệu quả trong các trường hợp khẩn cấp;
- » Cung cấp đầy đủ nguồn lực, triển khai các khóa đào tạo, hoàn thiện hệ thống quản lý, hệ thống tài liệu cần thiết để giảm thiểu các rủi ro trong sản xuất, kinh doanh ở mức thấp nhất có thể.



CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG

CÁC THÀNH PHẦN CỦA HỆ THỐNG QUẢN LÝ ATSKMT

BSR đã xây dựng hệ thống quản lý ATSKMT là khung cơ sở cho sự cải tiến liên tục thông qua việc áp dụng các thành phần chuẩn của hệ thống cho tất cả các hoạt động trong lĩnh vực An toàn - Sức khỏe - Môi trường - PCCC - An ninh, bao gồm:

- » Phát triển và thực hiện thành phần quản lý rủi ro để xác định các mối nguy và rủi ro từ hoạt động sản xuất của BSR và thiết lập các công cụ kiểm soát phù hợp nhằm đạt được

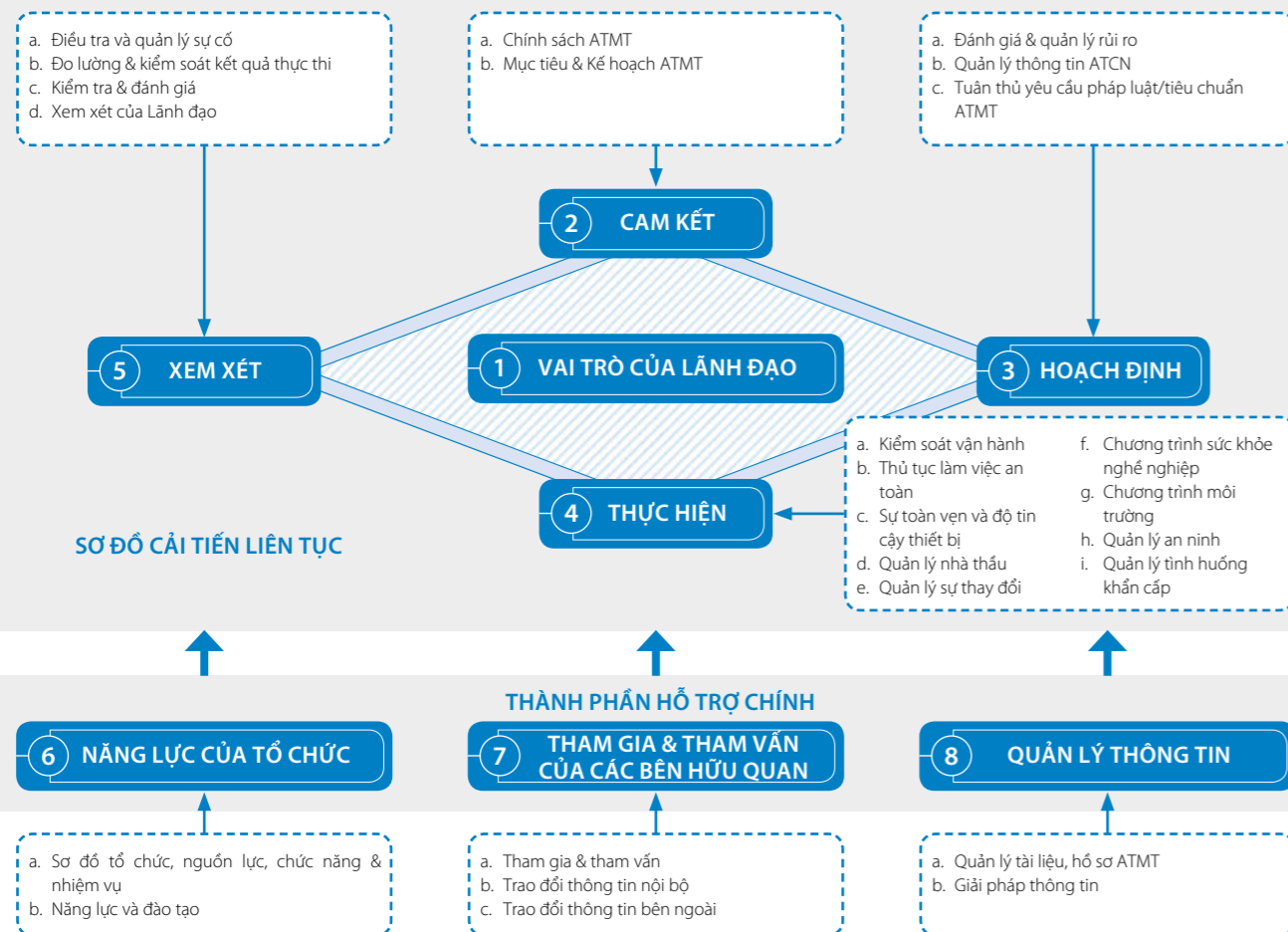
mục tiêu an toàn, không tai nạn sự cố;

- » Xác định các trách nhiệm pháp lý và cam kết để đảm bảo tuân thủ;
- » Tối ưu tính toàn diện, độ tin cậy và hiệu quả sản xuất;
- » Khuyến khích xây dựng và cải tiến liên tục để đạt kết quả cao trong công tác thực thi ATSKMT.

Hệ thống quản lý ATSKMT của BSR là hệ thống cải tiến liên tục được

xây dựng bởi 08 thành phần chính sau đây: 1)Vai trò Lãnh đạo; 2) Cam kết với công tác ATSKMT; 3) Hoạch định ATSKMT; 4)Thực hiện; 5) Xem xét và cải tiến; 6) Năng lực của tổ chức; 7) Tham gia và tham vấn của các bên hữu quan; 8) Quản lý thông tin.

Hệ thống quản lý này được cấu trúc theo vòng lặp cải tiến liên tục PDCA (Hoạch định - Thực hiện - Xem xét - Cải tiến liên tục) như minh họa trong mô hình dưới đây:



ĐÀO TẠO VÀ TUYÊN TRUYỀN

BSR luôn chú trọng công tác huấn luyện ATSKMT (BSR đã được Bộ LĐTBXH cho phép tự huấn luyện ATVSLĐ), đây là một yếu tố đóng vai trò hết sức quan trọng cho công tác an toàn nhằm nâng cao nhận thức và tuân thủ các quy định an toàn cho CBCNV BSR.

Cụ thể trong năm 2018, BSR đã tổ chức 32 khóa đào tạo về an toàn sức khỏe môi trường với hơn 8.500 lượt CBCNV tham gia, đạt 49.700 giờ công đào tạo an toàn. Các nội dung đào tạo bao gồm:

- » Huấn luyện theo yêu cầu pháp luật: ATVSLĐ, PCCC, an toàn hóa chất, an toàn bức xạ, an toàn nổi hơi và các thiết bị chịu áp lực.
- » Đào tạo nâng cao chuyên môn, kỹ năng về an toàn: giám sát giàn giáo, sơ cấp cứu nâng cao, điều tra tai nạn sự cố, giám sát nâng cẩu, sử dụng máy đo khí và thiết bị cấp khí thở.

Tổ chức đào tạo an toàn nhận thức ban đầu về an toàn cho các nhà thầu, khách tham quan tại Nhà máy lọc dầu Dung Quất với 5.879 lượt nhà thầu được đào tạo.



Bên cạnh đó, BSR tăng cường công tác tuyên truyền về ý thức tuân thủ công tác an toàn vệ sinh lao động cho toàn thể CBCNV thông qua việc thực hiện các buổi họp an toàn Công ty nhằm tạo kênh trao đổi thông tin giữa Lãnh đạo Công ty và toàn thể người lao động về chính sách, mục tiêu, kết quả thực hiện công tác ATSKMT, ý kiến đóng góp của người lao động nhằm nâng cao hiệu quả công tác an toàn, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc.

- 2 lần/tuần:** Họp vận hành, chủ đề ATSKMT được đưa lên đầu tiên.
- Hàng Tháng:** Họp vận hành/BDSC/Nhà thầu và ATSKMT
- Hàng tháng:** Xuất bản bản tin về ATSKMT, treo khẩu hiệu ở cổng, vận động, khen thưởng
- Hàng tháng:** Phát hành báo cáo thực hiện SAO, trao giải thưởng SAO
- Hàng Quý:** Tổ chức họp ATSKMT cho toàn bộ nhân sự của BSR
- Hàng Quý:** Tổ chức họp Hội đồng ATSKMT
- Hàng Năm:** Tổ chức họp ATSKMT cho toàn bộ nhân sự của BSR

Tổ chức các đợt tuyên truyền an toàn định kỳ theo chủ đề hàng tháng đối với người lao động nhà thầu, góp phần nâng cao nhận thức, hiểu biết về an toàn không chỉ tại Nhà máy mà còn trong những công việc tại gia đình và cộng đồng.

CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định bảo vệ môi trường:

- Lập và trình phê duyệt các báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án
- Lập hồ sơ và xin cấp phép môi trường: khai thác nước, xả nước thải
- Lập, trình phê duyệt và định kỳ tổ chức diễn tập các kế hoạch ứng phó sự cố môi trường: Tràn dầu, hóa chất, bức xạ
- Vận hành hệ thống xử lý môi trường đạt tiêu chuẩn/ quy chuẩn yêu cầu trước khi xả thải vào môi trường
- Thực hiện đầy đủ các quy định về quan trắc và giám sát môi trường

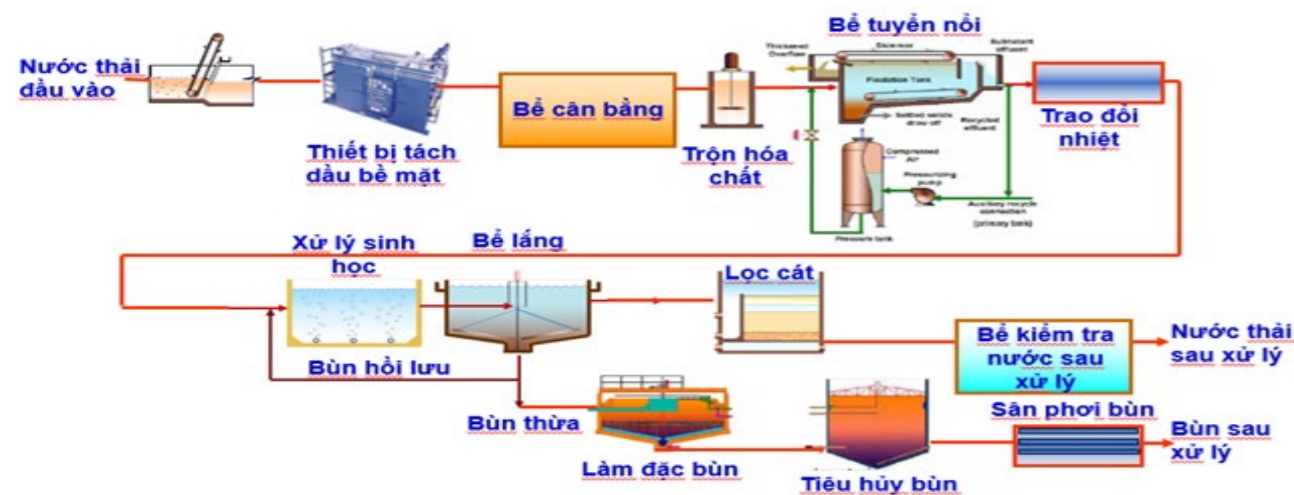
» Quản lý chất thải và chất thải nguy hại

Tất cả các loại chất thải rắn/ chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy đã được Công ty đăng ký, được Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ngãi

cấp sổ chủ nguồn thải với mã số QLCTNH 51.000010.T ngày 11/8/2014 (cấp phát lần đầu vào ngày 25/8/2009). Các loại chất thải khác nhau sẽ được phân loại, thu gom, và lưu chứa tạm thời trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT.

» Quản lý nước thải

Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành sản xuất được thu gom và đưa về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất của NMLD Dung Quất. Hệ thống xử lý được đầu tư với công suất thiết kế 566 m3/h để xử lý tất cả các dòng nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất bởi các phương pháp khác nhau như xử lý cơ học (vật lý), hoá lý (tuyển nổi), sinh học, lắng và lọc cát.

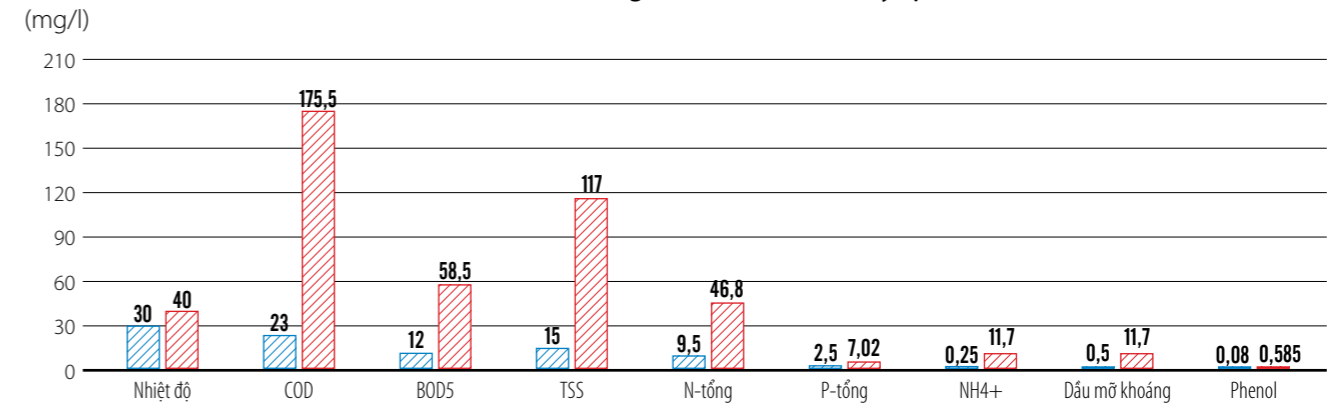


Công nghệ xử lý nước thải NMLD Dung Quất



Phân xưởng xử lý nước thải của Nhà máy hoạt động ổn định và hiệu quả từ năm 2010 đến nay. Tất cả thông số nước thải Nhà máy sau xử lý luôn thấp hơn giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT. Tại bể chứa nước thải sau xử lý, công ty trồng một số loài cây thủy sinh như sen, súng, thả cá để làm chỉ thị sinh học. Hiện tại các loài này đều đang phát triển rất tốt, thể hiện chất lượng nước thải đầu ra của NMLD Dung Quất rất sạch, có thể đảm bảo cho sự sinh sống và phát triển của các sinh vật

Biểu đồ biểu diễn các thông số nước thải sau xử lý tại NMLDDQ



Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý năm 2018

Đợt 4/2018 (hatched bar) QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, Kf=0,9; Kq=1,3) (solid bar)

» Quản lý khí thải

Hiện nay tại Nhà máy, các nguồn khí thải phát sinh chủ yếu từ các ống khói của các lò gia nhiệt (Phân xưởng 11, 12, 13, 15, 24) và các nồi hơi (Phân xưởng 40, 52). Để đáp ứng tiêu chuẩn môi trường không khí xung quanh. Công ty đã tiến hành:

- » Thiết kế và lắp đặt chiều cao ống khói được đúng theo các báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất;
- » Lắp đặt thiết bị lọc bụi tĩnh điện để xử lý dòng khí thải có chứa hàm lượng bụi cao từ phân xưởng RFCC để đáp ứng tiêu chuẩn nguồn thải;

CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG

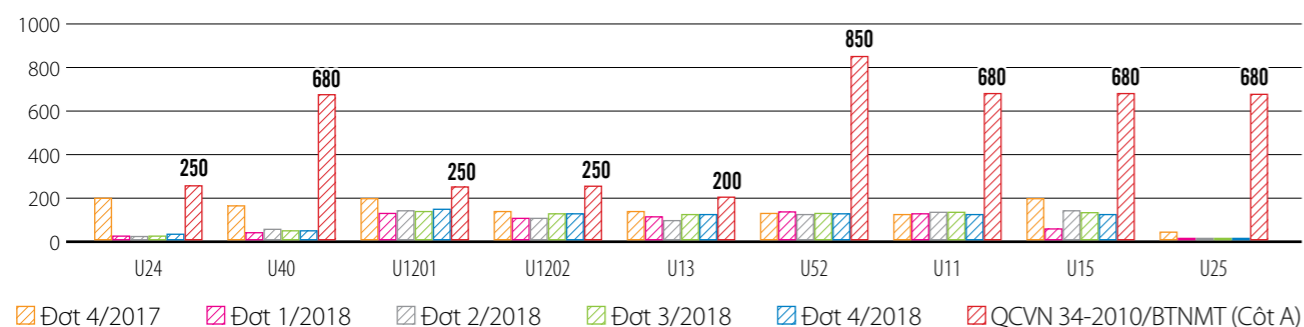
» Ngoài ra, Nhà máy đã đầu tư lắp đặt các thiết bị phân tích liên tục để phân tích các chỉ tiêu ô nhiễm đặc trưng của ống khói như: NOx, SOx để người vận hành có thể giám sát đảm bảo các thông số nằm trong giới hạn cho phép.

» Định kỳ, Công ty đều thuê đơn vị có chức năng để tiến hành quan trắc chất lượng các nguồn thải. Kết quả, các thông số chất lượng khí thải của Nhà máy đều đáp ứng QCVN 34:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp lọc hoá dầu đối với bụi và các chất vô cơ.

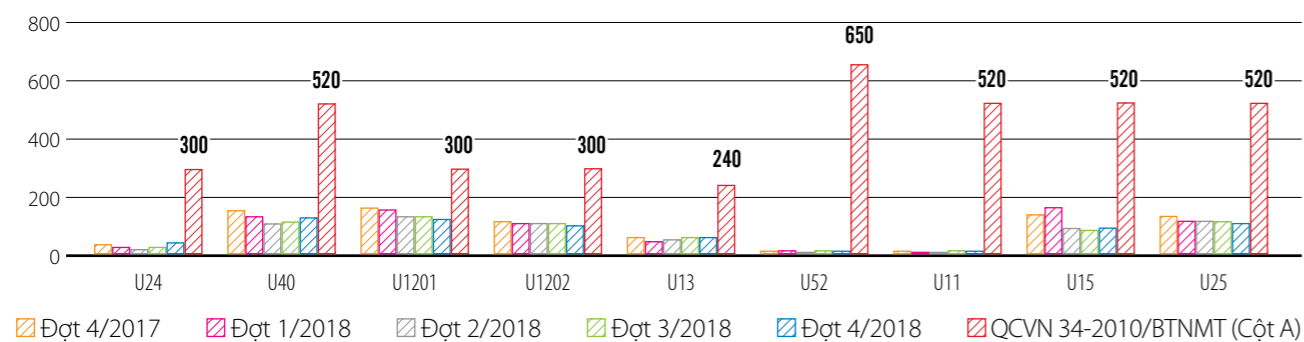


Hệ thống lọc bụi tĩnh điện

Biểu đồ diễn biến khí thải công nghiệp qua các đợt - Thông số NOx



Biểu đồ diễn biến khí thải công nghiệp qua các đợt - Thông số SO2



Kết quả quan trắc khí thải tại nguồn năm 2018

Cùng với việc tiết kiệm năng lượng, hàng năm Công ty đã giảm phát thải lượng khí nhà kính và các khí khác tương ứng như sau:

Năm	Lượng khí nhà kính và khí thải khác giảm qua các năm		
	CO2e (tấn)	SOx (tấn)	NOx (tấn)
2015	74.801	67,48	28,92
2016	41.855	37,76	16,18
2017	67.898	61,25	26,25
2018	52.515	41,37	20,30

» Quản lý tiếng ồn và độ rung: Phát sinh từ quá trình vận hành của các máy móc thiết bị. Để đảm bảo sức khỏe cho NLD, Công ty đã trang bị đầy đủ các thiết bị BHLĐ, kẻ vạch cảnh báo khu vực có độ ồn cao, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng



thiết bị và đo kiểm môi trường lao động định kỳ nhằm phát hiện và có biện pháp phù hợp nhằm đảm bảo sức khỏe cho NLD.

» Sẵn sàng ứng phó sự cố môi trường

BSR đã xây dựng và được các cơ quan quản lý thẩm định, phê duyệt các kế hoạch phòng ngừa, ứng phó các sự cố liên quan đến môi trường gồm:

› Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 13/07/2017;

› Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được Bộ Công thương phê duyệt tại Quyết định số 9152/QĐ-BCT ngày 03/12/2013.

Trên cơ sở đó, Công ty đã trang bị đầy đủ các trang thiết bị, xây dựng các phương án và diễn tập định kỳ nhằm sẵn sàng ứng phó với các sự cố môi trường có thể xảy ra.

ĐẢM BẢO AN TOÀN VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

ĐẢM BẢO AN TOÀN

Để đảm bảo an toàn cho nhân sự làm việc trong Nhà máy, Công ty BSR luôn tăng cường công tác giám sát Nhà thầu theo 03 cấp độ khác nhau, trong đó tập trung vai trò giám sát an toàn của nhà thầu và phòng đầu mối giám sát công việc, đảm bảo 100% công việc có rủi ro cao được kiểm soát đầy đủ. Bên cạnh đó, Công ty duy trì việc kiểm tra hàng ca làm việc bởi Trưởng ca Nhà máy và Trưởng ca PCCC; kiểm tra định kỳ (2 tuần/lần) đối với lãnh đạo Ban/Công ty. Đảm bảo 100% dụng cụ thiết bị trước khi mang vào Nhà máy đều được các bộ phận chuyên môn kiểm tra

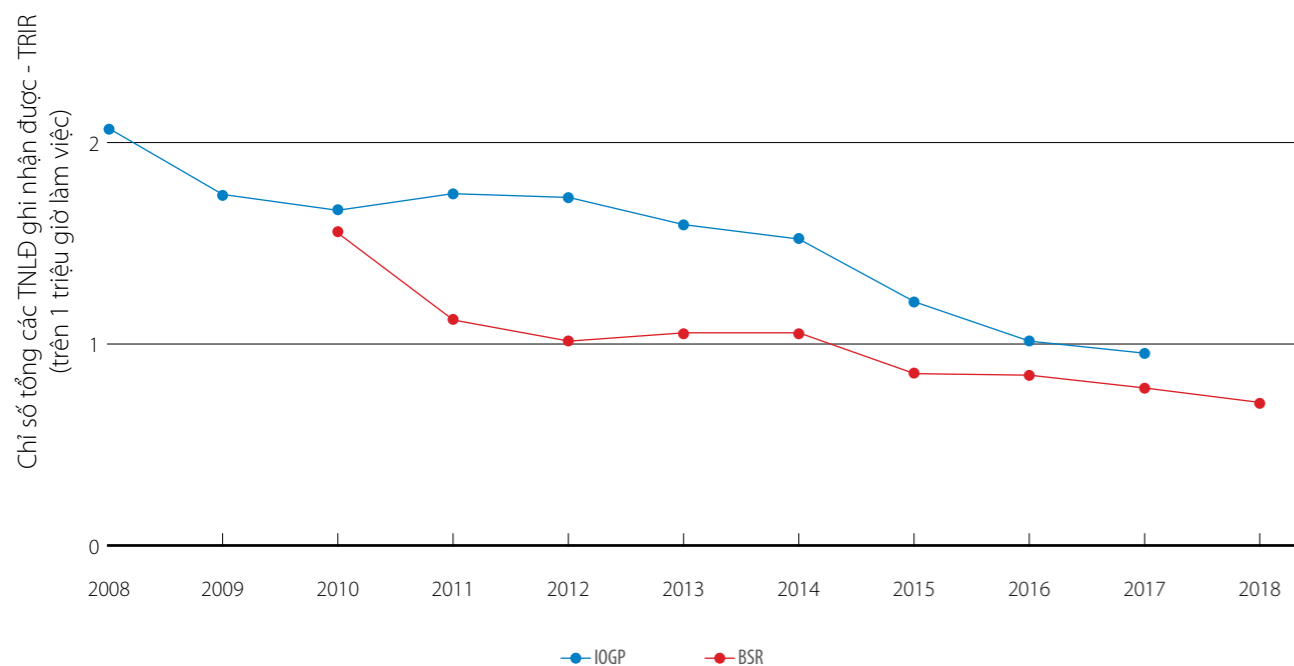
tình trạng sử dụng. Với phương châm, không ai bảo vệ mình bằng chính bản thân mình Công ty đang xây dựng Văn hóa an toàn với khẩu hiệu an toàn là trách nhiệm của mọi người, xem an toàn là giá trị cốt lõi khi thực hiện công việc.

Công ty đã kêu gọi và huy động toàn thể CBCNV BSR và nhà thầu tham gia vào công tác giám sát an toàn trên cơ sở chương trình Quan sát hành vi an toàn (SAO). Đây thực sự là công cụ hữu hiệu trong việc khuyến khích hành động an toàn và giảm thiểu hành vi không an toàn của từng cá nhân người

lao động. Ngoài ra, đây cũng là công cụ để phát huy được sức mạnh trí tuệ của tập thể người lao động trong công tác nhận diện và kiểm soát các mối nguy hiểm, góp phần cải thiện môi trường làm việc an toàn.

Tính từ thời điểm triển khai chương trình đến nay đã có 147.000 thẻ SAO được ghi nhận và hơn 11.300 khuyến nghị đã được các bộ phận khắc phục xử lý, góp phần cải thiện điều kiện làm việc an toàn, nhân rộng phát huy những việc làm tốt, từ đó đã từng bước nâng cao văn hóa an toàn đến từng CBCNV.

CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG



So sánh chỉ số tai nạn lao động ghi nhận được giữa BSR và IOGP (tổ chức các nhà sản xuất/chế biến dầu khí quốc tế).

Với những nỗ lực làm việc tuân thủ các quy định về an toàn của CBCNV và Nhà thầu, đến ngày 25/02/2019 Công ty BSR đã đạt mốc 20 triệu giờ công an toàn không có tai nạn lao động mất ngày công. Chỉ số tai nạn lao động ghi nhận được giữa BSR luôn luôn thấp hơn các Công ty thuộc IOGP.

VỀ CÔNG TÁC CHĂM SÓC SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Sức khỏe của CBCNV là vốn quý của bất kỳ doanh nghiệp nào. Nhận thức được vấn đề này, Công ty triển khai các công việc nhằm đảm bảo sức khỏe cho NLĐ, cụ thể:

- » Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn đáp ứng các tiêu chuẩn/quy chuẩn an toàn lao động do các bộ ngành liên quan ban hành;
- » Thực hiện đầy đủ các quy định về khai báo, đăng ký và kiểm định an toàn các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động;

- » Trang bị đầy đủ phương tiện, trang thiết bị an toàn và ứng phó sự cố;
- » Thực hiện quan trắc môi trường lao động định kỳ đạt các tiêu chuẩn/quy chuẩn vệ sinh lao động do Bộ Y tế ban hành;
- » Lựa chọn đơn vị/bệnh viện có uy tín để khám sức khỏe định kỳ (2 lần/năm) cho NLĐ và bệnh nghề nghiệp cho những đối tượng người lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định

của Nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty còn mở rộng tầm soát thêm nhiều chỉ tiêu nhằm kịp thời phát hiện bệnh tật ở người lao động...;

- » Ngoài ra, Công ty đã trang bị các phòng Gym tại các khu vực làm việc, xây dựng sân bóng đá, tennis... và tổ chức nhiều cuộc thi phong trào nhằm khuyến khích NLĐ hằng say luyện tập thể dục từ đó nền tảng thể chất của CBCNV dần được nâng lên góp phần tăng năng suất lao động.

ĐẢM BẢO AN TOÀN VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE CHO NLĐ

CÔNG TÁC AN NINH

NMLD Dung Quất đã được Thủ tướng Chính phủ đưa vào danh mục công trình trọng điểm liên quan đến an ninh quốc gia theo Quyết định số 1756/QĐ-TTg ngày 22/9/2010. Với tầm quan trọng đó, Đảng ủy và Lãnh đạo Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn đã xác định rõ trách nhiệm trong việc vừa kinh doanh hiệu quả, vận hành ổn định, vừa phải tổ chức công tác bảo vệ an ninh trật tự, an toàn cho Nhà máy.

Công ty đã bố trí nguồn lực (nhân sự, hệ thống kỹ thuật, thiết bị, máy móc) và xây dựng quy trình, phương án triển khai công tác đảm bảo an ninh an toàn. Ngoài ra, Công ty đã ký quy chế phối hợp với Công an, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Ngãi thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự Nhà máy. Hiện nay, Công an tỉnh

Quảng Ngãi đã bố trí Trung đội Cảnh sát bảo vệ mục tiêu NMLD Dung Quất để thực hiện công tác kiểm soát, tuần tra các công trình trên đất liền. Đồng thời, tại các công trình trên biển, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng

Ngãi cũng bố trí chiến sỹ, tàu, ca nô triển khai đảm bảo an ninh trật tự các công trình trên biển của NMLD Dung Quất. Công tác phối hợp giữa Công ty BSR và các lực lượng/cơ quan hữu quan ngày càng có chiều sâu và chặt chẽ.



Công tác tuần tra an ninh tại Nhà máy

CÔNG TÁC SẴN SÀNG ỨNG PHÓ TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP

Do đặc thù của quy trình sản xuất, từ nguyên liệu đầu vào ban đầu, hóa phẩm, phụ gia chất xúc tác cho các quá trình sản xuất cho đến sản phẩm đầu ra của nhà máy đều là các hóa chất, nhiên liệu có khả năng cháy nổ cao và được tồn trữ với khối lượng vô cùng lớn. Bên cạnh đó NMLD Dung Quất là công trình quan trọng đối với an ninh năng lượng quốc gia. Bất cứ sự cố cháy nổ nào xảy ra tại Nhà máy cũng đều có thể gây nên thiệt hại nghiêm trọng về con người, tài sản, môi trường và tác động không

nhỏ đến kinh tế của đất nước. Từ đó có thể thấy được công tác phòng chống cháy nổ và cứu nạn cứu hộ, ứng cứu tình huống khẩn cấp ở Nhà máy là hết sức quan trọng và luôn được quan tâm hàng đầu tại BSR.

BSR đã và đang triển khai một số giải pháp bao gồm:

Đảm bảo việc tuân thủ pháp luật Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế phù hợp liên quan

- » Công ty đã lập hồ sơ theo dõi công tác PCCC theo đúng hướng dẫn, quy định của Thông tư 66/2014/TT-BCA.
- » Toàn bộ thiết kế về hệ thống PCCC của Nhà máy được tuân thủ theo các yêu cầu của pháp luật, tiêu chuẩn PCCC của Việt Nam và tiêu chuẩn thế giới;
- » Hồ sơ thiết kế hệ thống PCCC được Công ty trình Cục Cảnh sát PCCC & CNCH thẩm duyệt theo quy định và được cấp giấy chứng

CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG

nhận thẩm duyệt về PCCC tại chứng nhận số 10007/TD-PCCC ngày 05/12/2008;

» Hệ thống PCCC Nhà máy được nghiệm thu tại văn bản số 301/NT-PCCC & CNCH-P3 ngày 29/3/2010 và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện tại văn bản số 302/ĐK-PCCC (P3) ngày 29/3/200 bởi Cục Cảnh sát PCCC & CNCH;

» Hằng năm Công ty bố trí đầy đủ kinh phí cho việc mua sắm bổ sung thiết bị PCCC dự phòng, bảo dưỡng hệ thống PCCC, chi phí đào tạo và huấn luyện PCCC theo đúng quy định của pháp luật về PCCC;

» BSR cũng tổ chức thực hiện việc thống kê báo cáo PCCC định kỳ một năm 02 lần (06 tháng đầu năm và 06 tháng cuối năm) theo đúng quy định của Thông tư 66/2014/TT-BCA và gửi đến các cơ quan quản lý.

» BSR đã có Công văn số 1647/TB-BSR ngày 31/3/2015 về việc “Thông báo đảm bảo các điều kiện an toàn về PCCC” gửi cơ quan chức năng theo đúng quy định tại Điều 6, Nghị định 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014.

» BSR đã cập nhật lại nội dung và cho ban hành nội quy PCCC & CNCH tại Quyết định số 1276/QĐ-BSR ngày 26/4/2018 để đảm bảo đúng theo yêu cầu của thông tư 08/2018/TT-BCA.

Chủ trương thực hiện công tác phòng ngừa là chính

» Công ty phối hợp với các tổ chức quốc tế để thực hiện kiểm tra, đánh giá phát hiện các mối nguy

và đưa ra các biện pháp phòng ngừa cho Nhà máy;

» Các Ban/ bộ phận chuyên ngành của Công ty định kỳ tổ chức kiểm tra, phát hiện rò rỉ, đánh giá sự tin cậy của thiết bị nhằm hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xảy ra sự cố;

» Duy trì và tăng cường thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về PCCC định kỳ theo các cấp: tổ (hàng ngày); đội (hàng tuần); phòng (hàng tháng); Công ty (hàng quý) để phát hiện những thiếu sót về PCCC và có biện pháp khắc phục kịp thời theo quy trình được phê duyệt;

» Định kỳ tổ chức các buổi họp an toàn có sự tham gia của toàn

thể CBCNV để phổ biến các quy định của pháp luật, tuyên truyền nâng cao ý thức về PCCC.

Thực hiện theo phương châm 04 tại chỗ

» Chỉ huy tại chỗ

» Công ty đã kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban chỉ huy ứng phó tình huống khẩn cấp năm 2018 theo Quyết định số 1277/QĐ-BSR ngày 10/10/2018, phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên để kịp thời triển khai ứng phó khi có tình huống khẩn cấp xảy ra.

» Ban chỉ đạo THKC bao gồm Trưởng Ban chỉ đạo là TGD Công ty, các Phó Ban chỉ đạo là các Phó TGD, thường trực

Ban chỉ đạo là Trưởng Ban ATSKMT. Ngoài ra còn có các ủy viên phụ trách là Trưởng/ Phó các ban chức năng.

» Dưới sự điều khiển của Ban chỉ huy hiện trường, chịu trách nhiệm việc chỉ huy các lực lượng ứng phó sự cố, phòng ngừa cháy nổ trực tiếp tại hiện trường. Đứng đầu là Trưởng ban VHSX, Trưởng ban Quản lý Cảng biển, Trưởng ca Nhà máy, tùy tình hình tính chất phức tạp của sự cố, chỉ huy hiện trường sẽ được điều chỉnh với các chức danh phù hợp.

» Lực lượng tại chỗ

» Công ty luôn duy trì, bố trí lực lượng chuyên trách về PCCC, ứng cứu sự cố 24/24h tại Nhà máy để ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp xảy

ra; tổ chức trực ban tiếp nhận thông tin, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt trong tình huống khẩn cấp.

» Lập kế hoạch và tổ chức đào tạo, huấn luyện kỹ năng PCCC & CNCH cho nhân sự làm việc tại các khu vực. Trong năm 2018, Công ty đã tổ chức 64 đợt đào tạo cho lực lượng chữa cháy kiêm nhiệm.

» Công tác xây dựng và diễn tập các tình huống khẩn cấp luôn được quan tâm và thực hiện chặt chẽ:

CẤP 1

Tổ chức 92 đợt diễn tập cấp 1 (nội bộ Công ty) với hơn 1000 lượt CBCNV tham dự diễn tập

CẤP 2

Hàng năm, phối hợp với Công an tỉnh Quảng Ngãi tổ chức diễn tập tình huống cấp 2 huy động các lực lượng trong tỉnh

CẤP 3

Ngày 26/12/2018, Công ty BSR đã phối hợp với Cục Cảnh sát PCCC, Tập đoàn dầu khí, Công an tỉnh Quảng Ngãi và nhiều đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức thao diễn thành công phương án chữa cháy và CNCH tình huống cháy lớn, phức tạp, huy động nhiều lực lượng tham gia tại bể chứa TK-5119A

» Phương tiện tại chỗ

» Công ty đã đầu tư trang bị 04 xe chữa cháy và 01 xe thang chuyên dụng để đảm bảo hiệu quả, cơ động trong quá trình chữa cháy tại Nhà máy;

» Ngoài ra, căn cứ BSR cũng có thỏa thuận tăng cường sự hỗ trợ phương tiện (01 xe chữa cháy) từ các lực lượng PCCC tỉnh.

» Hậu cần tại chỗ

» Mua sắm và trang bị đầy đủ các thiết bị đặc biệt cho hoạt động PCCC và cứu nạn cứu hộ các tình huống khẩn cấp

của Nhà máy: Quần áo chịu nhiệt, bình khí thở SCBA, máy đo khí.

» Các hệ thống PCCC cố định, thiết bị chữa cháy di động luôn được kiểm tra định kỳ và bổ sung theo đúng yêu cầu của nhà sản xuất và các quy trình chuyên môn đã được phê duyệt của Công ty.

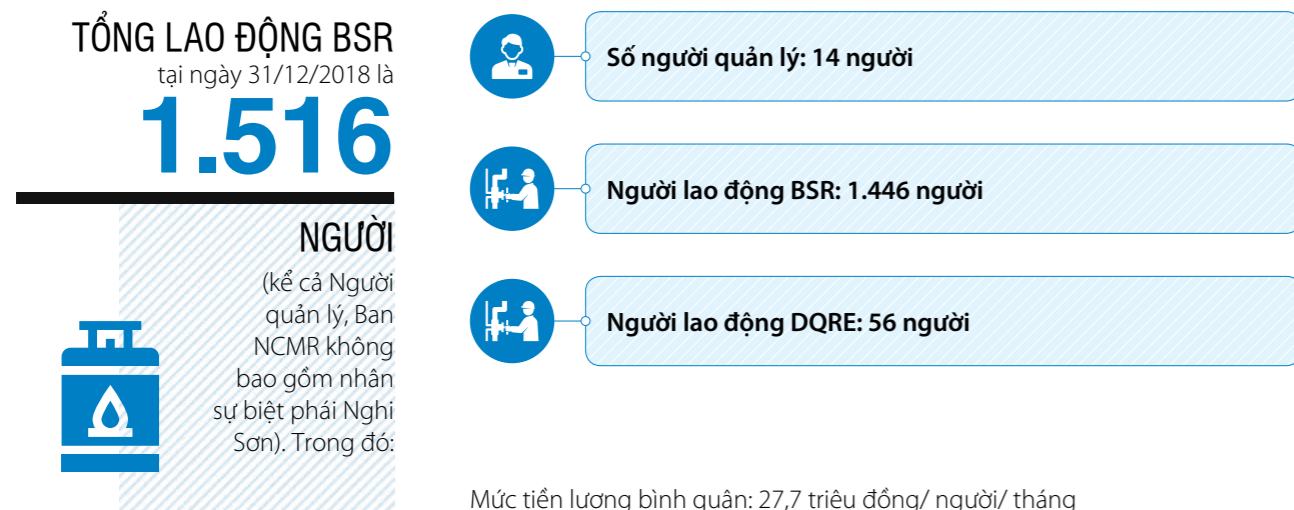
Với những kết quả đạt được như trên, công tác đảm bảo ATSKMT của Công ty luôn được duy trì đảm bảo góp phần thành công trong vận hành Nhà máy an toàn liên tục và được Chính phủ, Nhà nước và các đoàn thanh tra, kiểm tra đánh giá cao.



Hình ảnh diễn tập tình huống khẩn cấp có huy động nhiều lực lượng

CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG VÀ MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH



Nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc

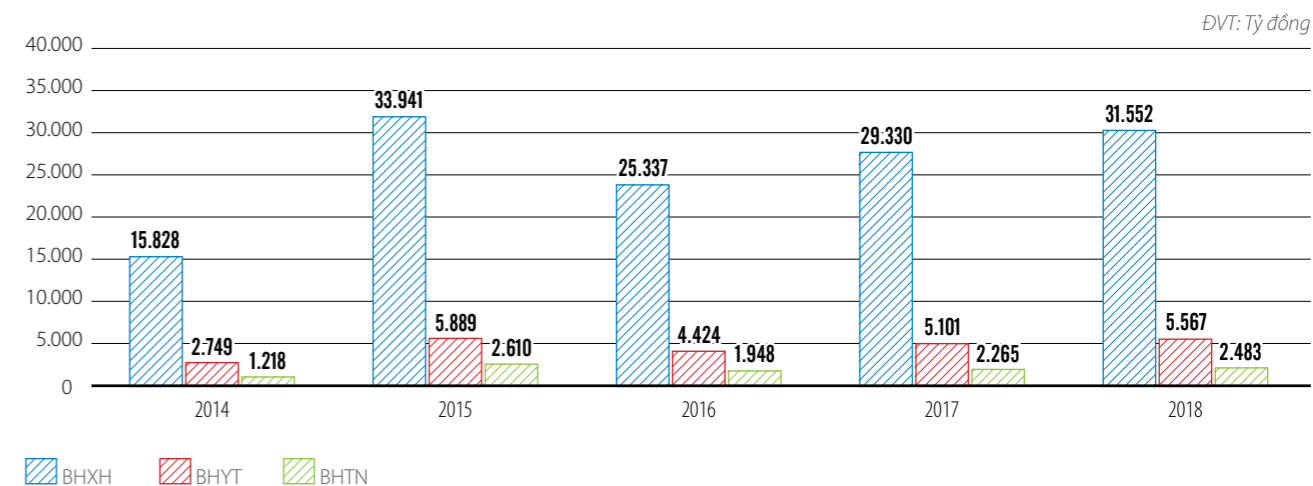
Năm 2018, Công ty đã thuê mới 16 nhân sự, chiếm 1,04%; số lượng nhân sự nghỉ việc là 30 người, chiếm 1,95%. Chi tiết:

Nhân sự		Số lượng nhân sự mới năm 2018	Số lượng nhân sự nghỉ việc năm 2018
Nhóm tuổi	Dưới 30 tuổi	7	7
	30 - 50 tuổi	7	22
	Trên 50 tuổi	2	4
Giới tính	Nam	13	26
	Nữ	3	4
Khu vực	Bắc	8	13
	Trung	8	12
	Nam	0	5
Tổng cộng		16	30
Tỷ lệ		1,04%	1,95%

PHÚC LỢI CHO NHÂN VIÊN TOÀN THỜI GIAN

- » BSR xây dựng và quyết toán tiền lương, thù lao cho CBCNV theo đúng quy định của Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTB&XH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐTB&XH đối với công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước.
- » Công ty có chế độ thưởng an toàn, phụ cấp đi biển, ăn định lượng trên biển...
- » Có quy định về phúc lợi cho người lao động như thăm hỏi tặng quà các ngày lễ, Tết; trợ cấp khi bản thân/ gia đình gặp khó khăn, đau ốm, tai nạn...
- » Thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm, hỗ trợ người lao động mua Bảo hiểm sức khỏe cho người thân...
- » Xây dựng trạm y tế với đầy đủ thiết bị, đáp ứng tốt việc sơ cấp cứu, cấp phát thuốc điều trị bệnh theo quy định của Bộ y tế. Thanh toán đầy đủ và hỗ trợ các chế độ thai sản và hưu trí theo luật định.
- » Thực hiện đầy đủ chế độ BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; mua Bảo hiểm sức khỏe, hưu trí tự nguyện, nhân thọ trả sau... nhằm chăm lo tốt hơn cho sức khỏe người lao động, nâng cao năng suất lao động và có khoản tích lũy khi nghỉ hưu, khuyến khích sự gắn bó với Công ty.

BIỂU ĐỒ THỐNG KÊ CÔNG TÁC BHXH, BHYT, BHTN 2014-2018 (ĐVT: TRIỆU VND)



NGHỈ THAI SẢN

- » Tổng số nhân viên được hưởng nghỉ thai sản (nữ): 24
 - » Tổng số nhân viên đã nghỉ thai sản: 24
 - » Tổng số nhân viên đã quay lại làm việc trong 2018 sau khi kết thúc nghỉ thai sản: 24
 - » Tổng số nhân viên được giữ lại 12 tháng sau khi quay lại làm việc: 24
 - » Tỷ lệ quay lại làm việc và được giữ lại của nhân viên đã nghỉ thai sản: 100%

CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

SỰ ĐA DẠNG CỦA CẤP QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Các cấp quản lý và nhân viên tại BSR chia theo giới tính và nhóm tuổi:

Nội dung		Số lượng cấp quản lý năm 2018	Số lượng nhân viên năm 2018
Giới tính	Nam	80	1.234
	Nữ	7	195
Nhóm tuổi	Dưới 30 tuổi	0	128
	30-50 tuổi	75	1.284
	Trên 50 tuổi	12	17
Tổng cộng		87	1.429
Tỷ lệ		5,74%	94,26%



KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

BSR cam kết không phân biệt đối xử đối với các vấn đề về chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, quan điểm chính trị, nguồn gốc quốc gia hoặc xuất thân xã hội. Tổng số vụ việc phân biệt đối xử trong 2018: Không có

LAO ĐỘNG TRẺ EM VÀ LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC

BSR không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức. Năm 2018, ở BSR không xảy ra vụ việc nào liên quan đến lao động trẻ em hay lao động cưỡng bức.

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Năm 2018, BSR đã thực hiện được 165 khóa đào tạo cho 16.481 lượt người. Trong đó:

- » Số giờ đào tạo trung bình trong năm: 50 giờ/người/năm.
- » Số giờ đào tạo trung bình cho cấp quản lý: 16 giờ/người/năm.
- » Số giờ đào tạo trung bình cho người lao động trực tiếp: 80 giờ/người/năm

Các chương trình đào tạo khá đa dạng, chuyên sâu về kỹ năng và nghiệp vụ để hỗ trợ CBCNV phát triển sự nghiệp. Cụ thể:

Chương trình đào tạo kỹ năng cho cấp quản lý

- Quản trị cuộc đời và tư tưởng kinh doanh
- Bẫy thói quen hiệu quả
- Quản trị nhân sự dành cho lãnh đạo
- Thương mại quốc tế
- Quản trị sản xuất

Chương trình đào tạo kỹ năng cho người lao động

- Quản trị cuộc đời
- Quản lý tri thức KMS
- Kỹ năng giảng dạy cho cán bộ kiêm nhiệm giảng dạy nội bộ (TOT)
- Kỹ năng lập kế hoạch và viết báo cáo
- Kỹ năng lái xe an toàn khi tham gia giao thông

CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI



Chương trình đào tạo về an toàn sức khỏe môi trường và PCCC

- Huấn luyện PCCC
- Kỹ thuật sơ cấp cứu nâng cao
- An toàn hóa chất
- An toàn vệ sinh lao động
- Quản lý an toàn công nghệ

Chương trình đào tạo về vận hành nhà máy lọc dầu

- Vận hành chuyên sâu công nghệ sản xuất hạt nhựa Polypropylen
- Vận hành chuyên sâu Cụm sản xuất hơi và lò đốt
- Tối ưu hóa vận hành công nghệ xử lý phân đoạn dầu nhẹ/LCO bằng Hydro
- Về vận hành chuyên sâu và xử lý sự cố về công nghệ phân xưởng Cracking xúc tác tầng sôi/RFCC
- Về vận hành và tối ưu sản phẩm và phối trộn dầu thô

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Với mục tiêu đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp, các bên liên quan và mục tiêu Quốc gia cho sự phát triển bền vững. Thực hiện chủ trương của Tập đoàn Dầu khí phát triển sản xuất kinh doanh gắn liền với công tác xã hội. Năm 2018, BSR đã dành khoảng 70 tỷ đồng (đã giải ngân khoảng 39 tỷ) để triển khai nhiều hoạt động an sinh ý nghĩa. Hướng tới đối tượng chính là các xã của huyện Bình Sơn nơi đặt NMLD Dung Quất; các địa phương vùng sâu, vùng xa trong và ngoài tỉnh Quảng Ngãi, các chương trình tài trợ của BSR tập trung vào xây dựng trường học, bệnh viện, xóa đói giảm nghèo, cứu trợ thiên tai, đến ơn đáp nghĩa, biển đảo và đề cao tính nhân văn như tặng quà Tết



cho người nghèo, động viên Bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình chính sách, thăm hỏi và xây nhà tình nghĩa cho các cựu chiến binh,...Góp phần phát triển giáo dục, trong 06 năm qua BSR đã tài trợ xây dựng 34 trường học, góp phần giúp các trẻ em nghèo, vùng sâu xa cũng được cắp sách đến trường.

BSR đã phối hợp tốt các địa phương với để đảm bảo thực hiện chương trình đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả. Hoạt động an sinh xã hội đã góp phần khẳng định hơn nữa về mục tiêu phát triển bền vững vì cộng đồng của BSR. Đặc biệt, các chương trình ASXH trên địa bàn huyện Bình Sơn - địa bàn có Nhà máy đang hoạt động đã đảm bảo an sinh cho các hộ dân đã nhường đất cho việc xây dựng NMLD Dung Quất, góp phần tăng cường sự thấu hiểu, sẻ chia trên tinh thần cùng nhau xây dựng một địa phương an toàn, phát triển.



CÔNG TÁC VĂN HÓA VĂN NGHỆ, THỂ THAO

BSR thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động đoàn thể, văn hóa, thể thao để nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV. Cụ thể:

- » Có CLB bóng bàn, bóng đá, tennis, cầu lông, đi bộ...; và trang bị đầy đủ dụng cụ, cơ sở vật chất để nhân viên cùng tham gia với người thân, gia đình.
- » Có nhiều hoạt động thu hút sự tham gia của nhiều CBCNV như: "Hội thao ngành Dầu khí"; "Hội thao BSR"

"Hội diễn văn nghệ quần chúng, "Phụ nữ BSR, năng động, khỏe, đẹp", Chương trình "Yoga cười"... Đây là những hoạt động giải trí bổ ích giúp giảm bớt căng thẳng, rèn luyện sức khỏe, xây dựng tinh thần đoàn kết, động viên nhau cùng tiến bộ.

- » Hướng đến mục tiêu cùng nhau đưa BSR đạt được những thành tựu mới, mỗi thành viên BSR đều coi Công ty là ngôi nhà thứ 2 để gắn bó, để sống, làm việc và dù ở bất kỳ vị trí nào vẫn luôn tự hào là người của BSR.





Vững đà **TĂNG TRƯỞNG**
TIẾP BƯỚC TƯƠNG LAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018**MỤC LỤC**

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	117 - 118
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	119 - 120
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	121 - 122
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	123
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	124 - 125
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	126-162

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (trước đây là Công ty TNHH MTV Lộc hóa dầu Bình Sơn) (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 (thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Xuân Huyền	Chủ tịch
Ông Bùi Minh Tiến	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2019)
Ông Trần Ngọc Nguyên	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2019)
Ông Nguyễn Quang Hòa	Ủy viên
Ông Hà Đồng	Ủy viên
Ông Nguyễn Bá Phước	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Minh Tiến	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2018)
Ông Trần Ngọc Nguyên	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2018) (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2018)
Ông Nguyễn Văn Hội	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 7 năm 2018)
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 7 năm 2018)
Ông Khương Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 7 năm 2018)
Ông Nghiêm Đức Dương	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 7 năm 2018)
Ông Nguyễn Duyên Cường	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 7 năm 2018)
Ông Đinh Thái Hà	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 7 năm 2018)
Ông Trần Đoàn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 7 tháng 3 năm 2019)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- » Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- » Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- » Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đình Thái Hà

Phó Tổng Giám đốc

(theo Quyết định ủy quyền số 200/QĐ-BSR
ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Tổng Giám đốc Công ty)
Ngày 21 tháng 3 năm 2019

Số: 673/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN LỌC HÓA DẦU BÌNH SƠN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (trước đây là Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn) (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2019, từ trang 121 đến trang 162, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đồng thời chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

CƠ SỞ CỦA Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRỪ

Như trình bày tại Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã đánh giá, xác định giá trị tổn thất của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung ("BSR-BF" - Công ty con của Công ty) tương đương với giá trị dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào BSR-BF đã trích lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và quyết định sử dụng toàn bộ giá trị khoản dự phòng đã trích lập để bù đắp tổn thất tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần với số tiền khoảng 536 tỷ VND. Giá trị tổn thất của khoản đầu tư vào BSR-BF tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có thể thay đổi tùy thuộc vào sự phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền, và theo đó, khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác" và khoản mục "Chênh lệch đánh giá lại tài sản" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có thể bị thay đổi tương ứng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị tổn thất của khoản đầu tư vào BSR-BF. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Số: 673/VN1A-HN-BC

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRỪ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÁC VẤN ĐỀ CẦN NHẤN MẠNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 (ngày Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu trình bày ở cột so sánh của báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và kỳ hoạt động sáu (6) tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (đơn vị cổ phần hóa). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Như trình bày tại Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, BSR-BF đã tạm ghi tăng nguyên giá các tài sản cố định của dự án Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất (“Nhà máy”) trong năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, BSR-BF đang trong quá trình thực hiện các thủ tục quyết toán chi phí đầu tư xây dựng và tiếp tục thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo Thông báo số 3129/TB-TTCP ngày 24 tháng 11 năm 2016. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, lỗ lũy kế và thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn của BSR-BF và các vấn đề khác nêu trên dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của BSR-BF. Kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 37.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Phạm Hoài Nam
 Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 0042-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 3 năm 2019
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mạnh Hùng
 Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 2737-2018-001-1

VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/7/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.036.089.036.297	31.683.273.378.259
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.762.092.884.337	11.878.605.238.392
1. Tiền	111		919.360.507.378	1.583.872.861.433
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.842.732.376.959	10.294.732.376.959
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	4.000.000.000	4.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.000.000.000	4.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.965.318.338.722	10.529.838.100.941
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	8.740.999.399.692	10.311.012.964.949
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	180.863.940.632	146.882.385.462
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	37.259.350.805	66.871.544.106
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn	137		(847.856.926)	(1.118.129.201)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		7.043.504.519	6.189.335.625
IV. Hàng tồn kho	140	9	9.226.599.613.860	9.123.139.951.455
1. Hàng tồn kho	141		9.482.615.081.749	9.126.330.724.610
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(256.015.467.889)	(3.190.773.155)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		78.078.199.378	147.690.087.471
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	17.673.063.903	138.098.949.401
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		970.480.288	230.924.106
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	59.434.655.187	9.360.213.964
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.175.515.773.384	30.274.912.196.309
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		521.395.822.590	483.215.132.617
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	521.395.822.590	483.215.132.617
II. Tài sản cố định	220		27.305.953.183.640	28.486.394.736.437
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	26.898.689.272.806	28.094.058.145.618
Nguyên giá	222		47.131.761.180.980	47.041.292.100.615
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.233.071.908.174)	(18.947.233.954.997)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	407.263.910.834	392.336.590.819
Nguyên giá	228		769.284.554.251	715.641.884.832
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(362.020.643.417)	(323.305.294.013)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		990.359.037.285	964.947.687.804
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	990.359.037.285	964.947.687.804
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		11.244.000.000	11.244.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	11.244.000.000	11.244.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		346.563.729.869	329.110.639.451
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	346.548.051.418	329.092.930.697
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		15.678.451	17.708.754
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		53.211.604.809.681	61.958.185.574.568

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/7/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.834.058.479.841	30.861.867.317.879
I. Nợ ngắn hạn	310		13.100.402.057.914	21.160.525.399.166
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	5.999.845.766.000	8.943.875.881.742
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.503.645.791	12.414.062.971
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	779.703.276.274	827.711.719.167
4. Phải trả người lao động	314		135.968.584.861	96.559.239.712
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.689.432.095.651	164.216.587.168
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	1.624.093.475.531	6.465.276.336.417
7. Vay và nợ thuê tài chính	320	18	2.815.862.717.195	4.579.321.133.300
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		41.992.496.611	71.150.438.689
II. Nợ dài hạn	330		8.733.656.421.927	9.701.341.918.713
1. Vay và nợ thuê tài chính	338	19	7.315.371.277.170	8.278.218.018.465
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2.471.399.298	-
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	20	1.415.813.745.459	1.423.123.900.248
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.377.546.329.840	31.096.318.256.689
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	31.377.546.329.840	31.096.318.256.689
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.004.996.160.000	31.004.996.160.000
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	(57.718.950.430)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.440.434.975	2.440.434.975
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		106.709.914	106.709.914
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		256.261.875.092	6.970.505.022
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Lỗ) lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		48.827.439.761	(388.635.930)
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		207.434.435.331	7.359.140.952
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		113.741.149.859	139.523.397.208
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (400=300+400)	440		53.211.604.809.681	61.958.185.574.568


Lê Thị Hồng Trâm
Người lập biểu

Nguyễn Thị Minh Hải
Phụ trách kế toánĐình Thái Hà
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2019


Lê Thị Hồng Trâm
Người lập biểu

Nguyễn Thị Minh Hải
Phụ trách kế toánĐình Thái Hà
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 - DN/HN

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	56.058.842.429.120	55.893.413.019.371
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	-	1.868.215
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	56.058.842.429.120	55.893.411.151.156
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	55.111.289.678.611	51.802.738.407.525
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		947.552.750.509	4.090.672.743.631
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	335.764.591.549	294.434.494.250
7. Chi phí tài chính	22	28	494.697.028.827	313.978.292.830
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		218.962.701.239	237.055.112.242
8. Chi phí bán hàng	25	29	374.634.440.194	375.340.075.698
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	168.627.162.125	169.899.264.176
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		245.358.710.912	3.525.889.605.177
11. Thu nhập khác	31	30	10.435.721.466	42.138.945.374
12. Chi phí khác	32	31	2.369.841.584	35.176.758.873
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		8.065.879.882	6.962.186.501
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		253.424.590.794	3.532.851.791.678
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	24.811.999.472	199.634.425.756
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		2.473.429.601	2.461.245.146
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		226.139.161.721	3.330.756.120.776
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		250.790.073.767	3.355.135.657.616
19. (Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(24.650.912.046)	(24.379.536.840)
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	81	(*)

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu không được tính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 do giai đoạn này Công ty là Công ty TNHH MTV Lộc hóa dầu Bình Sơn, do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là chủ sở hữu, nắm giữ 100% vốn điều lệ.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 03 - DN/HN

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	253.424.590.794	3.532.851.791.678
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.325.208.044.482	1.323.131.099.348
Các khoản dự phòng	03	252.554.422.459	(93.229.471.211)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	87.486.082.194	37.274.293.844
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(219.619.935.492)	(272.542.101.224)
Chi phí lãi vay	06	218.962.701.239	237.055.112.242
Các khoản điều chỉnh khác	07	57.718.950.430	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.975.734.856.106	4.764.540.724.677
Giảm các khoản phải thu	09	1.447.670.574.624	564.209.408.976
Tăng hàng tồn kho	10	(356.284.357.139)	(987.019.266.921)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.302.733.198.822)	148.119.810.867
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	102.970.764.777	(19.615.867.744)
Tiền lãi vay đã trả	14	(197.414.338.036)	(217.427.652.249)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(183.805.186.749)	(210.112.451.878)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.228.204.000	3.098.385.900
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(38.783.254.711)	(97.330.516.163)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.452.584.064.050	3.948.462.575.465
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(125.589.832.720)	(317.453.901.640)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.427.272.727	-
3. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	300.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	247.448.091.251	278.410.789.247
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	123.285.531.258	(38.743.112.393)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN/HN

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	(1.127.802.519.804)
2. Tiền thu từ đi vay	33	4.290.000.000.000	9.253.784.753.948
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.131.479.211.573)	(10.750.706.054.886)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.850.830.039.000)	(1.997.399.710.864)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.692.309.250.573)	(4.622.123.531.606)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(6.116.439.655.265)	(712.404.068.534)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.878.605.238.392	12.591.057.247.996
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(72.698.790)	(47.941.070)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5.762.092.884.337	11.878.605.238.392


Lê Thị Hồng Trâm
Người lập biểu

Nguyễn Thị Minh Hải
Phụ trách kế toánĐình Thái Hà
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (là công ty con do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3404000189 ngày 05 tháng 6 năm 2008).

Công ty thực hiện chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn. Công ty hoàn thành bán cổ phần lần đầu ra công chúng vào ngày 17 tháng 01 năm 2018 và chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn UPCOM với mã chứng khoán BSR. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 01 tháng 3 năm 2018.

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 với vốn điều lệ là 31.004.996.160.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 01 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp và các giấy chứng nhận thay đổi.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.914 (tại ngày 30 tháng 6 năm 2018: 1.995).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- » Sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hóa dầu;
- » Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong ngành lọc - hóa dầu;
- » Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, hoàn thiện hệ thống đường ống dầu khí, kho chứa dầu khí;
- » Đào tạo nguồn nhân lực, thuê và cung cấp chuyên gia về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu và cảng biển, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu;
- » Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hóa dầu;
- » Cung cấp các dịch vụ phân tích, dầu thô, sản phẩm dầu mỏ và các hoá chất, phụ gia, xúc tác, nhiên liệu sinh học liên quan đến lĩnh vực lọc - hóa dầu;
- » Dịch vụ hải cảng, cảng biển liên quan đến ngành lọc - hóa dầu;
- » Đầu tư và phát triển các dự án lọc - hóa dầu, nhiên liệu sinh học trong và ngoài nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 01 đơn vị hạch toán phụ thuộc là Ban quản lý Dự án Nâng cấp Mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 02 công ty con sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2018(*)	Hoạt động chính
				VND	
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Quảng Ngãi	83,26%	83,26%	145.892.845.365	Quản lý nhà ở và kinh doanh dịch vụ khu dân cư, khu đô thị
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	65,54%	61,00%	205.772.028.927	Sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm nhiên liệu sinh học

» Giá trị đầu tư tại ngày cuối kỳ được Công ty xác định bằng giá gốc của khoản đầu tư trừ giá trị tổn thất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Thuyết minh số 36).

Công ty Cổ phần Nhiên liệu và Sinh học Dầu khí Miền Trung chính thức hoạt động thương mại từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và đã tạm dừng sản xuất từ ngày 21 tháng 4 năm 2015. Nhà máy đã tái hoạt động trở lại từ ngày 14 tháng 10 năm 2018.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 (ngày Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu trình bày ở cột so sánh của báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và kỳ hoạt động sáu (6) tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (đơn vị cổ phần hóa). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Một số số liệu được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 38.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 (ngày Công ty mẹ chính thức chuyển từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty mẹ và các công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất này của Công ty được lập cho kỳ báo cáo năm đầu tiên của Công ty sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần là từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 (thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 (thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau ngoại trừ các nghiệp vụ xử lý tài chính và quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2017 áp dụng cho báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó trong vòng 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá thành sản xuất của từng loại sản phẩm xăng, dầu hàng tháng được xác định như sau: Chi phí nguyên vật liệu của từng sản phẩm được xác định theo mức tiêu hao nguyên vật liệu thực tế đối với từng sản phẩm; Chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung được phân bổ theo chi phí nguyên vật liệu của từng sản phẩm.

Giá trị các sản phẩm dở dang tại thời điểm cuối tháng được xác định theo mức độ hoàn thành của các sản phẩm dở dang.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của các sản phẩm lọc hóa dầu và dầu thô tồn kho được Công ty xác định như sau:

- » Thành phẩm lọc hóa dầu: Công ty xác định giá trị thuần có thể thực hiện được trên cơ sở giá bán ước tính trừ đi các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.
- » Sản phẩm lọc hóa dầu dở dang: Công ty xác định giá trị thuần có thể thực hiện được trên cơ sở quy đổi về thành phẩm tương đương và giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.
- » Dầu thô: Theo hướng dẫn tại Công văn số 2801/BTC-ĐKT ngày 02 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán hàng tồn kho, dầu thô tồn kho của Công ty tại thời điểm trích lập dự phòng có giá gốc trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và giá bán sản phẩm được sản xuất từ dầu thô bị giảm giá thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với dầu thô trên cơ sở giá trị thuần có thể thực hiện được của dầu thô (giá bán ước tính của dầu thô).

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được Tập đoàn, Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018	
	(Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 20
<i>Trong đó: Máy móc và thiết bị ngành lọc hóa dầu</i>	10 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 25
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản khác	4 - 5

Theo Quyết định số 952/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26 tháng 7 năm 2012 về một số cơ chế tài chính của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn) (sau đây gọi tắt là "Quyết định 952"), Công ty được trích khấu hao tài sản cố định đối với thiết bị chính của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất trong thời gian tối đa là 20 năm.

Theo Công văn số 18327/BTC-ĐKT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán hàng tồn kho ("Công văn số 18327"), cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty được tính giá trị hàng tồn kho cố định theo giá trị ghi sổ kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào nguyên giá tài sản cố định. Đồng thời, số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập đến năm 2016 sẽ được hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định. Về mức khấu hao và thời điểm trích khấu hao, Công ty trích khấu hao của dây chuyền nhà máy trên cơ sở giá trị đã bao gồm giá trị hàng tồn kho cố định trong đường ống được xác định như trên từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 theo thời gian sử dụng ước tính còn lại của tài sản cố định (nhóm máy móc và thiết bị ngành lọc hóa dầu).

Căn cứ vào khối lượng hàng tồn kho cố định là dầu thô, sản phẩm trung gian, thành phẩm tồn cố định trong đường ống, thiết bị và bể chứa của Công ty theo Chứng thư giám định khối lượng hàng tồn kho cố định số 17631001 ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam, Công ty đã xác định giá trị hàng tồn kho cố định được hạch toán tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá trị ghi sổ kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền khoảng 1.007 tỷ VND và đã ghi giảm giá trị hàng tồn kho với số tiền tương ứng. Việc điều chỉnh giá trị và hạch toán hàng tồn kho như trên đã được Hội đồng Thành viên của Công ty phê duyệt tại Quyết định số 905/QĐ-BSR ngày 17 tháng 3 năm 2017.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bằng sáng chế, bản quyền công nghệ; phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác. Giá trị bằng sáng chế, bản quyền công nghệ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 15 năm, phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm, tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Đối với các tài sản cố định phải sửa chữa và bảo dưỡng định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật, Công ty trích lập dự phòng phải trả và hạch toán tương ứng vào chi phí sản xuất kinh doanh khi có dự toán chi phí và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế phát sinh được ghi nhận vào "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" và được bù trừ với khoản mục "Dự phòng phải trả" khi công việc sửa chữa, bảo dưỡng hoàn thành và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phản ánh chi phí bảo hiểm con người, bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí bảo hiểm nhân thọ và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền bảo hiểm con người, bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm nhân thọ được phân bổ vào chi phí tương ứng với thời hạn bảo hiểm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí cải tạo và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay phải trả và một số chi phí trích trước khác chưa chi nhưng được ước tính và ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Chi phí lãi vay được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

Các khoản khác là các chi phí khác đã phát sinh trong kỳ nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% từ thu thập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, dựa trên tình hình sử dụng quỹ, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trích lập thêm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**Nguồn vốn, quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cấp bằng tiền và giá trị tài sản Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, Nhà máy nhựa PolyPropylene và các tài sản khác. Các quỹ được hình thành từ phân phối lợi nhuận của hoạt động kinh doanh sau khi đã trừ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc được Tập đoàn cấp.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có các khoản ưu đãi thuế như sau:

- » Theo Quyết định 952, Công ty mẹ được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 30 năm; được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong thời gian 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất. Năm 2018 là năm thứ 5 Công ty mẹ được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- » Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (công ty con) được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm tính từ ngày dự án Nhà máy sản xuất Bio-Ethanol nhiên liệu bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong chín năm tiếp theo. Năm 2018 là năm thứ 4 Công ty con được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam với một số ưu đãi cho Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đầu tư số 13/UĐĐT ngày 15 tháng 02 năm 2006 của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, cụ thể: được miễn nộp tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án; được miễn nộp tiền sử dụng đất; được miễn nộp thuế sử dụng đất trong suốt thời gian thực hiện dự án; được giảm 50% thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao (kể cả người Việt Nam và người nước ngoài); được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất không đạt tiêu chuẩn chất lượng trong 05 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất; được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu chất lượng.

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Theo Công văn số 520/CT-TTHT của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi ngày 05 tháng 3 năm 2018, Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn) đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn (khu Kinh tế Dung Quất) thì thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi (bao gồm cả khoản Chênh lệch lãi tiền gửi ngân hàng lớn hơn lãi tiền vay, thu nhập từ cung cấp dịch vụ tại cảng biển, và các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi).

Xử lý tài chính tại thời điểm chuyển thành Công ty Cổ phần (ngày 01 tháng 7 năm 2018)

Theo quy định tại Điều 21 của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và công ty TNHH MTV do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty Cổ phần, số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho, các khoản đầu tư tài chính (nếu có) được sử dụng để bù đắp các tổn thất theo quy định hiện hành, số còn lại được hoàn nhập vào kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa.

Đối với khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần, Công ty đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm này thực hiện chuyển giao cho công ty cổ phần (sau chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước) theo đối và xử lý theo quy định.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018 VND	01/7/2018 VND
Tiền mặt	1.129.145.471	1.437.682.767
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	918.231.361.907	1.582.435.178.666
Các khoản tương đương tiền (*)	4.842.732.376.959	10.294.732.376.959
	5.762.092.884.337	11.878.605.238.392

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm 2.734.629.695.509 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2018: 2.734.629.695.509 VND) là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi đang tạm dừng giao dịch. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc lớn hơn 3 tháng và không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại, trong đó bao gồm 2 tỷ VND tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi đang tạm dừng giao dịch (ngày 30 tháng 6 năm 2018: 2 tỷ VND). Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	01/7/2018		31/12/2018	
	Giá gốc VND	Tỷ lệ góp vốn %	Giá gốc VND	Tỷ lệ góp vốn %
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	7.000.000.000	8,75%	7.000.000.000	8,75%
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	4.244.000.000	5,77%	4.244.000.000	5,77%
	11.244.000.000		11.244.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018 VND	01/7/2018 VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Na m	3.165.211.371.019	2.889.389.618.778
Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	709.077.185.116	862.644.607.938
Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	268.885.735.528	492.390.469.359
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	280.583.780.611	450.994.259.912
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	208.966.032.524	400.649.006.927
Công ty Cổ phần Nhựa OPEC	270.130.440.331	357.995.067.065
Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ	343.364.195.401	291.294.097.687
Các khách hàng khác	1.977.828.434.022	2.317.964.594.129
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)	1.516.952.225.140	2.247.691.243.154
	8.740.999.399.692	10.311.012.964.949

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018 VND	01/7/2018 VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Honeywell Pte Ltd	-	13.084.734.593
Albemarle Singapore Pte. Ltd	16.338.745.518	-
Các đối tượng khác	164.525.195.114	133.797.650.869
b. Trả trước cho người bán dài hạn		
Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất (*)	521.395.822.590	483.215.132.617
Trong đó: Trả trước cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)	47.246.377.368	52.894.803.987
	702.259.763.222	630.097.518.079

(*) Phản ánh khoản tiền Công ty ứng trước cho Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất từ năm 2015 để thực hiện đến bù giải phóng mặt bằng cho Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018 VND	01/7/2018 VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	26.260.649.993	54.940.957.373
Phải thu về cổ phần hóa	5.701.672.688	5.701.672.688
Tạm ứng	529.046.150	1.493.601.000
Phải thu khác	4.767.981.974	4.735.313.045
	37.259.350.805	66.871.544.106

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2018		01/7/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi	2.088.100.419.061	-	512.900.581.641	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.183.558.202.742	2.142.069.027	4.004.065.694.093	2.460.728.755
Công cụ, dụng cụ	1.487.684.308.218	4.689.275.014	1.485.326.060.948	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.005.543.670.026	85.996.525.519	1.346.282.265.703	151.530.820
Thành phẩm	1.715.958.201.742	163.187.598.329	1.777.482.423.252	578.513.580
Hàng hoá	1.770.279.960	-	273.698.973	-
	9.482.615.081.749	256.015.467.889	9.126.330.724.610	3.190.773.155

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 252.824.694.734 VND đối với hàng tồn kho bị giảm giá, kém phẩm chất và có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc của các hàng tồn kho này.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018 VND	01/7/2018 VND
a. Ngắn hạn		
Bảo hiểm con người, rủi ro tài sản	3.012.263.115	114.359.033.090
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	14.660.800.788	23.739.916.311
	17.673.063.903	138.098.949.401
b. Dài hạn		
Chi phí bảo hiểm nhân thọ (i)	302.572.239.075	324.982.723.515
Bảo hiểm rủi ro tài sản	30.760.047.916	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	13.215.764.427	4.110.207.182
	346.548.051.418	329.092.930.697

(i) Chi phí bảo hiểm nhân thọ được Công ty mua cho cán bộ, nhân viên và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong 10 năm kể từ thời điểm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải. Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/7/2018 (Trình bày lại)	6.877.963.043.976	39.089.184.737.017	481.083.056.734	186.645.128.413	47.041.292.100.615
Mua sắm mới	5.109.162.000	20.171.533.598	31.184.737.727	3.402.643.636	59.868.076.961
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	25.280.886.467	7.675.448.730	-	-	32.956.335.197
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(2.333.688.761)	(2.333.688.761)
Tặng/(Giảm) khác	-	14.266.059	(35.909.091)	-	(21.643.032)
Tại ngày 31/12/2018	6.908.353.092.443	39.117.045.985.404	512.231.885.370	187.485.089.350	47.131.761.180.980
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/7/2018	2.324.616.436.709	16.247.732.257.797	212.381.973.098	90.155.302.791	18.947.233.954.997
Khấu hao trong kỳ	158.469.682.409	1.073.487.480.930	38.159.667.112	8.702.664.295	1.286.951.531.758
Khấu hao tài sản của dự án, tài sản cho mục đích phúc lợi	131.969.082	230.018.340	102.251.862	-	464.239.284
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(1.558.433.601)	(1.558.433.601)
Giảm khác	-	-	(19.384.264)	-	(19.384.264)
Tại ngày 31/12/2018	2.483.218.088.200	17.321.449.757.067	250.624.507.808	97.299.533.485	20.233.071.908.174
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/7/2018	4.553.346.607.267	22.841.452.479.220	268.701.083.636	96.260.831.684	28.094.058.145.618
Tại ngày 31/12/2018	4.425.135.004.243	21.795.596.228.337	261.607.377.562	90.185.555.865	26.898.689.272.806

Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (Công ty con) đã thế chấp toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và các tài sản cố định hữu hình khác hình thành từ Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiên liệu sinh học Bio-Ethanol Dung Quất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là khoảng 1.434 tỷ VND để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng (Thuyết minh số 19).

Nguyên giá của các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 227.558 triệu VND (ngày 30 tháng 6 năm 2018: 189.548 triệu VND).

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/7/2018	438.606.719.617	244.331.992.710	32.703.172.505	715.641.884.832
Mua sắm mới	-	30.786.776.419	-	30.786.776.419
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	22.855.893.000	-	22.855.893.000
Tại ngày 31/12/2018	438.606.719.617	297.974.662.129	32.703.172.505	769.284.554.251
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/7/2018	226.553.330.192	69.893.850.858	26.858.112.963	323.305.294.013
Khấu hao trong kỳ	14.192.688.492	23.723.433.219	340.391.013	38.256.512.724
Khấu hao tài sản của dự án, tài sản cho mục đích phúc lợi	-	458.836.680	-	458.836.680
Tại ngày 31/12/2018	240.746.018.684	94.076.120.757	27.198.503.976	362.020.643.417
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/7/2018	212.053.389.425	174.438.141.852	5.845.059.542	392.336.590.819
Tại ngày 31/12/2018	197.860.700.933	203.898.541.372	5.504.668.529	407.263.910.834

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 36.777 triệu VND (ngày 30 tháng 6 năm 2018: 12.967 triệu VND).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2018 VND	01/7/2018 VND
Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	930.151.544.565	911.840.870.660
Dự án bổ sung phân xưởng thu hồi lưu huỳnh	-	70.000.000
Các công trình khác	60.207.492.720	53.036.817.144
	990.359.037.285	964.947.687.804

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/7/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Liên doanh điều hành Cửu Long	1.645.545.089.735	1.645.545.089.735	1.965.203.459.332	1.965.203.459.332
Công ty Hoàng Long	244.595.897.248	244.595.897.248	843.146.670.763	843.146.670.763
Công ty Dầu khí Việt Nhật	571.739.264.948	571.739.264.948	708.292.419.273	708.292.419.273
Công ty Điều hành chung Thăng Long	217.669.842.227	217.669.842.227	547.903.833.784	547.903.833.784
Các đối tượng khác	449.265.304.247	449.265.304.247	380.692.449.437	380.692.449.437
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34)	2.871.030.367.595	2.871.030.367.595	4.498.637.049.153	4.498.637.049.153
	5.999.845.766.000	5.999.845.766.000	8.943.875.881.742	8.943.875.881.742

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	01/7/2018 (Trình bày lại) VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	226.510.317.635	2.953.118.586.893	2.821.560.361.987	358.068.542.541
Thuế GTGT đầu ra	226.510.317.635	2.519.953.274.142	2.388.395.049.236	358.068.542.541
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	433.165.312.751	433.165.312.751	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	463.928.310.260	2.355.943.573.474	2.409.689.259.380	410.182.624.354
Thuế xuất, nhập khẩu	(700.938.257)	184.342.916.608	201.170.574.840	(17.528.596.489)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	120.402.737.230	24.004.260.121	183.805.186.749	(39.398.189.398)
Các loại thuế, phí, lệ phí khác	8.211.078.335	56.888.571.652	56.155.409.908	8.944.240.079
Thuế nhà đất	-	708.233.691	10.415.191	697.818.500
Thuế thu nhập cá nhân	3.535.918.545	7.945.965.343	9.767.892.097	1.713.991.791
Các loại thuế khác	4.599.190.132	47.888.960.527	46.031.230.529	6.456.920.130
Các khoản phí, lệ phí	75.969.658	345.412.091	345.872.091	75.509.658
	818.351.505.203	5.574.297.908.748	5.672.380.792.864	720.268.621.087
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9.360.213.964			59.434.655.187
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	827.711.719.167			779.703.276.274

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2018 VND	01/7/2018 VND
Lãi vay phải trả	171.009.973.482	148.408.210.705
Phải trả chi phí mua dầu thô nhập khẩu (*)	1.499.493.149.796	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	18.928.972.373	15.808.376.463
	1.689.432.095.651	164.216.587.168

(*) Phản ánh chi phí mua dầu thô nhập khẩu từ Socar Trading Singapore PTE Ltd. (Ủy thác nhập khẩu thông qua Tổng Công ty Dầu Việt Nam - PVOIL) theo Phụ lục số 2.46 ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Hợp đồng nguyên tắc số 189/PVOIL-BSR/06-10/K tháng 6 năm 2010 giữa Công ty và PVOIL về việc cung cấp dầu thô cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018 VND	01/7/2018 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	1.423.992.623.305	6.273.992.623.305
Ban quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất (ii)	170.383.701.042	170.383.701.042
Phải trả về cổ phần hóa (iii)	-	-
Phải trả tiền bán cổ phần (iv)	9.211.577.795	9.211.577.795
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.738.497.195	2.681.569.480
Phải trả ngắn hạn khác	12.767.076.194	9.006.864.795
	1.624.093.475.531	6.465.276.336.417

(i) Phản ánh khoản lợi nhuận còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(ii) Phản ánh khoản phải trả Ban quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất do nhận bàn giao chi phí đền bù vật chất và cải hoán Nhà máy Lọc dầu Dung Quất theo Biên bản bàn giao số 15/LDDQ-BSR/BBBG ngày 28 tháng 8 năm 2015.

(iii) Số dư phải trả về cổ phần hóa có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền (Thuyết minh số 36).

(iv) Phải trả tiền bán cổ phần phản ánh số tiền Công ty thu được khi thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng và chưa nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp. Khoản tiền thu về cổ phần hóa này sẽ được quyết toán và có thể được điều chỉnh khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/7/2018		Trong kỳ		31/12/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh Chi nhánh Trung tâm Kinh doanh	371.000.000.000	371.000.000.000	500.000.000.000	871.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	615.000.000.000	615.000.000.000	3.790.000.000.000	4.405.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	400.000.000.000	400.000.000.000		400.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	129.000.000.000	129.000.000.000	-	129.000.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (trình bày tại Thuyết minh số 19)	3.064.321.133.300		1.078.020.795.468	1.326.479.211.573	2.815.862.717.195	2.815.862.717.195
Chi tiết số dư vay dài hạn đến hạn trả tại:						
Công ty Cổ phần Lạc hóa dầu Bình Sơn	2.626.868.133.300	2.626.868.133.300			2.291.723.317.194	2.291.723.317.194
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	437.453.000.000	(*)			524.139.400.001	(*)
	4.579.321.133.300		5.368.020.795.468	7.131.479.211.573	2.815.862.717.195	

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (Công ty con) đang tìm các giải pháp để thanh toán các khoản gốc vay nêu trên.

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Mẫu B 09 - DN/HN

	01/7/2018		Trong kỳ		31/12/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn						
Chi tiết số dư vay dài hạn tại:	11.342.539.151.765	10.266.379.173.300	-	1.211.305.157.400	10.131.233.994.365	9.044.740.137.194
Công ty Cổ phần Lạc hóa dầu Bình Sơn	10.266.379.173.300	10.266.379.173.300			9.044.740.137.194	9.044.740.137.194
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	1.076.159.978.465	(*)			1.086.493.857.171	(*)
Trong đó:	11.342.539.151.765		-	1.211.305.157.400	10.131.233.994.365	
Số phải trả trong vòng 12 tháng	3.064.321.133.300				2.815.862.717.195	
Số phải trả sau 12 tháng	8.278.218.018.465				7.315.371.277.170	

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (Công ty con) đang tìm các giải pháp để thanh toán các khoản gốc vay nêu trên.

Chi tiết các khoản vay dài hạn theo ngân hàng như sau:

	01/7/2018		31/12/2018	
	Giá trị VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Giá trị VND	Nợ phải trả sau 12 tháng VND
Vay dài hạn				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	9.549.572.160.000	1.910.061.120.000	7.639.511.040.000	8.682.661.900.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	716.807.013.300	716.807.013.300	-	362.078.237.194
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	517.497.627.518	210.652.149.752	306.845.477.766	522.803.558.691
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi	343.888.867.276	139.679.224.491	204.209.642.785	347.064.754.549
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất	214.773.483.671	87.121.625.757	127.651.857.914	216.625.543.931
	11.342.539.151.765	3.064.321.133.300	8.278.218.018.465	10.131.233.994.365
			2.815.862.717.195	7.315.371.277.170

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

Các khoản vay dài hạn của Công ty được dùng để đầu tư, mua sắm và xây dựng tài sản cố định. Lãi suất trong kỳ là từ 10,87%/năm đến 16,55%/năm (bao gồm cả lãi quá hạn) đối với đồng Việt Nam và từ 3,2%/năm đến 4,8%/năm đối với Đô la Mỹ. Các khoản vay được phân loại theo đồng tiền vay, hình thức bảo đảm, và lãi suất vay như sau:

	31/12/2018 VND	01/7/2018 VND
Vay bằng USD	10.062.956.994.365	11.274.262.151.765
Vay bằng VND	68.277.000.000	68.277.000.000
	10.131.233.994.365	11.342.539.151.765

	31/12/2018 VND	01/7/2018 VND
Vay có bảo lãnh của bên thứ 3 (Tập đoàn. Bộ Tài chính)	362.078.237.194	716.807.013.300
Vay có đảm bảo bằng tài sản (Thuyết minh số 11)	1.086.493.857.171	1.076.159.978.465
Vay tín chấp	8.682.661.900.000	9.549.572.160.000
	10.131.233.994.365	11.342.539.151.765

	31/12/2018 VND	01/7/2018 VND
Vay theo lãi suất thả nổi	1.448.572.094.365	1.792.966.991.765
Vay theo lãi suất cố định	8.682.661.900.000	9.549.572.160.000
	10.131.233.994.365	11.342.539.151.765

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2018 VND	01/7/2018 VND
Trong vòng một năm	2.815.862.717.195	3.064.321.133.300
Trong năm thứ hai	2.112.960.980.000	2.082.537.520.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.202.410.297.170	6.195.680.498.465
	10.131.233.994.365	11.342.539.151.765
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	2.815.862.717.195	3.064.321.133.300
Số phải trả sau 12 tháng	7.315.371.277.170	8.278.218.018.465

20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018 VND	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 (Trình bày lại) VND
Số dư đầu kỳ	1.423.123.900.248	1.428.892.444.389
Giảm trong kỳ	(7.310.154.789)	(5.768.544.141)
<i>Sử dụng quỹ</i>	(7.310.154.789)	(5.768.544.141)
Số dư cuối kỳ	1.415.813.745.459	1.423.123.900.248

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2018	28.601.997.800.456	-	5.678.070.184.705	106.709.914	106.709.914	165.968.406.543	165.968.406.543	34.439.804.735.189	34.439.804.735.189
Điều chỉnh hồi tố thuế nhập khẩu									
Điều chỉnh lợi nhuận năm 2017	-	-	-	-	-	-	-	(275.988.508.141)	(275.988.508.141)
Điều chỉnh tạm trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	(82.000.000.000)	-	-	-	-	82.000.000.000	-
Điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2017 phải nộp về Tập đoàn	-	-	-	-	-	-	-	193.988.508.141	193.988.508.141
Điều chỉnh hồi tố theo Kiểm toán Nhà nước và Thanh tra Thuế (Thuyết minh số 38)									
Điều chỉnh lợi nhuận năm 2017	-	-	-	-	-	-	-	163.168.404.348	163.168.404.348
Điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2017 phải nộp về Tập đoàn	-	-	-	-	-	-	-	(163.168.404.348)	(163.168.404.348)
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 (Trình bày lại)	28.601.997.800.456	-	5.596.070.184.705	106.709.914	106.709.914	(6.338.366.429)	165.968.406.543	34.357.804.735.189	34.357.804.735.189
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	3.446.316.438.601	(24.379.536.840)	3.421.936.901.761	3.421.936.901.761
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(57.129.630.393)	(132.389.607)	(57.262.020.000)	(57.262.020.000)
Tạm trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.032.000.000.000	-	-	(1.032.000.000.000)	-	-	-
Tạm trích lợi nhuận phải nộp về Tập đoàn	-	-	-	-	-	(2.362.560.772.479)	-	(2.362.560.772.479)	(2.362.560.772.479)
Kết chuyển tăng vốn điều lệ	2.402.998.359.544	-	-	-	-	-	-	-	-
Kết chuyển phải trả cổ phần hóa	-	-	(2.402.998.359.544)	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá do xử lý tài chính(i)	-	-	(2.721.191.414.777)	-	-	-	-	(2.721.191.414.777)	(2.721.191.414.777)
Điều chỉnh lợi nhuận năm 2016 phải nộp về Tập đoàn từ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	(57.718.950.430)	(57.718.950.430)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-	-	-	-	-	(1.933.082.888)	(1.933.234.761)	(1.933.234.761)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	31.004.996.160.000	(57.718.950.430)	2.440.434.975	106.709.914	106.709.914	6.970.505.022	139.523.397.208	31.096.318.256.689	31.096.318.256.689

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng		
Điều chỉnh hồi tố theo Kiểm toán Nhà nước và Thanh tra Thuế (Thuyết minh số 38)	-	-	-	-	(91.180.780.985)	-	(91.180.780.985)		
Điều chỉnh lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2018	-	-	-	-	91.180.780.985	-	91.180.780.985		
Điều chỉnh phân phối lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2018 về Tập đoàn	-	-	-	-	-	-	-	(2.313.000.000.000)	
Điều chỉnh theo Nghị quyết phê duyệt phân phối lợi nhuận năm 2017 (ii)	-	-	(2.313.000.000.000)	-	-	-	(2.313.000.000.000)		
Điều chỉnh lợi nhuận năm 2017 phải nộp về Tập đoàn từ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.313.000.000.000	-	-	-	2.313.000.000.000		
Điều chỉnh khoản phải trả cổ phần hóa	-	-	-	-	-	-	-	2.313.000.000.000	
Điều chỉnh theo Nghị quyết phê duyệt phân phối lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2018 (iii)	-	-	-	-	-	-	-	-	2.313.000.000.000
Điều chỉnh trích Quỹ đầu tư phát triển 6 tháng đầu năm 2018	-	-	(408.191.414.777)	-	408.191.414.777	-	-		
Điều chỉnh khoản phải trả cổ phần hóa	-	-	408.191.414.777	-	-	-	408.191.414.777		
Điều chỉnh trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 6 tháng đầu năm 2018	-	-	-	-	(6.992.275.000)	-	(6.992.275.000)		
Điều chỉnh lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2018 phải nộp về Tập đoàn	-	-	-	-	(401.199.139.777)	-	(401.199.139.777)		
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Trình bày lại)	31.004.996.160.000	(57.718.950.430)	2.440.434.975	106.709.914	6.970.505.022	139.523.397.208	31.096.318.256.689		
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	250.790.073.767	(24.650.912.046)	226.139.161.721		
Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá (i)	-	57.718.950.430	-	-	-	-	57.718.950.430		
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.498.703.672)	(301.296.328)	(1.800.000.000)		
Chia cổ tức	-	-	-	-	(25)	(830.038.975)	(830.039.000)		
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	31.004.996.160.000	-	2.440.434.975	106.709.914	256.261.875.092	113.741.149.859	31.377.546.329.840		

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo quy định và thực hiện chuyển giao cho công ty cổ phần (sau chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước) theo dõi và xử lý theo quy định (Thuyết minh số 37).
- (ii) Theo Nghị quyết số 6039/NQ-DKVN ngày 8 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán và Phương án phân phối lợi nhuận của Công ty, Công ty không được phê duyệt trích Quỹ đầu tư phát triển trong năm 2017. Theo đó, lợi nhuận sau thuế phải nộp bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển đã trích lập của Công ty về Tập đoàn là 2.313.000.000.000 VND. Số dư phải trả cổ phần hóa kết chuyển từ Quỹ đầu tư phát triển tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 sẽ giảm một khoản tương ứng.
- (iii) Theo Nghị quyết số 1270/NQ-DKVN ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thông qua báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018 đã được kiểm toán và Phương án phân phối lợi nhuận của Công ty, Công ty điều chỉnh giảm Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 408.191.414.777 VND. Theo đó, số dư phải trả cổ phần hóa kết chuyển từ Quỹ đầu tư phát triển tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 sẽ giảm một khoản tương ứng.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 18 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 31.004.996.160.000 VND, tổng số cổ phiếu là 3.100.499.616 với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Vốn đã góp			
	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/7/2018	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	28.563.802.470.000	92,13%	28.563.802.470.000	92,13%
Các cổ đông khác	2.441.193.690.000	7,87%	2.441.193.690.000	7,87%
	31.004.996.160.000	100%	31.004.996.160.000	100%

	31/12/2018	01/7/2018
	VND	VND
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.100.499.616	3.100.499.616
Cổ phiếu phổ thông	3.100.499.616	3.100.499.616
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.100.499.616	3.100.499.616
Cổ phiếu phổ thông	3.100.499.616	3.100.499.616

Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2018	01/7/2018
	VND	VND
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	2.940.466.41	893.646.65
Euro (EUR)	2,16	2,16

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận được lập cho mục đích quản trị doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty có 02 công ty con. Hoạt động của Công ty mẹ và các công ty con là cơ sở để hình thành nên báo cáo bộ phận của Công ty do lĩnh vực kinh doanh tương đối khác nhau:

- » Công ty mẹ ("Bình Sơn"): thực hiện hoạt động lọc hóa dầu và kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu;
- » Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building): quản lý nhà ở, kinh doanh dịch vụ khu dân cư, khu đô thị và các hoạt động thương mại;
- » Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF): thực hiện sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhiên liệu sinh học.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chỉ tiêu	Sản phẩm lọc hóa dầu VND	Nhiên liệu sinh học VND	Sản xuất bao bì và thương mại dịch vụ VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	51.847.272.981.332	1.508.501.241.388	248.466.503.614	(392.635.916.653)	53.211.604.809.681
Tổng Tài sản hợp nhất	51.847.272.981.332	1.508.501.241.388	248.466.503.614	(392.635.916.653)	53.211.604.809.681
Công nợ					
Nợ phải trả bộ phận	20.591.533.160.628	1.269.956.877.763	60.198.179.901	(87.629.738.451)	21.834.058.479.841
Tổng Nợ phải trả hợp nhất	20.591.533.160.628	1.269.956.877.763	60.198.179.901	(87.629.738.451)	21.834.058.479.841

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01 tháng 7 năm 2018

Chỉ tiêu	Sản phẩm lọc hóa dầu VND	Nhiên liệu sinh học VND	Sản xuất bao bì và thương mại dịch vụ VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	60.585.222.418.254	1.536.420.598.543	249.099.514.753	(412.556.956.982)	61.958.185.574.568
Tổng Tài sản hợp nhất	60.585.222.418.254	1.536.420.598.543	249.099.514.753	(412.556.956.982)	61.958.185.574.568
Công nợ					
Nợ phải trả bộ phận	29.637.945.208.684	1.222.460.713.913	62.017.011.641	(60.555.616.359)	30.861.867.317.879
Tổng Nợ phải trả hợp nhất	29.637.945.208.684	1.222.460.713.913	62.017.011.641	(60.555.616.359)	30.861.867.317.879

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chỉ tiêu	Sản phẩm lọc hóa dầu VND	Nhiên liệu sinh học VND	Sản xuất bao bì và thương mại dịch vụ VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng VND
Doanh thu thuần	56.055.058.673.292	479.925.918	235.357.954.756	(232.054.124.846)	56.058.842.429.120
Chi phí sản xuất kinh doanh	55.617.370.619.340	41.729.470.141	227.716.832.141	(232.265.640.692)	55.654.551.280.930
<i>Giá vốn hàng bán</i>	<i>55.075.966.629.888</i>	<i>39.855.417.799</i>	<i>217.835.660.529</i>	<i>(222.368.029.605)</i>	<i>55.111.289.678.611</i>
<i>Chi phí bán hàng</i>	<i>373.252.220.045</i>	<i>-</i>	<i>1.382.220.149</i>	<i>-</i>	<i>374.634.440.194</i>
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>168.151.769.407</i>	<i>1.874.052.342</i>	<i>8.498.951.463</i>	<i>(9.897.611.087)</i>	<i>168.627.162.125</i>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	437.688.053.952	(41.249.544.223)	7.641.122.615	211.515.846	404.291.148.190
Doanh thu hoạt động tài chính					335.764.591.549
Chi phí tài chính					(494.697.028.827)
Lợi nhuận khác					8.065.879.882
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp					253.424.590.794
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					24.811.999.472
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					2.473.429.601
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					226.139.161.721

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 (trình bày lại)

Chỉ tiêu	Sản phẩm lọc hóa dầu VND	Nhiên liệu sinh học VND	Sản xuất bao bì và thương mại dịch vụ VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng VND
Doanh thu thuần	55.875.121.974.199	2.041.987.478	321.548.231.699	(305.301.042.220)	55.893.411.151.156
Chi phí sản xuất kinh doanh	52.293.955.236.322	44.508.934.812	315.023.193.962	(305.509.617.697)	52.347.977.747.399
<i>Giá vốn hàng bán</i>	<i>51.749.031.818.133</i>	<i>42.947.122.188</i>	<i>306.550.263.801</i>	<i>(295.790.796.597)</i>	<i>51.802.738.407.525</i>
<i>Chi phí bán hàng</i>	<i>374.154.259.914</i>	<i>-</i>	<i>1.185.815.784</i>	<i>-</i>	<i>375.340.075.698</i>
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>170.769.158.275</i>	<i>1.561.812.624</i>	<i>7.287.114.377</i>	<i>(9.718.821.100)</i>	<i>169.899.264.176</i>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.581.166.737.877	(42.466.947.334)	6.525.037.737	208.575.477	3.543.433.403.757
Doanh thu hoạt động tài chính					294.434.494.250
Chi phí tài chính					(313.978.292.830)
Lợi nhuận khác					6.962.186.501
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp					3.532.851.791.678
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					199.634.425.756
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					2.461.245.146
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					3.330.756.120.776

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	56.058.842.429.120	55.893.413.019.371
Doanh thu Diesel DO	20.492.414.568.177	21.511.318.828.336
Doanh thu Xăng Mogas 92	9.536.374.771.381	8.246.212.780.173
Doanh thu Xăng Mogas 95	13.699.235.857.922	15.398.319.204.986
Doanh thu LPG	3.954.797.078.382	3.675.426.847.432
Doanh thu Kerosen/Jet A1	4.254.147.217.291	3.317.785.964.369
Doanh thu Polypropylene	2.418.183.728.544	2.468.715.386.039
Doanh thu Dầu nhiên liệu FO	1.201.781.252.288	812.267.361.872
Doanh thu Xăng sinh học E5	404.781.381.979	366.923.834.878
Doanh thu dịch vụ cảng biển	66.827.994.125	66.612.987.960
Doanh thu khác	30.298.579.031	29.829.823.326
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34)	9.775.140.809.746	11.301.978.323.194
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	1.868.215
	56.058.842.429.120	55.893.411.151.156

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 (Trình bày lại)
	VND	VND
Giá vốn hàng bán Diesel DO	19.805.471.589.431	21.328.994.404.877
Giá vốn hàng bán Xăng Mogas 92	9.637.356.820.369	7.062.180.551.779
Giá vốn hàng bán Xăng Mogas 95	14.087.241.162.978	13.218.358.154.486
Giá vốn hàng bán LPG	3.595.667.801.631	4.045.404.906.490
Giá vốn hàng bán Kerosen/Jet A1	3.856.258.438.396	2.956.420.823.938
Giá vốn hàng bán Polypropylene	2.267.592.062.219	1.572.706.093.435
Giá vốn hàng bán Dầu nhiên liệu FO	1.098.911.362.503	1.207.602.340.826
Giá vốn Xăng sinh học E5	412.481.947.603	321.600.922.329
Giá vốn dịch vụ cảng biển	31.270.648.233	34.200.203.273
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	252.824.694.734	(12.304.289.883)
Giá vốn khác	66.213.150.514	67.574.295.975
	55.111.289.678.611	51.802.738.407.525

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.764.049.746.076	51.758.222.765.692
Chi phí nhân công	339.970.741.813	306.306.110.814
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.324.896.748.387	1.322.860.409.314
Chi phí dịch vụ mua ngoài	904.022.090.945	861.446.262.586
Chi phí bằng tiền khác	165.831.867.972	160.854.361.239
	57.498.771.195.193	54.409.689.909.645

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	218.774.442.752	272.542.101.224
Lãi chênh lệch tỷ giá	116.780.148.797	21.892.393.026
Cổ tức và lợi nhuận được chia	210.000.000	-
	335.764.591.549	294.434.494.250

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lãi tiền vay	218.962.701.239	237.055.112.242
Lỗ chênh lệch tỷ giá tại ngày 30/6/2018 chuyển sang công ty cổ phần (Thuyết minh số 21)	57.718.950.430	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	218.013.195.415	76.923.180.588
Chi phí tài chính khác	2.181.743	-
	494.697.028.827	313.978.292.830

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 (Trình bày lại)
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	68.585.023.011	55.854.760.448
Chi phí vật liệu quản lý	1.150.164.957	835.248.432
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.264.154.353	2.455.930.050
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.158.810.564	18.565.812.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.858.846.516	26.029.249.896
Chi phí khác bằng tiền	51.610.162.724	66.158.262.702
	168.627.162.125	169.899.264.176
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên bán hàng	17.797.343.722	16.169.851.372
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.533.336	3.385.665
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.868.191.686	73.868.191.686
Chi phí vận chuyển bán sản phẩm	229.595.955.753	229.936.533.674
Chi phí bảo hiểm bán sản phẩm	671.247.864	782.602.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.167.864.831	53.055.256.106
Chi phí bán hàng xăng sinh học E5	248.000.000	180.500.000
Chi phí khác bằng tiền	1.284.303.002	1.343.754.232
	374.634.440.194	375.340.075.698

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

30. THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018
	VND	VND
Chênh lệch thừa do kiểm kê kho thành phẩm	7.994.014.790	6.399.333.267
Thu nhập từ được thưởng, bồi thường, phạt hợp đồng	1.746.700	30.208.362.372
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản	574.822.118	1.053.636.364
Thu nhập khác	1.865.137.858	4.477.613.371
	10.435.721.466	42.138.945.374

31. CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí bồi thường, phạt hợp đồng	267.220.899	8.161.213.156
Lãi phạt chậm nộp thuế nhập khẩu 2017	-	26.497.432.334
Chi phí khác	2.102.620.685	518.113.383
	2.369.841.584	35.176.758.873

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 (Trình bày lại)
	VND	VND
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	24.125.790.462	201.634.326.574
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	686.209.010	(1.999.900.818)
	24.811.999.472	199.634.425.756

Công ty có các khoản ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- » Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 30 năm; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.
- » Công ty con - Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm tính từ ngày dự án Nhà máy sản xuất Bio-Ethanol nhiên liệu bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 3.100.499.616 cổ phiếu, chi tiết như sau:

	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018
	VND
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	250.790.073.767
Trừ: Số tiền trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	250.790.073.767
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	3.100.499.616
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	81

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số tiền Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi tương ứng.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Các Công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018
	VND	VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam- Công ty Cổ phần	7.703.470.480.664	9.105.044.101.756
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	703.075.958.206	642.368.930.286
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	640.528.759.475	595.948.753.107
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	580.624.729.362	614.791.232.924
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu	100.873.549.784	293.290.236.689
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	45.381.394.695	47.868.251.621
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	825.840.298	739.846.787
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	246.720.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	61.730.273	1.860.970.024
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Trung	48.000.000	48.000.000
Viện Dầu khí Việt Nam	3.646.989	18.000.000
	9.775.140.809.746	11.301.978.323.194

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018
	VND	VND
Mua hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (*)	28.895.209.512.892	24.171.124.171.738
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	1.444.304.108.284	2.030.602.327.591
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01 & 02 - Điều hành Dầu khí)	688.686.607.403	138.479.424.283
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	688.190.283.080	705.849.355.755
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	229.595.955.753	239.947.593.196
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	153.852.960.192	126.582.975.024
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 & 02/97)	145.609.915.227	370.433.990.868
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	54.150.028.080	46.670.002.038
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	27.092.269.146	15.619.088.281
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	20.926.492.820	16.784.787.503
Viện Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	12.462.261.176	7.751.224.291
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	3.036.769.936	2.848.117.334
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.687.022.530	156.366.177
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD	1.598.085.000	2.214.340.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	1.323.105.000	1.512.812.927
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	335.000.000	178.820.000
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	292.011.200	978.373.166
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOil	223.145.400	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	198.409.091	-
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	170.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	165.867.382	1.059.259.225
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP - Chi nhánh tại Hồ Chí Minh	-	2.526.680.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	36.678.000
Tổng	32.369.109.809.592	27.881.356.387.397

(*) Mua hàng từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần bao gồm:

	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018
	VND	VND
Giá trị hàng hóa và dịch vụ	53.307.181.561	44.916.585.749
Giá trị dầu thô mua ủy thác	28.827.057.789.859	24.119.941.320.928
Các khoản ủy thác khác	14.844.541.472	6.266.265.061
	28.895.209.512.892	24.171.124.171.738

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

	Từ ngày 01/7/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 (Trình bày lại)
	VND	VND
Hoàn trả vốn về Tập đoàn		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	1.127.802.519.804
Nộp lợi nhuận		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	4.850.000.000.000	1.995.466.476.103
Thu nhập của Ban Lãnh đạo	8.613.130.000	4.650.630.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2018 VND	01/7/2018 VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.038.656.820.793	1.582.397.854.248
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	174.793.874.384	209.987.538.041
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	154.463.491.386	179.577.550.156
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	135.460.121.321	166.790.172.102
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	12.579.511.554	25.742.531.300
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	413.549.421	1.493.231.462
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	271.392.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	210.743.968	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	102.720.313	201.089.112
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	-	81.501.276.733
	1.516.952.225.140	2.247.691.243.154
Trả trước nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	45.379.877.535	50.029.877.535
Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Lưu trữ Dầu khí		2.015.351.619
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	1.082.400.000	-
Chi nhánh Viện Dầu khí Việt Nam - Trung tâm nghiên cứu và Phát triển chế biến Dầu khí	694.999.833	694.999.833
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	89.100.000	154.575.000
	47.246.377.368	52.894.803.987

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	31/12/2018 VND	01/7/2018 VND
Phải trả nhà cung cấp		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	2.499.485.052.166	3.986.408.656.102
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	187.604.273.197	300.013.692.120
Công ty Cổ phần Vận tải sản phẩm khí quốc tế	66.698.100.429	31.335.740.452
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí	52.300.543.663	33.808.585.988
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu	21.578.162.071	1.783.090.600
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	20.002.072.148	35.982.761.517
Viện Dầu khí Việt Nam	10.387.758.223	5.588.661.722
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	7.284.541.221	7.875.107.382
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.538.837.640	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	1.347.639.267	1.120.832.476
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	1.080.153.790	808.673.330
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD	1.057.034.000	668.480.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	288.381.500	584.262.525
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	217.645.800	801.973.193
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	150.000.000	-
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOil	10.172.480	3.404.299.404
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 và 02/97)	-	60.868.188.041
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí lô 01 và 02 (Điều hành Dầu khí)	-	22.759.137.447
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP - Chi nhánh tại Hồ Chí Minh	-	4.128.169.054
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	-	656.392.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	40.345.800
	2.871.030.367.595	4.498.637.049.153

	31/12/2018 VND	01/7/2018 VND
Phải trả khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.423.992.623.305	6.273.992.623.305
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	170.383.701.042	170.383.701.042
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.226.539.072	-
	1.595.602.863.419	6.444.376.324.347
Phải thu khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.118.996.642	1.118.996.642
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	169.784.400	169.784.400
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	44.444.533	44.444.533
	1.333.225.575	1.333.225.575

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

35. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết mua hàng và sử dụng dịch vụ**

Theo Hợp đồng nguyên tắc số 189/PVOIL-BSR/06-10/K tháng 6 năm 2010 về việc cung cấp dầu thô cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất giữa Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) và Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn, nay là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR), PV Oil sẽ đóng vai trò đầu mối cung cấp toàn bộ khối lượng dầu thô cần thiết đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật do BSR quy định để bảo đảm cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất vận hành hiệu quả, PV Oil sẽ thay mặt BSR hoặc trên cơ sở ủy thác của BSR tổ chức tham gia đấu thầu, chào hàng cạnh tranh hoặc/và đàm phán trực tiếp với nhà cung cấp để đảm bảo cung cấp dầu thô cho BSR đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

Theo Hợp đồng số 98/2018/HĐ/BSR-QPC ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) và Công ty QUAD Personnel Consultant (O&M Contractor), Quad sẽ cung cấp cho BSR dịch vụ quản lý, vận hành và sửa chữa Nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nhà máy Polypropylene (bao gồm cả dịch vụ hướng dẫn, đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên) trong thời gian 8 tháng với giá trị hợp đồng dự kiến là 7.773.417 USD, hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký kết.

Cam kết tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất

Theo điều khoản của các Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm xăng dầu của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất ký giữa Công ty (bên A) và các đầu mối (bên B) như Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVOil), Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex), Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hàng không Việt Nam (Vinapco), Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas)... trong sáu tháng cuối năm 2018, bên A cung cấp cho bên B các sản phẩm xăng dầu của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với giá bán theo điều kiện FOB/FCA Dung Quất, LPG theo điều kiện CIF được xác định trên cơ sở giá tham chiếu quốc tế cộng thêm phụ phí thị trường và các khoản thuế nộp vào Ngân sách Nhà nước (nếu có) đảm bảo cạnh tranh với thị trường.

Cam kết đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất

Theo Quyết định số 9016/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 12 năm 2014, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với quy mô đầu tư khoảng 8,5 triệu tấn/năm trong năm 2014. Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.813.470.000 USD với cơ cấu vốn của chủ sở hữu/vốn vay tối thiểu là 30/70 %. Thời gian thực hiện dự án là 78 tháng kể từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu (ITB) lựa chọn nhà thầu thiết kế tổng thể (FEED). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã hoàn thành việc thẩm định thiết kế FEED và dự toán của dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Công ty đang chờ phê duyệt thiết kế FEED cũng như dự toán của dự án, đồng thời đang tiến hành công tác thu xếp vốn và lựa chọn nhà thầu EPC.

36. CÁC THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP

Một số thông tin chủ yếu liên quan tới quá trình cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn) như sau:

Xử lý tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Theo Nghị quyết Chính phủ về việc phê duyệt phương án xử lý tài chính khi thực hiện Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn, giá trị thực tế của Công ty là 72.879.914.663.162 VND và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 44.934.562.233.107 VND. Công ty không phải điều chỉnh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và phải điều chỉnh theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về kết quả tư vấn định giá và xử lý tài chính trước khi công bố giá trị doanh nghiệp.

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Trong năm 2017, Công ty đã điều chỉnh các nghiệp vụ xử lý tài chính trước khi định giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và thực hiện nộp ngân sách Nhà nước và phân phối lợi nhuận bổ sung.

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần

Theo Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn, vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm Cổ phần hóa là 31.004.996.160.000 VND, chưa bao gồm nhu cầu vốn đầu tư cho Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thực hiện góp bổ sung vốn điều lệ cho BSR sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất sẽ được BSR hoàn trả lại cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Trong năm 2017, Công ty đã ghi giảm phần Vốn điều lệ với số tiền 1.127.802.519.804 VND tương ứng khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và đã chuyển trả toàn bộ số tiền trên trong năm 2018.

Bán cổ phần lần đầu ra công chúng

Theo Thông báo số 61/TB-SGDHCM ngày 17 tháng 01 năm 2018 và Công văn số 236/SGDHCM-NY ngày 6 tháng 02 năm 2018 của Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh về kết quả đấu giá cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn tại ngày 17 tháng 01 năm 2018, kết quả như sau:

- » Số lượng cổ phần đưa ra đấu giá là 241.556.969 cổ phần.
- » Số lượng cổ phần bán được và đã thanh toán: 241.427.969 cổ phần.
- » Tổng giá trị cổ phần bán được và đã thanh toán: 5.414.651.191.200 VND.

Cổ phiếu của Công ty bán ra công chúng trong lần đầu chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM từ ngày 01 tháng 3 năm 2018.

Theo Biên bản số 374/BB-BSR của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn) ngày 5 tháng 02 năm 2018 về xác định kết quả bán cổ phần cho người lao động BSR, số lượng cổ phần bán ưu đãi cho người lao động là 2.691.400 cổ phần.

Xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần

Công ty lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 trong đó ghi nhận một số nghiệp vụ xử lý tài chính tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần như trình bày tại phần chính sách kế toán như sau:

(i) Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, các khoản phải thu và hàng tồn kho:

	Số dư đã trích lập tại ngày 30/6/2018	Giá trị tổn thất do công ty xác định	Giá trị dự phòng hoàn nhập vào kết quả kinh doanh
	VND	VND	VND
» Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	536.393.291.073	536.393.291.073	-
» Dự phòng giảm giá các khoản phải thu	-	-	-
» Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	120.524.556.691	-	120.524.556.691
	656.917.847.764	536.393.291.073	120.524.556.691

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được xác định theo tỷ lệ sở hữu của Công ty và giá trị tài sản thuần của Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF) tại ngày 30 tháng 6 năm 2018. Công ty đã đánh giá xác định giá trị tổn thất của khoản đầu tư vào BSR-BF tương đương với giá trị dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào BSR-BF đã trích lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và quyết định sử dụng toàn bộ giá trị khoản dự phòng đã trích lập để bù đắp tổn thất tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

(ii) Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

	Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tại ngày 30/6/2018 VND	Chênh lệch tỷ giá chuyển thành Công ty Cổ phần VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	57.718.950.430	57.718.950.430

Báo cáo tài chính gần nhất Công ty lập trước thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần là báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018. Do đó, thời điểm gần nhất Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và ghi nhận vào kết quả kinh doanh là ngày 31 tháng 3 năm 2018.

(iii) Vốn điều lệ và các quỹ:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty đã thực hiện kết chuyển khoản mục Quỹ đầu tư phát triển để tăng số vốn điều lệ của Công ty thành 31.004.996.160.000 VND (Thuyết minh số 21). Vốn điều lệ này đã được Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất của Công ty phê duyệt theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018.

Quyết toán cổ phần hóa

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa và quyết định công bố giá trị thực tế vốn nhà nước tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần, xác định số phải nộp bổ sung về vốn hỗ trợ và sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Các khoản mục trên báo cáo tài chính riêng và các thuyết minh tương ứng có thể thay đổi tùy thuộc vào sự phê duyệt cuối cùng của các cơ quan có thẩm quyền.

37. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung ("BSR-BF" - Công ty con của Công ty) đã tạm ghi tăng nguyên giá các tài sản cố định của dự án Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất ("Nhà máy") với số tiền là 1.790 tỷ VND trong năm 2014. Tại ngày báo cáo này, BSR-BF đang trong quá trình thực hiện các thủ tục quyết toán chi phí đầu tư xây dựng và tiếp tục thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo Thông báo số 3129/TB-TTCP ngày 24 tháng 11 năm 2016. Giá trị quyết toán Nhà máy sẽ được điều chỉnh (nếu có) khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nợ ngắn hạn của BSR-BF vượt quá tài sản ngắn hạn là 636 tỷ VND, lỗ lũy kế của BSR-BF là 893,8 tỷ VND và nợ quá hạn thanh toán là 518,4 tỷ VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của BSR-BF phụ thuộc vào việc tái hoạt động sản xuất của nhà máy, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông cũng như lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá các kế hoạch hoạt động và tài chính của BSR-BF bao gồm hợp đồng hợp tác với một đối tác để khởi động lại hoạt động nhà máy và khẳng định cơ sở lập báo cáo tài chính của BSR-BF theo nguyên tắc hoạt động liên tục là phù hợp.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được điều chỉnh trên cơ sở kết luận của Kiểm toán Nhà nước tại Thông báo tại kết quả kiểm toán số 50/TB-KTNN ngày 4 tháng 01 năm 2019 về Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty, Kết luận của thanh tra Thuế số 19/KL-CT ngày 8 tháng 01 năm 2019 cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018, Nghị quyết số 6039/NQ-DKVN ngày 8 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận của Công ty và Nghị quyết số 1270/NQ-DKVN ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thông qua báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận của Công ty, cụ thể như sau:

Mẫu B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

Chi tiêu	Mã số	30/6/2018	Điều chỉnh	30/6/2018
		(Trước điều chỉnh)	hồi tố	(Sau điều chỉnh)
		VND	VND	VND
TÀI SẢN				
1. Phải thu ngắn hạn khác	136	65.848.788.272	1.022.755.834	66.871.544.106
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	136.722.241.067	1.376.708.334	138.098.949.401
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	8.109.049.452	1.251.164.512	9.360.213.964
4. Tài sản cố định hữu hình	221	28.030.253.520.487	63.804.625.131	28.094.058.145.618
<i>Nguyên giá</i>	222	46.968.439.945.553	72.852.155.062	47.041.292.100.615
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(18.938.186.425.066)	(9.047.529.931)	(18.947.233.954.997)
5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	950.057.687.804	14.890.000.000	964.947.687.804
NGUỒN VỐN				
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	818.340.906.901	9.370.812.266	827.711.719.167
2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	163.259.768.986	956.818.182	164.216.587.168
3. Phải trả ngắn hạn khác	319	6.400.280.988.054	64.995.348.363	6.465.276.336.417
4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	64.158.163.689	6.992.275.000	71.150.438.689
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	1.423.093.900.248	30.000.000	1.423.123.900.248

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Chi tiêu	Mã số	Từ 01/01/2018	Điều chỉnh	Từ 01/01/2018
		đến 30/6/2018		đến 30/6/2018
		(Trước điều chỉnh)	hồi tố	(Sau điều chỉnh)
		VND	VND	VND
1. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	51.719.672.050.701	83.066.356.824	51.802.738.407.525
2. Chi phí tài chính	22	312.740.469.390	1.237.823.440	313.978.292.830
3. Chi phí bán hàng	25	370.160.045.104	5.180.030.594	375.340.075.698
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	169.852.600.540	46.663.636	169.899.264.176
5. Chi phí khác	32	33.809.979.745	1.366.779.128	35.176.758.873
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	3.623.749.445.300	(90.897.653.622)	3.532.851.791.678
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	199.351.298.393	283.127.363	199.634.425.756
8. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3.421.936.901.761	(91.180.780.985)	3.330.756.120.776

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Chi tiêu	Mã số	Từ 01/01/2018	Điều chỉnh	Từ 01/01/2018
		đến 30/6/2018		đến 30/6/2018
		(Trước điều chỉnh)	hồi tố	(Sau điều chỉnh)
		VND	VND	VND
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.623.749.445.300	(90.897.653.622)	3.532.851.791.678
2. Khấu hao tài sản cố định	02	1.316.542.691.858	6.588.407.490	1.323.131.099.348
3. Chi phí lãi vay	06	235.817.288.802	1.237.823.440	237.055.112.242
4. Tăng, giảm các khoản phải thu	09	564.275.346.628	(65.937.652)	564.209.408.976
5. Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	63.605.742.189	84.514.068.678	148.119.810.867
6. Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(18.239.159.410)	(1.376.708.334)	(19.615.867.744)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 124.490.576.426 VND (cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến 30 tháng 6 năm 2018: 48.300.783.518 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán, và đã bao gồm 534.469.832.380 VND (cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến 30 tháng 6 năm 2018: 494.625.680.898 VND), là số tiền ứng trước cho mua sắm tài sản cố định. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.





Lê Thị Hồng Trâm
Người lập biểu

Nguyễn Thị Minh Hải
Phụ trách kế toán

Đình Thái Hà
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2019

Nhằm góp phần bảo vệ môi trường, Báo cáo thường niên 2018 của BSR được in với số lượng có hạn và sử dụng loại giấy thân thiện với môi trường. Vì vậy, khi không còn nhu cầu sử dụng, Quý vị vui lòng chuyển cho những người có quan tâm. Ngoài ra, Báo cáo thường niên 2018 của BSR còn được công bố bằng phiên bản điện tử, Quý vị quan tâm vui lòng truy cập website: www.bsr.com.vn.



CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

[A] 208 Đại lộ Hùng Vương, P. Trần Phú, Tp. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

[T] 0255 3825825

[F] 0255 3825826

[W] www.bsr.com.vn
